

KINH DUY MA CẬT GIẢNG GIẢI

TỰA

Trước khi giảng bộ kinh này, tôi cũng nói đơn sơ qua một vài đặc điểm, để cho đại chúng có cái ý thức trước, rồi học bộ Kinh.

Trước hết là sơ lược về bộ Kinh này. Phần một là nói về phiên dịch. Kinh này là từ chữ Phạn dịch ra chữ Hán. Ở Trung Hoa có ba nhà dịch:

1.- Chi Lôu Ca Sấm, Ngài dịch tên kinh là “Duy Ma Cật Kinh”, chia làm ba quyển.

2.- Ngài Cưu La Ma Thập, dịch tên là “Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh”, có hai quyển. Cũng có tên là “Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Kinh”.

3.- Ngài Huyền Trang, dịch :Thuyết Vô Cấu Xưng Kinh”.

Đó là ba Ngài dịch mà còn có những bản kinh lưu lại đến giờ.

Kể đây là mục thứ hai, nói lý do Kinh này ra đời. Lý do thì có nhiều nhưng đây tôi lược kể hai lý do:

Lý do thứ nhất, vì lòng từ bi bình đẳng của Phật, cho nên bộ kinh này ra đời. Bởi vì trước những thời pháp, những buổi giáo hóa ban đầu, thì tất cả những người tu trong đạo Phật, mà Phật gọi là hàng được giải thoát sinh tử, A La Hán đó. Đều là dành riêng cho người xuất gia. Chỉ người xuất gia tu mới có thể chứng quả A La Hán. Còn hàng cư sĩ tối đa là chứng quả A Na Hàm là cùng. Tức là quả thứ ba trong bốn quả. Chứ chưa có khi nào chứng được A La Hán.

Như vậy ai muốn giải thoát sinh tử đều phải xuất gia tu, mới giải thoát sanh tử được. Còn nếu còn tại gia tu chỉ là cái nhân tốt để sau này tiếp tục tu thêm. Chớ hiện đời không thể giải thoát. Bởi vậy cho nên từ bao nhiêu thế kỷ, người phát tâm tu, ngay trong lúc đức Phật tại thế cho đến sau này, muốn giải thoát, đều ồ ạt tìm xuất gia.

Như vậy thì đa số người xuất gia dù đông mấy đi nữa cũng là thiếu phần trong quần chúng. Mà nếu chỉ có một thiếu phần tu hành, có thể được giải thoát sinh tử. Còn đa số thì không được. Tức nhiên số người tu Phật càng ngày càng bị hạn chế.

Do đó cho nên vì lòng từ bi của Phật mà Ngài đem câu chuyện của Ông Duy Ma Cật bệnh ra, để mời các thầy Tỳ Kheo, hay là các vị A La Hán, cho đến Bồ Tát đến thăm Ngài. Nhưng mà tất cả những vị Tỳ Kheo, A La Hán và Bồ Tát đó đều nể kính Ông Duy Ma Cật. Thấy các Ngài không đủ khả năng đối đáp với Ông Duy Ma Cật. Cũng không đủ khả năng để mà chinh phục được ông. Ngược lại đều bị ông chinh phục.

Như vậy chứng tỏ rằng không phải chỉ trong giới xuất gia làm Tỳ Kheo, chúng A La Hán. Và xuất gia như trong hình ảnh Đại thừa có những Ngài như Văn Thù Sư Lợi. Hoặc là Ngài Địa Tạng Bồ tát đều là hình ảnh người xuất gia. Thì dù Bồ tát xuất gia đó nhưng cũng chưa đủ khả năng mà chinh phục nổi. Hay là vượt hơn được một ông cư sĩ, là Ông Duy Ma Cật.

Đó là cái điều để nâng cao tinh thần của vị cư sĩ tại gia. Nếu cư sĩ tại gia mà đạt đạo đúng rồi, cũng có cái khả năng siêu việt mà hàng xuất không thể vượt qua nổi. Đó là để nuôi cho chánh pháp hay giáo lý Phật dạy đi khắp trong mọi tầng lớp. Nó không dành riêng ưu đãi cho một chế độ xuất gia thôi. Đó là nói vì lòng đại bi của Phật mà kinh này ra đời.

Phần thứ hai là có một số nhà khảo cứu về lịch sử, họ thấy rằng Kinh Duy Ma Cật này có tánh cách như là một cuộc cách mạng của cư sĩ. Bởi vì từ trước đến giờ chỉ có những người xuất gia đạt đạo chứng quả, mà chưa ai nói đến người cư sĩ đạt đạo cao, bằng và hơn người xuất gia. Nhưng mà tới thời gian Kinh Duy Ma Cật ra đời, thì lại thấy một ông cư sĩ siêu xuất hơn cả người xuất gia nữa.

Như vậy đó là một cuộc cách mạng để nâng giới cư sĩ lên. Chớ không có theo cái nề nếp cũ, chỉ nói xuất gia mới là giải thoát. Xuất gia mới được tự tại. Xuất gia mới đạt đạo viên mãn v.v... đó là tính cách nghiên cứu lịch sử. Cho nên

những vị đó họ nói rằng: Kinh Duy Ma Cật ra đời là một cuộc cách mạng của hàng cư sĩ.

Đó là hai lý do. Lý do trước là nhìn theo tâm bình đẳng của Phật. Lý do sau là nhìn theo cuộc thay đổi của giai cấp tu hành. Đó là hai điểm tôi nêu lên về lý do.



PHẦN 1

Bây giờ giải thích về tên kinh. Bài mà chúng ta học hay quyển kinh chúng ta học đây là do Ngài Cưu La Ma Thập. Tuy rằng trong ba nhà dịch đều có nổi tiếng. Nhất là như Ngài Huyền Trang đó, sau này rất nổi tiếng. Nhưng mà xét ra, ba bản dịch đó đối chiếu lại, hầu hết từ trước đến giờ, những nhà học Phật đều lấy bản dịch của Ngài Cưu La Ma Thập làm định bản. Tức là cái bản quyết định hơn. Còn những bản kia thì không bì kịp. Bởi vậy cho nên bây giờ chúng ta học là chọn cái bản của Ngài Cưu La Ma Thập. Bản của Ngài Cưu La Ma Thập có hai tên: một tên là “Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh”. Còn một tên khác là “Bất khả Tư Nghì Giải Thoát Kinh”. Bây giờ tôi tuân tự giải thích hai tên đó cho quý vị hiểu.

Bây giờ tên thứ nhất là “Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh”. Duy Ma Cật tức là tên của ông Duy Ma Cật. Mà Duy Ma Cật là chữ Phạn. Trung Hoa dịch là Tịnh Danh. Cũng dịch là Vô Cấu. Tịnh Danh: Chữ tịnh là trong sạch. Danh: Thường thường chúng ta nói là tên, nhưng mà ở đây không có nghĩa là tên, cái tên trong sạch thì nó vô nghĩa. Bởi vì chữ danh ở đây nó nằm ở trong mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên mà cái phần thức, thức là duyên gì? Danh sắc. Như vậy chữ Danh và Sắc đó. Danh là tinh thần, là tâm, sắc là vật chất. Như vậy thì chữ danh là chỉ cho phần tâm, phần tinh thần. Tịnh Danh có nghĩa là cái tâm thanh tịnh, tâm trong sạch. Vì sao? Bởi vì Ngài Duy Ma Cật là một con người, một ông Trưởng giả giàu có, thế chấp đầy nhà. Tiền bạc, tôi tớ đầy đủ mà ông không dính, không mắc trong danh, trong lợi, trong tài, trong sắc. Vì vậy mà nói tâm ông trong sạch. Vì vậy mà gọi là Tịnh Danh. Còn Vô Cấu là dịch ngược lại. Vô Cấu là không có như, không nhớp tức là trong sạch chớ gì. Cho nên hai cái tên đó nó không có khác nhau. Nhưng mà lấy cái tên Duy Ma Cật mà giảng đó, quý vị thấy có khi nó cũng hơi quá. Bởi vì thường thường cái tên của người, không nhất thiết là đúng với cái nghĩa của cuộc sống con người đó.

Tôi thí dụ: Như bây giờ có một người nào đó, họ đặt tên là Hữu Phước nhưng mà họ nghèo rách da. Như vậy cái tên đó và cái cuộc sống đó, nó có giống

nhau không? Thì thiếu gì, mình thấy có nhiều người tên đẹp vô cùng, mà tới nhìn họ thì thấy không có gì đẹp hết. Như vậy thì cái tên chỉ để mà gọi thôi, chứ không nhất thiết cái tên đó nó lại mang đầy đủ ý nghĩa cuộc sống con người ấy. Đó là trường hợp thứ nhất.

Trường hợp thứ hai, có ai đó đặt tên, muốn cho con mình đẹp thì đặt tên làm sao. Như muốn cho người ta nghe tên tưởng nó là quý là đẹp. Thí dụ đặt tên cho gái là Bạch Hoa. Tức là hoa trắng. Nhưng mà nó lại đen thui. Như vậy thì đứa con da đen mà đặt tên là Bạch Hoa. Mình nghe Bạch Hoa thì mình tưởng đâu người đó trắng lắm, phải không? Nhưng mà họ đen rồi sao? Như vậy cái tên nó không phải là nhất thiết hết cái ý nghĩa của họ, phải không?

Nhưng mà ở đây tôi sẽ giảng ý nghĩa là đứng về mặt lý của các vị Bồ tát. Bởi vì thường thường trong Kinh Đại Thừa có cái tánh cách ý nghĩa về tâm lý nhiều hơn.

Thí dụ: Như trong kinh Viên Giác. Mỗi một vị Bồ Tát đứng ra hỏi phần nào đó, thì cái phần đó mang tên vị Bồ Tát đó. Mà chính phẩm đó nói đúng ý nghĩa của cái tên đó. Thí dụ như tên Ngài Viên Giác. Bồ tát Viên Giác thì cái phẩm đó nói về Viên Giác. Như vậy thì mỗi cái tên của Bồ Tát nó mang theo cái ý nghĩa, hành động của các Ngài cho nên mình giảng chữ Tịnh Danh của Ngài Duy Ma Cật đây là giảng theo ý nghĩa của Bồ Tát. Chớ còn thực tế, cuộc sống không phải tên nào cũng có ý nghĩa như vậy, phải không? Có những tên nó rất là đẹp, mà con người nó không có đẹp gì hết, phải không? Có tên rất là tầm thường mà con người đẹp. Thì cái đó nó không có cố định. Như vậy tôi giảng cho quý vị hiểu cái ý nghĩa đó.

Rồi tới chỗ khác, cũng tên kinh này là “Bát Khả Tur Nghi Giải Thoát Kinh”. Bát Khả Tur Nghi Giải Thoát Kinh nghĩa là làm sao? Tức là sự giải thoát không thể nghĩ bàn.

Bây giờ tôi thí dụ như vậy để mình biết ý nghĩa của bộ kinh. Thí dụ như có người họ muốn dứt hết những nhiễm ô trần tục. Cho nên ngày xưa họ giàu có

sang trọng. Bây giờ họ bỏ hết tất cả sự nghiệp tài sản, vợ đẹp, con yêu gì bỏ hết để đi tu. Khi vào chùa thì họ một bề thanh tịnh tu hành, không còn có ước mơ những dục lạc thế gian nữa. Cũng không còn dính mắc những dục lạc thế gian nữa. Những vị đó giải thoát mình dễ hiểu không? Cái giải thoát đó dễ hiểu quá. Nghĩa là ông gỡ ông bỏ hết rồi, cho nên tới đây ông là hoàn toàn thanh tịnh. Còn ngược lại như ông Duy Ma Cật, ông ở trong nhà làm trưởng giả, vợ con đầy đàn, tiền của cả kho đụn, đầy cả kho đụn. Mà nói giải thoát thì làm sao tin nổi, phải không? cái giải thoát đó khó mà tin nổi. Bởi vì có vợ có con, rồi tiền của, rồi tôi tớ, đủ hết như vậy mà làm sao nói ông giải thoát. Như vậy chính ông Duy Ma Cật ở trong cái cảnh đầy dẫy những nhiễm ô đó mà ông không dính mắc. Thì cái giải thoát đó có thể nghĩ bàn được không? Bởi vậy cho nên nói rằng giải thoát không thể nghĩ bàn. Đó là trường hợp ông Duy Ma Cật. Chính kinh này diễn tả cái giải thoát đó đó. Ông ở trong hoàn cảnh như vậy mà tâm ông không dính không nhiễm. Mà ông làm tất cả Phật sự không chướng không ngại. Cho nên cái giải thoát đó gọi là giải thoát bất khả tư nghì. Như vậy quý vị mới thấy ý nghĩa của bộ kinh một phần. Đây tôi cũng nói đơn giản chớ không nói hết.

Rồi kể đó nữa, Kinh Duy Ma Cật này có liên hệ đến Thiên tông khá nhiều. Bởi vì kinh này, chúng ta nhớ đọc sách thiên, một vị nào mà ngộ lý thiên từ kinh Duy Ma Cật, quý vị nhớ không? Chính Ngài Thiên Sư Huyền Giác. Ngài nghiên cứu kinh Duy Ma Cật, Ngài phát ngộ. Khi ngộ rồi, thì Huyền Sắc đến, nói chuyện với Ngài thì thấy rõ ràng cái hiểu của Ngài đúng như cái hiểu của chư Tổ, không có khác. Bởi vậy mới xúi dục Ngài đi đến Lục Tổ, để nhờ Lục Tổ ấn chứng cho. Rồi chính Ngài khi đến Lục Tổ học thêm nhiều ít? Chỉ là qua câu chuyện đối đáp thì được Lục Tổ ấn chứng rằng: Ồ! Đúng rồi, cái hiểu của ông đúng như thật. Không có sai chạy. Ngang đó thì Ngài trở về, chớ không có học hỏi gì thêm hết.

Như vậy để thấy rằng cái tinh thần giải thoát của Ngài đã sẵn đủ. Chớ không phải do tới Lục Tổ Ngài mới chỉ dạy cho rồi mới giải thoát sau. Hay là ngộ đạo sau cái ngộ của Ngài là ngộ là ngộ từ kinh Duy Ma Cật này. Bởi vậy cho nên kinh Duy Ma Cật cũng có ảnh hưởng lớn trong giới tu thiền của chúng ta. Vì vậy

mà học nó cũng có cái tầm vóc như học những sách Thiên vậy. Đó là tôi nói tổng quát rồi, bây giờ đi tới chánh văn.

Yì nghĩa phẩm kinh này. Phẩm này tên là Phẩm Phật Quốc thứ nhất. Hồi nãy tôi đã giảng tên kinh và người dịch rồi. Bây giờ nói về tên phẩm. Phẩm trong những bộ kinh mà phẩm đầu đều là phẩm Tựa. Tựa tức là lời tựa đó. Nhưng mà đây lại không đề phẩm Tựa, mà lại đề là phẩm Phật Quốc. Lý đáng cái phẩm này phải có chia ra hai phần: Phần thứ nhất là nói về Tựa. Phần thứ hai mới nói về Phật Quốc.

Phần thứ nhất nói tựa tức là chỉ cho từ “N hư Thị Ngã Văn” cho tới tất cả đều câu hội”. Rồi bắt đầu Phật thuyết pháp đó. Đó là phần tựa. Vì đó là phần chung. Kể diễn tả trong hội. Nhưng mà ở đây lại không nói phần tựa đó, mà lại nói Phật Quốc. Thì coi như đã khóa lấp phần tựa rồi. Như vậy thì có ý nghĩa gì? Bởi vì Ngài Cưu La Ma Thập, Ngài thấy rằng trong toàn bộ kinh Duy Ma Cật đều lấy cái chủ đích là “Thanh tịnh cõi Phật”. Chủ đích là thanh tịnh cõi Phật, mà muốn thanh tịnh cõi Phật thì phải y cứ nơi tâm chúng sinh. Bởi vậy nên muốn có cõi Phật thanh tịnh là quả, thì tâm chúng sinh là nhân. Có cái tâm thanh tịnh thì mới có cái cõi Phật thanh tịnh. Nếu tâm chưa thanh tịnh thì không thể nào có cõi Phật thanh tịnh được. Bởi vậy nên từ đầu chí cuối bộ kinh đều nhằm thẳng cái mục đích đó. Nghĩa là tâm tịnh thì cõi Phật mới tịnh.

Như vậy phẩm Phật Quốc này có thể là tổng quát toàn bộ kinh. Cho nên không còn nói tựa riêng của nó mà nói phần chung cho toàn bộ. Vì vậy mà Ngài không có đề tên cái phẩm tựa mà đề tên phẩm Phật Quốc. Đoạn sau lời hỏi của các vị Bồ Tát đó sẽ hiển bày cái lý này. Tôi nói đại khái cho quý vị biết về ý nghĩa của cái phẩm. Bây giờ bắt đầu vô trong chữ nghĩa. Ráng dò chữ Hán lại kỹ kỹ một chút.

Tôi nghe như vậy một hôm Phật ở rừng Tỳ Gia Ly, vườn cây Am La, cùng với chúng đại Tỳ Kheo tám ngàn người chung hội. Bồ Tát có Ba vạn hai ngàn đều

là bậc thiên hạ được biết. Chúng sở tri thức đó tức là thiên hạ đều nghe đều biết. Cái trí huệ lớn bốn hạnh thiết thầy đều thành tựu.

Đây là diễn tả cái khả năng, cái đức độ của các vị Bồ Tát đó.

Do cái oai thần của chư Phật mà dựng lập nên. Các vị đó là cái thành để hộ pháp và thọ trì chánh pháp. Các vị Bồ Tát đó hay rống tiếng rống của Sư Tử. Cái danh tiếng của các Ngài nó đồn đãi khắp mười phương. Các Ngài làm bạn không đợi chúng thỉnh, mà để an ủi họ. (Chúng nhưn bất thỉnh hữu di an chi. Nghĩa là mọi người không thỉnh mà vẫn làm bạn để an ủi cho họ). Và nói tiếp Tam Bảo. Hay khiến không có dứt hàng phục các ma quái và chế ngự chúng ngoại đạo”.

Đó là tôi giảng lần đoạn này trước cho quý vị thấy. Đây là tán thán công đức của ba muôn hai ngàn vị Bồ Tát. Ba muôn hai ngàn vị Bồ Tát có mặt trong hội này đều là những vị có đầy đủ công đức như ở đây kể. Nhưng mà cái điều mình thấy, các nơi luôn luôn kiết tập thì để nói rằng có 1250 vị Tỳ Kheo, phải không? Theo Phật hay là câu hội. Còn ở đây nói có được bao nhiêu. Có 8.000 người câu hội mà không kể tên ai hết. Mà chỉ kể các vị Bồ Tát thôi. Như vậy để thấy cái bản kinh này không có đề cao Tỳ Kheo, mà là đề cao Bồ Tát. Bồ Tát ở đây là Bồ Tát tại gia, phải không? Đó là đặc điểm mà mình thấy. Những vị Bồ Tát đó trong những đặt điểm nêu lên cho chúng ta thấy.

Trước hết những vị Bồ Tát này là những người mà tất cả thiên hạ ai cũng nghe cũng biết. Trí Tuệ các Ngài rộng lớn. Các hạnh của các Ngài đều thành tựu. Các Ngài nhờ đã được chư Phật lâu đời dựng lập nên. Các vị Bồ Tát này là cái thành hộ pháp. Tức là ủng hộ chánh pháp. Rồi cũng thọ trì chánh pháp. Rồi các Ngài hay giảng dạy. Rồi danh tiếng các Ngài đồn khắp mười phương. Cái câu hay nhất là các Ngài làm bạn không đợi thỉnh mời, phải không? Mình bây giờ muốn giảng thì sao? Có ai mời mình mới giảng. Như vậy mình chỉ là bạn khi nào có kẻ mời. Còn các Ngài làm bạn mà không đợi thỉnh mời. Đó là để nói lên cái tâm của Bồ Tát. Khi thấy cần làm lợi ích cho chúng sinh thì lăn xả vào mà làm. Chớ không phải đợi mời, đợi thỉnh.

Rồi các Ngài có cái khả năng để mà nói nắm Tam bảo. Duy trì tam bảo, hàng phục ngoại ma... Tức là ma quái và ngoại đạo.

Thầy đã thanh tịnh hằng lia Cái Triền. Chữ cái là ngũ cái. Triền là Thập Triền. Tâm thường an trụ trong cái vô ngại giải thoát. nào là Niệm, Định, Tổng Trì, Biện tài không dứt.

Bốn cái đó là chỉ cho khả năng của các Ngài. Niệm nè, Định nè, Tổng trì: Tổng trì tức là gồm hết, nhớ hết. Biện tài tức là cái tài biện luận. Đó là mấy phần riêng. Rồi bây giờ tới Lục Độ. Nào là:

Bồ thí, Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ và cái sức phương tiện không có cái gì chẳng đủ. Hay là nói đều đầy đủ.

Chữ Vô Bất cất nghĩa đầy đủ là “Đều”. Vô là “Không”. Bất là “Chẳng”. Không chẳng nghĩa là làm sao? Vô Bất Cụ Túc: Không chẳng đầy đủ. Nghĩa là đều đầy đủ. Nhớ mấy cái chữ đó.

Đều không có sở đắc, không có khởi pháp nhẫn.

Câu này quý vị nghe, “Đến”, Chữ đó là “Đến”. Đãi là “Đến”. Là “Kịp” đó. Đến được cái vô sở đắc, không khởi pháp nhẫn. Như mình bây giờ do tâm ý mình còn sân si nhiều, ai động tới mình nổi giận. Mà muốn tu thì phải làm sao? Phải đề cơn giận xuống. Đề cơn giận xuống gọi là gì? Là nhẫn. Nhẫn là nhịn đó. Như vậy nhờ nhẫn mà mình mới tu. Chớ còn người ta nói tới mà mình không nhẫn thì sao? Tức nhiên mình dễ sân si lắm, phải không? Nhưng mà tại sao ở đây các Ngài không có nhẫn. Không khởi pháp nhẫn. Bởi vì tham sân si không còn. Mà không còn gì khởi nhẫn. Cho nên mình tưởng mình nhẫn hay đó là mình tu hay, phải không? Nhẫn hay đó là tại sân nhiều. Sân nhiều cho nên phải nhẫn nhiều.

Còn người hết sân rồi còn gì phải nhẫn. Vì vậy cho nên nói vô sở đắc. Bởi vô sở đắc rồi thì còn gì mà nhẫn nhục.

Đã hay tùy thuận chuyển bánh xe bất thối. Khéo hiểu các tướng hay là tướng các pháp. Biết được cái căn của chúng sinh. Che đậy tức là che mắt các đại chúng được vô sở quý.

Mấy chỗ đó phải nhớ cho kỹ.

Công đức trí tuệ, lấy công đức trí tuệ để mà tu nơi tâm. Còn lấy cái tướng hảo mà trang nghiêm nơi sắc thân làm đệ nhất. Bỏ hết các đồ trang sức ở thế gian.

Ở chỗ này quý vị thấy có cái lạ nữa. Câu nói lấy công đức trí tuệ mà tu ở đây, thì cái đó dễ hiểu rồi. Còn nói lấy cái tướng hảo, tức là tướng tốt để mà trang nghiêm thân. Vì vậy sắc thân là bậc nhất. Rồi xả bỏ các đồ trang sức ở thế gian. Thường thường ở thế gian người ta nói có trang sức thì mới đẹp. Bây giờ bỏ hết đồ trang sức thì làm sao mà đẹp. Nói là trang nghiêm cái thân, thân tốt đẹp. Muốn trang nghiêm thân thì phải có các đồ trang sức chớ, phải không? Mà tại sao trang nghiêm thân tốt đẹp lại bỏ các đồ trang sức? Là bởi thế này. Thường thường chúng ta muốn cho thân đẹp cho nên mới dùng những món đồ trang sức để cho nó tăng cái vẻ đẹp. Mà đồ trang sức là cái bên ngoài, cái phương tiện bên ngoài.

Còn với Bồ tát này thì lấy ba hai tướng tốt của Phật đó, để mà trang nghiêm thân. Ba hai tướng tốt đều do công tu mà ra, phải không? Cái công tu hành mà được. Cho nên muốn trang nghiêm thân thì lấy công đức tu hành để cho thân có đủ tướng tốt. Chớ không phải mượn cái món đồ ở ngoài trang sức cho thân đẹp. Nó khác với mình bây giờ.

Bởi vì trong ba mươi hai tướng tốt của Phật, Phật nói mỗi tướng đều do công tu của Ngài. Tỷ dụ như tướng lưỡi rộng dài là do Ngài tu cái hạnh không nói dối, phải không? còn cái trái tai dài, là sống dai, là do Ngài tu cái hạnh không giết hại chúng sanh... Mỗi cái tướng tốt đều là công hạnh tu của Ngài mà được.

Như vậy thì muốn được tướng tốt đó thì phải tu những công hạnh đó được. Lấy cái đó để trang sức thân mình, chớ không có mượn những đồ trang sức hoa hòe ở bên ngoài. Như vậy mới hiểu rằng các Ngài bỏ hết những đồ trang sức ở thế gian là vậy đó.

Cái tướng tốt của các Ngài nó cao và xa, vượt cả núi Tu Di. Các Ngài tin sâu và kiên cố ví như là Kim Cương. Cái pháp bảo này khắp soi như là mưa nước cam lồ. Ở trong chúng nói pháp cách vi diệu đệ nhất. Các Ngài ở trong chúng nói

pháp vi diệu đệ nhất. Các Ngài thâm nhập được lý duyên khởi và đoạn các tà kiến. Không có mắc kẹt hai bên có và không, và không còn những tập khí thừa. Diễn pháp không có sợ ví như là con Sư tử rống. Những lời nói của các Ngài giảng nói ra như là tiếng sấm vang. Không có lượng và đã quá cái hạn lượng.

Bởi vì cái tiếng của Ngài giảng nó vang xa. Nó không có giới hạn. Nó quá cái hạn lượng.

Nhóm họp các pháp bảo rộng như biển.

chữ “Như hải đạo sư” đó. Tức là ông thầy dẫn đường như biển thì nghe nó khó hiểu. Bởi vì pháp của Phật nói ra, tùy bệnh mà cho thuốc. Cho nên chúng sinh bệnh nhiều, các pháp Phật cũng nhiều. Gom hết những pháp đó thì nó rộng như biển. Mà pháp đó là cái hướng để đi dắt chúng sinh ra khỏi bể khổ. Cho nên nói là đạo sư. Vì vậy mà nói là nhóm họp các pháp bảo rộng lớn như biển. Nó là phương tiện đi dắt chúng sanh như bậc thầy.

Thấu suốt được các pháp thâm diệu, cái nghĩa thâm diệu của các pháp. Khéo biết cái chỗ qua lại của chúng sanh. Hay là khéo biết cái chỗ qua lại và tâm sở hành của chúng sinh. Gần bậc Phật vô đẳng đẳng, tự tại huệ, thập lực, tứ vô quý, thập bát bất cộng.

Vì các vị Bồ Tát này là thường gần gũi Phật. Phật là bậc vô đẳng đẳng, được tự tại huệ, được Thập Lực, được Tứ Vô Sở Quý, được Thập Bát Bất Cộng.

Các vị Bồ Tát này đã đóng cửa tất cả các đường ác mà sanh trong ngũ thú để hiện thân kia.

Câu này có mâu thuẫn không. Nói các Ngài đã đóng cửa tất cả đường ác. Mà đã đóng cửa các đường ác. Tại sao lại hiện sanh trong ngũ thú. Hiện thân sanh trong ngũ thú là sao? Nếu đóng cửa các đường ác rồi thì đâu có bị sanh trong ngũ thú. Tại sao đóng cửa đường ác mà lại hiện thân trong ngũ thú. Thì đây để thấy rằng, đóng cửa các đường ác là cái nghiệp để tạo sinh trong các cõi ác, cõi xấu đó nó không còn nữa. Các Ngài không còn nghiệp để sanh trong tam giới. Hay là trong lục đạo. Nhưng mà các Ngài lại vì lòng đại bi mà thệ nguyện sanh trong lục

đạo để giáo hóa chúng sinh. Bởi vậy cho nên đóng hết các cửa trong các đường ác nhưng mà vẫn hiện thân sanh ở trong ngũ thú, đó là cái chỗ này. Sanh trong ngũ thú để làm gì?

Vì làm ông thầy thuốc. Vua thầy thuốc hay ông thầy thuốc lớn, khéo trị lành bệnh cho chúng sanh. Nó hợp với bệnh mà cho thuốc, khiến đều được lành bệnh. Các ngài vô lượng công đức thầy đều thành tựu. Vô lượng cõi Phật thầy đều trang nghiêm thanh tịnh. Ai mà thấy hay nghe được các Ngài đều có lợi ích. Vô bất mong ích đó. đều có lợi ích. Những việc làm của các Ngài đều không có lường uổng. Như thế tất cả công đức thầy đều đầy đủ.

Như vậy thì tán thán công đức của những vị đó rất đầy đủ.

Tên của các Ngài là Bồ Tát Đẳng Quán, Bồ Tát Bất Đẳng Quán... cho đến sau chót là Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử. Như thế... ba muôn hai ngàn người.

Tức là ba muôn hai ngàn vị Bồ Tát câu hội.

Lại có một muôn vị Phạm Thiên, Phạm Thiên Vương, Thi Khí... từ ở tứ thiên hạ khác mà đến chỗ Phật và để nghe pháp. Lại có một muôn hai ngàn Thiên Đế cũng từ ở tứ thiên hạ khác đến, ngồi ở trong hội, cùng những vị đại oai lực, chư Thiên, Long,, Thần, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Đà thầy đều ngồi trong hội. Những vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đều đến ngồi ở trong hội.

Khi ấy Phật cùng chúng vô lượng trăm ngàn cung kính vây quanh mà vì nói pháp. Thí như ngọn núi Tu Di lớn nó hiển hiện ở trong biển cả. Làm An Sử chúng bảo như tòa.

Tức là Ngài ngồi trên cái tòa An sử. Tức là ngôi yên đó. ngài ngồi yên trên tòa Sư tử.

Các thứ báu, bảy báu đó che hết tất cả các Đại chúng mới đến. Tức là Ngài ngồi trên tòa Sư tử bảy báu thì hào quang sáng của Ngài phủ hết, trùm hết các đại chúng.

Như vậy đoạn này tánh cách là tựa, là dẫn. Cái buổi mà Phật sắp thuyết pháp đây. Có những ai tụ hội về để dự trong buổi này. Số người dự, kể ra cho chúng ta biết. Và buổi họp đó ở tại chỗ nào... như vậy đó là tánh cách tựa. Còn chưa nói gì tới giáo lý. Bây giờ đọc tiếp tới phần giáo lý.

Khi ấy ở thành Tỳ Da Ly có những ông Trưởng Giả.

Cái chữ “Tử” này, thiên hạ cứ mắc kẹt. Trưởng giả tử là cho ông trưởng giả phải không? Còn nếu nói Khổng Tử là con ông Khổng Tử phải không? Lão Tử là con ông Lão Tử phải không? Chữ “Tử” không phải nghĩa là “Con” không. Mà còn có nghĩa là “Ông”.

Tức là có những ông Trưởng giả tên là Bảo Tích nè, cùng với 500 ông Trưởng giả đều mang cái lọng bảy báu đến chỗ Phật. Đầu mặt lễ chân Phật. Mỗi vị lấy cái lọng của mình mà dâng lên cúng dường Phật. Phật dùng oai lực khiến cho các lọng báu hợp lại thành một cái lọng, để che khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Mà những tướng rộng dài của thế giới này thấy đều hiện ở trong. Lại cái tam thiên đại thiên thế giới này, các núi Tu Di, núi Vân, núi Tuyết, núi Mục Chân Lô Đà, núi Ma Hạ Mục Lô Đà, núi Hương, núi Bảo, núi Kim, núi Hắc, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi. Rồi biển cả sông ngòi, các dòng suối và mặt trời, mặt trăng, tinh tú, thiên cung, long cung, cung của các vị tôn thần. Thấy đều hiện cái lọng báu ấy. Lại chư Phật ở mười phương, chư Phật đang nói pháp, cũng đều hiện ở trong núi ấy. Trong cái lọng báu ấy.



PHẦN 2

Đó là một cái đoạn quý vị thấy nó có hai phần: Sự và Lý. Sự là nói rằng mỗi ông Trưởng giả đem lọng báu của mình tới hiến dâng lên Phật. Mà đây tới 500 ông. Tức là có tới 500 cái lọng. Mỗi ông dâng cái lọng rồi thì do thần lực của Phật hóa hiện thành một cái thôi. 500 cái thành có một cái. Mà khi lọng báu thành một rồi thì trong cõi tam thiên đại thiên thế giới này, núi, sông, đất liền gì gì, đều thấy hiện trong đó hết, phải không? Cho tới hình ảnh cung trời, cũng các vị thần, cho tới 10 phương chư Phật nói pháp ở cõi nước xa mấy cũng hiện trong đó. Thì như vậy mới thấy, về phần sự thì bao nhiêu lọng báu nhỏ, Phật dùng thần lực biến thành cái lọng báu lớn. Thành lọng báu lớn rồi thì cả Tam thiên đại thiên thế giới này có cái gì đó đều hiện đủ ra hết. Đó là thấy đủ hết không thiếu. Chẳng những trong tam thiên đại thiên thế giới mà cả mười phương chư Phật ở các cõi nước khác xa nói pháp cho chúng sinh nghe. Nhìn trong đó cũng thấy luôn. Đó là nói về sự.

Còn nói về lý, trong bản kinh này đặt trọng là Tâm. Như hồi nãy tôi nói tâm tịnh thì độ tịnh. Bao nhiêu cái lọng riêng của các ông Trưởng giả đó dụ cho tâm riêng. Mà khi tâm nó còn riêng tư thì lúc đó nó không có cái diệu dụng. Khi tâm nó không có cái diệu dụng. Khi tâm nó đã hợp nhất rồi, lúc đó là thanh tịnh. Thanh tịnh thì mười phương cõi Phật cho tới trong thế giới này, có cái gì cũng hiện sáng ở trong đó hết. Cho nên nói tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Khi tâm mình thanh tịnh rồi, tất cả những cái gì ở đâu, ở xa mấy nó đều hiện vô đó. như đây là một bằng chứng cụ thể chứ không phải mình nói một cách xa vời.

Thí dụ: Như đức Phật, Ngài tu dưới cội Bồ đề. Khi tâm Ngài hoàn toàn thanh tịnh rồi, Ngài nhìn ra, Ngài thấy xa như là 10 phương các cấu tí mù tí mú gì, Ngài cũng thấy hết. Cho nên. Cho nên Ngài mới nói hằng hà sa số thế giới đó. Thế giới nhiều như cát sông Hằng. Mà lúc đó có cái phương tiện nào để Ngài thấy không? Hay tâm Ngài tịnh rồi Ngài thấy. Vậy thì do tâm Ngài thanh tịnh cho nên Ngài thấy vô số thế giới bên ngoài. Cũng do tâm Ngài tịnh rồi, Ngài thấy những vi

trùng tí ti. Như vậy rõ ràng tâm tịnh rồi thì tất cả đều hiện, thấy được hết. Đó là những điều thực chứ không phải tưởng tượng. Bởi vậy chúng ta tu không có mơ ước thần thông mà chỉ phải tiêu diệt những phiền não để cho tâm thanh tịnh. Tâm mình thanh tịnh thì mọi cảnh bên ngoài, những gì cần biết thì liền thấy, liền biết, không nghi ngờ nữa. Đó, bởi vậy chủ yếu của đạo phật là đi tới cái gốc tâm thanh tịnh thì mới thành cõi Phật thanh tịnh. Chớ mình mơ ước cõi Phật mà lúc đó mình không có tu, không có điều phục cái tâm mình để thanh tịnh, thì mơ ước chỉ là viển vông.

Khi ấy tất cả đại chúng xem thấy thần lực của Phật liền tán thán là điều chưa từng có. Chắp tay lễ Phật, chiêm ngưỡng dung nhan của Phật. Con mắt không có chớp. Ông Trưởng giả Bảo Tích.

Con ông Trưởng giả thì nghe không có được chút nào hết.

Trưởng giả Bảo Tích liền ở trước Phật dùng bài tụng để tán thán rằng:

Đây là bài tụng của Ông.

Con mắt rộng đẹp như hoa sen.

Tịnh, Tu, Quảng ba chữ. Tịnh là Tập, Tu là sửa sang. Quảng là rộng. Nhưng mà mình nói con mắt đẹp để là đủ rồi.

Con mắt đẹp để như hoa sen.

Tâm trong sạch đã qua hết các thiền định.

Đã lâu chứa chất nghiệp thanh tịnh.

Xung là vô lượng hay khen là vô lượng.

Dẫn đường cho chúng để được yên lặng.

Cho nên con kính lễ.

Bốn câu này là giải thích cái gì? Là Ngài tán thán Phật.

Câu thứ nhất: là tán thán về sắc thân của Phật nó đẹp để. Nhưng mà trên đây là tán thán con mắt người khác. Bởi vì quý vị nhớ, người thông minh người ta nhìn cho mắt, họ thấy làm sao. Nó trong và sáng phải không? Con mắt trong sáng.

Còn người ít thông minh thì nhìn con mắt thấy nó làm sao. Nó đục đục, nó lơ lơ, vậy thôi. Chớ nó không trong không sáng. Vì Phật là giác ngộ cho nên phần trí tuệ nó biểu lộ ở con mắt. Con mắt trong mà sáng. Đó ở đây tán thán con mắt Phật. Tức là tán thán về hình tướng.

Rồi kể đó, câu thứ hai: là tán thán tâm của Ngài. Bởi vì tâm của Ngài nó đã hoàn toàn thanh tịnh, cho nên Ngài qua hết các thiền định. Tại sao tâm thanh tịnh lại qua các thiền định? Bây giờ chúng ta ngồi thiền để làm gì? Để hàng phục tâm. Và để gì nữa? An trụ tâm. Mà nếu tâm chúng ta đã hàng phục, đã an trụ rồi thì ngồi thiền làm chi nữa. Cho nên nói tâm Ngài đã thanh tịnh. Cho nên Ngài đã qua hết các thiền định. Đó là tán thán về tâm của Ngài.

Đây câu thứ ba là tán thán cái nghiệp của Ngài. Ngài đã lâu rồi, Ngài tích lũy nghiệp thanh tịnh. Cái nghiệp là nghiệp thanh tịnh. Nó được vô lượng.

Rồi câu thứ tư là tán thán về cái gì? Là giáo hóa. Dẫn đường chúng sinh đi đến chỗ tịch tịnh. Cho nên con đánh lễ Ngài.

Như vậy chỉ có bốn câu thôi mà chúng ta thấy tán thán đủ. Nào là tán thán thân, tán thán tâm, tán thán cái nghiệp và tán thán luôn cả sự giáo hóa, hướng dẫn.

Rồi bốn câu kệ:

Đã thấy đại thánh dùng thần lực,
Khắp hiện mười phương vô lượng cõi.
Trong ấy chư Phật diễn nói pháp,
Khi ấy tất cả phải thấy nghe.

Chữ “ư thị” là khi ấy. Nhớ ư thị là khi ấy nha. Bốn câu này là tán thán thần lực của Phật. Khi Ngài dùng thần lực để họp các lọng thành một cái đó. Khi họp thành một cái rồi thì mười phương cõi nước vô lượng đều thể hiện chư Phật ở trong mười phương nói pháp... Tất cả đều nhìn thấy sẵn ở trong lọng hết. Khi ấy nhìn cái lọng đều thấy sẵn hết. đó là tán thán thần lực của Phật.

Cái sức pháp lực của đấng pháp vương siêu vượt cả quần sanh.

Thường dùng pháp thí, tài thí mà thí cho tất cả.

Hay khéo phân biệt tướng của các pháp.

Nơi nghĩa đệ nhất nó không động.

Đến bốn câu này là tán thán Phật khéo nói pháp. Ngài là đấng pháp vương dùng sức pháp của Ngài, khéo nói để dẫn dắt hay là vượt hơn tất cả mọi chúng sinh. Ngài thường dùng cả tài thí và pháp thí để mà lợi ích cho mọi người, rồi Ngài lại khéo phân biệt tướng của các pháp. Tuy rằng khéo phân biệt tướng của các pháp mà đối với nghĩa đệ nhất không có động.

Thường thường khi phân biệt thì động hay không động? Phân biệt thì động. Mà tại sao Ngài phân biệt pháp tướng mà nghĩa đệ nhất không động. Như bây giờ tôi nói, tôi ví dụ như cái nhà. Bây giờ tôi phân tích cái nhà. Cái nhà này nó không tự có, mà nó do gạch, do xi măng, do cát, do nước, rồi do tôn, do gỗ... do những cái đó hợp lại thành cái nhà. Phân tích như vậy thì cái nhà không thực có. Bởi nhà không thực có nên cái nhà này tự tánh là không, phải không? Tôi phân tích như vậy đó, nó có động tới tự tánh không hay không? Đối với tự tánh không có bị động không? Như vậy thì phân tích để cho người ta thấy rõ cái nhà không có tự tính. Không có tự tính đó là thấy tánh không. chứ không phải do phân tích đó mà động cái tánh không. Mà tánh không tức là đệ nhất nghĩa.

Đã đối với các pháp được tự tại.

Thế nên con đánh lễ pháp vương này.

Hai câu này Ngài tán thán là Phật đã được tự tại đối với các pháp. Cho nên Ngài đánh lễ đấng pháp vương.

Nói pháp chẳng có cũng chẳng không.

Do nhân duyên cho nên các pháp sanh.

Vô ngã, vô tạo, vô thọ giả.

Mà nghiệp thiện ác cũng không mất.

Câu này là khen ngợi Phật nói pháp. Cái pháp Phật nói nó không thuộc về có cũng không thuộc về không. Vì sao không thuộc có cũng không thuộc không. Vì do duyên cho nên các pháp sanh. Bởi nhân duyên các pháp sanh cho nên không phải thật có cũng không phải thật không. rồi đến vô ngã không tạo tác, không có thọ giả mà nghiệp thiện ác không mất. Đó, các pháp Phật nói nó khéo léo như vậy.

Bốn câu này dễ hiểu không? Nói rằng do nhân duyên nên pháp chẳng phải có cũng chẳng phải không. Bây giờ dùng cái thí dụ nào xa xôi thì khó hiểu. Bây giờ tôi dùng cái thí dụ cụ thể nhất. Thí dụ như bàn tay của tôi, khi mình xòe 5 ngón ra, rồi nắm lại, thì gọi là gì? Là nắm tay. Nắm tay này tự có hay là do nhân duyên hợp. Như vậy nắm tay này có là do nhân duyên hợp, phải không? Trước khi năm ngón chưa co lại thì có nắm tay không? Bây giờ, nếu trong khi co lại, rồi buông ra thì nắm tay còn không? Như vậy trong khi năm ngón tay co thì tạm gọi là nắm tay. Nắm tay nguyên trước không, sau không. Trong khi co lại thì tạm có, phải không? Trước không, sau không. Đó thì nói nó như là không nhưng mà khi co lại tạm có thì nó không phải là không. Như vậy khi chúng ta co năm ngón lại rồi thì tạm gọi là nắm tay. Nhưng bây giờ nếu phân tích, ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa, ngón áp, ngón út, từng ngón thì kiếm nắm tay có không? Cũng không. Như vậy cái thể nắm tay nó là không. Nhân duyên hợp thì tạm có. Như vậy nói nắm tay là có hay là không? Như vậy nói có nói không đều không được. Mà nói nó phải sao? Chẳng phải có mà cũng chẳng phải không, phải không? Chẳng phải có, vì trước không có, sau không có. Duyên hợp phân tích ra cũng không thấy thật nắm tay. Không có tự thể nắm tay nên nói chẳng phải có, phải không. Nhưng khi duyên hợp thì tạm thấy có nắm tay, thì không phải không.

Như vậy thì pháp Phật nói lý nhân duyên nó như vậy. Cái gì mà hiện có đây đều do nhân duyên. Do nhân duyên thì không phải thật có mà cũng không phải thật không. không phải thật có không phải thật không thì nó làm sao? Nó có như huyền như hóa phải không. Như vậy thì cái có đó là hư dối không thật. Mà bây giờ mình có chịu nó không thật không? Chịu không? Đúng thấy được cái lý nhân duyên thì các pháp không thật. Mà thấy lý nhân duyên ngu hay là trí. Ngu hay trí?

Là trí. Còn không thấy đúng lý nhân duyên đó là ngu phải không? Mà bây giờ các pháp do duyên hợp là không thật. Mà mình thấy thật là mình làm sao? Vậy mà mấy chú có chịu ngu đâu, phải không? Cứ tưởng mình thông minh lắm phải không? Bởi vì do nhân duyên hợp thì nó không phải thật có mà cũng không phải thật không. Bây giờ mình nói nó thật có, là đã ngu rồi phải không? Đó là không thấy được lý nhân duyên. Như vậy cho nên cái pháp của Phật nói nó rất là khó hiểu vì nó trái với cái ngu của phàm phu. Tại mình ngu nên mình khó hiểu phải không? Chớ nếu mình thông minh như các vị Bồ Tát nghe cái hiểu liền. Đó là cái thứ nhất.

Đến cái khó thứ hai nữa nè! Cái pháp của Ngài nói là vô ngã. Tức là không có ta, không có người tạo tác, cũng không có người thọ nhận. Mà cái nghiệp thiện ác không mất đó, thì thường thường nói, bây giờ mình hay nói với nhau làm sao. Mình làm lành thì đời sau hưởng phước lành, phải không? Mình đời này làm lành thì đời sau thì đời sau hưởng phước lành. Như vậy đời này mình làm lành, đời sau hưởng phước lành thì dễ hiểu quá. Như vậy có mình đời này làm, rồi cũng có mình đời sau hưởng, phải không? Nhưng mà Phật nói mình không thật. Vô ngã là đâu có ta thật, không có ta thật thì làm đều lành rồi đời sau ai hưởng. Mà không có ta thật thì ai làm lành. Không có người làm cũng không có người hưởng mà tại sao cái nghiệp báo không mất. Không làm không hưởng tức là nghiệp báo mất tiêu chứ gì, phải không? Nói như vậy thì thật là khó hiểu.

Bây giờ tôi thí dụ gần nhất. Thí dụ như bây giờ bản thân mình hiện tại đây, cái gì là mình. Mấy chú chỉ giùm tôi đi. Cái gì là ta? Cái ta bây giờ thật là khó mà chỉ. Ngay thân này chỉ cái gì là ta, chỉ không được. Nhưng mà lúc nào mình cũng nghĩ mình có cái ta làm chủ cái thân này. Nhưng bây giờ cái ta là cái gì. Mà thật là mình làm chủ thân này chưa. Đó là một cái.

Bây giờ tôi hỏi mấy chú, tại sao mấy chú ăn? Tại mình muốn ăn hai tại bao tử trống nó đòi. Nếu mà nói tại mình muốn ăn đó thì có cái món nào mà mình thích nhất, rồi khi đó có ai cho mình ăn cơm no đầy, rồi người khác đem cái món mình thích nhất ra, mình có muốn ăn không? Nếu tại mình thì cái gì mình thích thì

mình phải ăn. Nhưng bây giờ cái bao tử đầy rồi thì có thích thì thích, chớ nuốt không vô phải không? Như vậy thì mình muốn ăn hay bao tử muốn. Đó, như vậy mới thấy rõ ràng rằng cái bao tử khi nó trống, nó đòi hỏi thì mình muốn ăn phải không? Như vậy mình muốn hay bao tử muốn? Nhưng mà lúc nào cũng nói mình hà. Tôi muốn ăn. Chớ sự thực ra, do bao tử trống. Như vậy chúng ta mới thấy khi chúng ta ăn, những thức ăn vô, chúng ta có muốn nó chế biến ra máu, ra gì gì đó, bằng cách nào không? Cứ dồn đại vô đó rồi tự nó làm sao nó làm cũng không biết nữa.

Bây giờ tôi thí dụ. Thí dụ như bây giờ ở đây có ông trụ trì hay ông tri sự, ngoài kia có một số con nít nó vô nó xé rào. Nó vô bẻ “Điều” hay làm gì đó. Rồi ông tri sự thấy, tức là làm sao? Mới điều hành chúng ra đuổi nó ra phải không? Điều hành chúng chạy ra đuổi. Thấy nó xé rào của mình, mình đuổi nó ra. Như vậy mình là chủ, ai xâm phạm mình liền biết. Biết thì mình liền đuổi ra.

Bây giờ đây cơ thể mình, mấy con vi trùng ở ngoài nó xâm phạm mình có hay không? Rồi mình có điều động các vi trùng của mình lại để diệt nó không? Không biết gì hết trơn. Ở trong nó làm sao làm, mình chớ có biết, phải không? Rồi ăn đồ ăn vô nó chế biến làm sao mình chớ có hay. Chớ phải chi ăn vô rồi mình ấn cái nút nào đó, để cho nó được tiết chất gì. Ấn cái nút gì để tiết chất gì, để tiêu hóa, rồi nó bổ dưỡng. Như vậy mình mới là chủ chớ, phải không? Cái này nó làm cái gì mình không biết hết. Rồi tới chừng nó ra thì hay vậy thôi. Rồi nó thành cái gì thì thành. Như vậy chủ ở chỗ nào chớ. Có chủ không? Mà không chủ thì làm sao có ta. Ngã là chủ đó.

Tuy nó không chủ như vậy mà nếu mấy chú cứ uống rượu hoài thì lâu nó có ghiền không? Ghiền không? Hút thuốc mãi thì có ghiền không. Tuy không chủ mà nghiệp không mất phải không? Không chủ mà nghiệp không mất. Nghĩa là làm cái nghiệp gì thì kết quả nó đi tới đó.

Như vậy mới thấy rõ ràng không có ngã, không tạo tác, không thọ giả mà nghiệp không mất. Đó là một cái đặc biệt. Mình lâu nay mình si mê, mình cứ

tưởng mình là chủ. Khi mình tưởng mình là chủ đó thì thực ra cái tưởng tượng thôi. Cái giả tưởng chớ không có thực. Vì thực ra con người mình, mình đâu biết rõ nó phải không? Mình chỉ biết khái quát nó vậy thôi. Rồi ở trong đó mọi sinh hoạt của nó mình đều không biết hết. Rồi nhu cầu nó đòi cái gì đó thì, thí dụ bây giờ nghe khô ở trồng, khát nước thì mình cứ uống vô, cho ở trồng có nước nôi cho mát mẻ, nó hoạt động. Rồi nhu cầu nó thiếu lương thực của cái bao tử thì dồn vô. Như vậy là đều do cái nhu cầu ở trồng rồi mình làm theo cái cái nhu cầu đó. Chớ mình có chủ gì đâu. Bây giờ mấy chú thử làm chủ cái coi. Khi bao tử trống rỗng không thèm ăn. Không thèm ăn vô thử coi chịu nổi không? Rồi khi mình vô đầy rồi, nó muốn ra đờng thèm cho nó ra. Chịu nổi không? Thử làm thử coi. Mấy cái đó đâu làm chủ được phải không? Nghĩa là nó tới giai đoạn đó, nó đòi vô thì phải cho nó vô. Nó đòi ra phải cho nó ra. Chớ mình không làm chủ gì hết. Như vậy mới thấy rõ là không có chủ. Mà không có chủ tức là vô ngã chứ gì. Đó, đã vô ngã thì ai là tạo tác, ai là người thọ. Nhưng mà cái nghiệp gì mình tạo thì nó không mất. Cái thói quen nào mình tập thì nó thành công. Nó mắc kẹt ở đó. Như vậy mới thấy cái ý nghĩa của đạo Phật thật là khó. Vì nó tế nhị quá. Đó là bốn câu tán thán pháp của Phật nó rất là nhiệm mầu khó hiểu. Rồi kể.

Mới ở cội Bồ đề mà thành Phật hay là mới ở cội Bồ đề dùng sức mà hàng phục chúng ma được diệt cam lồ giác thành đạo.

Mấy câu này nghe rất là khó.

Đã không tâm ý không thọ hành mà phải hàng phục các ngoại đạo.

Nói rằng đức Phật khi Ngài tu ban đầu dưới cội Bồ đề, Ngài mới dùng sức để hàng phục ma quái. Như mình đọc trong sử hay nói rằng: Ngài hàng phục ma vương đó. rồi chữ “Đắc cam lồ giác diệt giác đạo thành”. Đắc cam lồ diệt là làm sao? Bởi vì trong Tứ Đế, Diệt đế là Niết bàn. Diệt đế tức là vị cam lồ. Mà được Diệt đế rồi thì mới giác ngộ mới thành đạo. Như vậy thì mình mới thấy chỉ có mấy chữ thôi mà nói quá rộng. Bởi khi Ngài ngồi dưới cội Bồ đề dùng sức hàng phục ma quái. Khi hàng phục ma quái rồi, được cái Diệt. Diệt đó là được cái tâm thanh

tịnh. Đó là cái vị cam lồ. Nhân đó Ngài mới giác ngộ mới thành đạo. Ngài đã không còn có cái tâm ý, không còn có cái thọ hành. Thọ hành tức là nghiệp đó. mà phải hàng phục được các ngoại đạo. Thường thường thì muốn hàng phục ai, muốn lý luận với ai thì trước mình phải làm sao. Trước mình phải suy nghĩ, phải không? Mình tìm lý này, lẽ kia để mà mình cố chinh phục họ. Đó là tâm ý sục đúng trước nhưng mà với Phật thì cái ý nghiệp Ngài đã hết. Đã thanh tịnh tất cả. Nhưng tâm phiền não không còn. Như vậy lấy cái gì mà Ngài hàng phục ma quái hay là hàng phục ngoại đạo. Tuy rằng tâm ý không còn suy nghĩ phân biệt mà Ngài hàng phục được ngoại đạo. Đó là cái đặc biệt. Cho nên thường gọi là thời trí đó. Ngài không cần suy nghĩ trước. Nhưng mà vừa tới, người ta đề ra cái gì là Ngài thấy rõ vấn đề đó. Ngài liền bẻ họ. Chớ không phải như mình phải nằm suy nghĩ năm tháng, ba tháng gì. Rồi đề mà lập lý luận, mà tới bàn với người ta. Không phải vậy. Bởi vậy cho nên nói cái đặc biệt của Ngài đó, là khi mà giác ngộ rồi thì tâm ý Ngài đã trong sạch. Nghiệp không còn. Như vậy mà Ngài khéo hay hàng phục hết thầy các ngoại đạo.

Ba phen chuyển pháp luân ở đại thiên. Cái pháp luân kia xưa nay thường thanh tịnh. Trời, người được đạo này.

Tức là được đạo do chuyển pháp luân đó, là chứng quả.

Tam bảo nơi đây hiện thế gian.

Hay là tam bảo khi ấy hiện thế gian. Đây là tán thán đức Phật ở vườn Lộc Uyển. Ngài khéo chuyển pháp luân hay là tam chuyển pháp luân. Rồi những vị có mặt ở đó là người, là trời... Nhờ đó mà chúng được đạo. Từ đó mới đủ tam bảo hiện thế gian. Tại sao nói rằng chuyển pháp luân ở đại thiên. Thường thì chúng ta thấy Ngài chuyển pháp luân ở vườn Lộc uyển, với năm anh em Kiều Trần Như thôi phải không? Chớ đâu có chuyển khắp hết mà nói là cả đại thiên. Nhưng mà nếu đọc sử thì mấy chú thấy, khi Phật chuyển pháp luân tại vườn Lộc Uyển rồi thì cái tiếng đó vang lên, chư thiên ở các cõi trời đều lập lại cái đó phải không? Lập lại tiếng đó cho đến vang khắp cả cõi Trời, tới cõi Phạm Thiên. Bởi vậy cho nên

nói rằng chuyên pháp luân cả đại thiên là vậy. Nghĩa là khi Phật nói, thuyết pháp ở vườn Lộc Uyển, năm anh em ông Kiều Trần Như nghe pháp Tứ đế đó. Nghe cái đó rồi thì chư Thiên, Long Thần, Thổ Địa mới diễn tiếng đó lại. Rồi nó vang lên ở trên các cõi đều diễn tiếng đó mà nó trùm cả tới cõi Trời Phạm Thiên.



PHẦN 3

Cái pháp tam chuyển pháp luân tức là pháp Tứ Đế, đó là cái pháp xưa nay thường thanh tịnh. Chư thiên và người nhờ được pháp này mà chúng được đạo quả. Khi đó mới có đầy đủ tam bảo. Phật là Phật bảo. Pháp Tứ Đế là Pháp bảo. Năm anh em ông Kiều Trần Như ngộ đạo thành Tỳ Kheo là Tăng Bảo.

Do cái pháp diệu này, dùng cái này mà cứu tế quần sinh. Một phen nhận không có lui sụt. Thường được yên lặng sáng suốt.

Hai câu này là để nói kết quả của cái pháp mà Phật nói. Cái pháp vi diệu của Phật nói đó, dùng cái pháp đó để mà cứu tế quần sinh. Ai mà nghe được cái pháp đó rồi đều bất thối chuyển. Rồi đi đến chỗ thường vắng lặng thanh tịnh.

Độ được già, bệnh, chết. Là bậc thầy thuốc, độ được già, bệnh, chết nên lễ cái pháp hải. Cái đức nó không có ngần mé. Bởi vậy cho nên lễ cái pháp rộng lớn như biển, không có ngần mé.

Hai câu này để tán thán tiếp về pháp đó. Phật dùng pháp này mà độ tất cả những người đã tin tương được qua khỏi vòng già, bệnh, chết. Cho nên Ngài là một ông thầy thuốc. Vì vậy mà kính lễ cái pháp có đầy đủ công đức vô lượng vô biên đó.

Bây giờ bốn câu này nói:

Khen chê không động như Tu Di.

Nơi thiện, chẳng thiện, bình đẳng dùng lòng từ.

Tâm hành bình đẳng như hư không.

Ai nghe nhận bảo không kính vâng.

Khen ngợi đức Phật, Ngài đối với kẻ khen người chê đều không có động. Giống như hòn núi Tu Di vậy. Dầu cho có giông bão, nó vẫn trơ trơ. Đối với người thiện, bất thiện (là người ác). Ngài làm sao? Ngài đều bình đẳng do lòng từ bi của Ngài. Tức là Ngài dùng tâm từ bi mà nhìn người thiện, người ác đều thương xót bình đẳng chớ không có riêng khác. Còn mình bây giờ làm sao? Các người

mình cho là hiền thì họ khổ mình thương phải không. Người mình cho là dữ họ khổ thì mình làm sao? Mình cười, đáng kiếp phải không? Đó, luôn luôn mình có cái tâm chỉ thương người hiền mà không thương người dữ. Còn Phật thì từ bi, Ngài thương cả hai. Người hiền người dữ Ngài vẫn thương bình đẳng. Bởi vậy nên nói tâm hành của Ngài bình đẳng, giống như hư không vậy. Mà tâm Ngài đã bình đẳng như hư không thì ai nghe được con người quý báu của Ngài mà không kính không vâng theo.

Nay dâng Thế Tôn cái lọng bé này ở trong hiện ra cả tam thiên đại thiên thế giới của con. Nào là chư Thiên, Long, Thần, các Càn Thát Bà... và Dạ Xoa thấy đều thấy các cái có ở thế gian đều thấy rõ (tức là cái gì có ở thế gian đều thấy rõ). Đây thập lực Ngài thương xót mà hiện ra cái biến hóa này.

Đó là bốn câu nhắc lại, khen ngợi thần lực của Phật. Khi Ngài biến các lọng riêng thành một cái lọng lớn chung. Rồi các thế giới, đều hiện trong đó. Đó là cái điều rất hy hữu.

Chúng thấy cái hy hữu đều tán thán Phật. Nay con cúi đầu đánh lễ bậc tôn ở trong tam giới.

Bởi vì chúng thấy việc làm của Phật đó là việc chưa từng có, cho nên họ đều tán thán. Bây giờ con sẽ đánh lễ Ngài vì Ngài là bậc tôn trong tam giới.

Ngài là bậc đại thánh, là đáng pháp vương mà mọi người đều qui ngưỡng. Hay mọi người đều hướng về. Tâm thanh tịnh quán Phật đâu chẳng vui. Người nào đem tâm thanh tịnh mà quán xét nơi Phật đều có cái niềm hoan. Mỗi người đều thấy Thế Tôn ở trước mình. Đây là do thần lực của pháp bất cộng.

Khen ngợi Phật là đáng đại thánh, là đáng pháp vương. Ngài là chỗ mà mọi người đều qui hướng. Nếu người nào trong tâm thanh tịnh mà nhìn thấy Phật đều có niềm hoan hỷ. Và mỗi người như thấy Phật ở trước mình. Cái điều đó do thần lực của pháp bất cộng mà ra.

Phật dùng một tiếng diễn nói pháp, chúng sanh tùy theo loại, mỗi người được hiểu. Đều bảo Thế Tôn đồng với tiếng nói của mình. Đây ắt là thần lực của pháp bất cộng.

Đây là để tán thán pháp của Phật nói. Khi Phật nói pháp chỉ có một thứ tiếng, mà mỗi người mỗi loài, mỗi người nghe đều thấy Phật nói tiếng của mình. Bởi vậy cho nên đều kính ngưỡng, đều hiểu biết. Đó là do thần lực của pháp bất cộng. Mình bây giờ quý vị thấy mình nói tiếng mình với với dân của Việt Nam mình đó thì nghe hiểu. Nếu mình nói tiếng Việt Nam với một người Hoa, một người Nhật, một người Pháp, họ hiểu không? Như vậy thì tiếng mình chỉ có mình hiểu thôi. Còn qua một nước khác, người khác không hiểu. Còn hội của Phật mà chúng qui tụ lại đó, có bao nhiêu thứ người. Nào là người nè, nào là Trời nè, nào là Bồ Tát các nơi đến nè. Nào là Quỷ, Thần, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La... Đủ hết. Mà Ngài nói pháp thì ai cũng nghe như tiếng nói của mình.

Bây giờ tôi nói gằn, thí dụ như mình cùng một nước với nhau, giáp ranh mình với người Miên, mà người Miên nói mình nghe được không, nếu mình không học. Mình nói họ nghe được không? Nếu họ không học tiếng mình. Như vậy đó người ở cõi Trời với mình nói tiếng giống nhau không? Như vậy mà Phật nói pháp ra tất cả loài đều nghe tiếng của Phật như nói với mình vậy. Như vậy thì mấy chú mới thấy khỏi cần học sinh ngữ làm chi cho cực há. Tu thành Phật rồi nói một thứ tiếng rồi họ nghe đều thành tiếng của họ. Sướng hơn không, phải không? Chớ bây giờ nếu mà học hết các thứ tiếng để mà nói cho thiên hạ nghe đó thì bao nhiêu, một đời mình học hết chưa. Một đời học cũng chưa rồi nữa. Bây giờ mình chỉ tu thành Phật là mình nói một thứ tiếng, mà ai nghe tiếng mình nói là tiếng của họ đó, họ đều hiểu. Sướng biết bao nhiêu. Như vậy thì đi cái nào tất hơn. Đó là cái chỗ rất là rõ ràng.

Phật dùng một tiếng diễn nói pháp,
Chúng sanh mỗi mỗi tùy chỗ hiểu,
Khắp được thọ hành và được lợi ích.

Cái lợi này, đây là cái thần lực của pháp bất cộng.

Như vậy Phật dùng một thứ tiếng thôi mà Ngài nói pháp ra thì mỗi loài đều hiểu, rồi đều được lợi ích. Thực hành được lợi ích thì đó cũng là do cái pháp thần lực của Phật pháp bất cộng. Do cái thần lực của pháp bất cộng mà ra.

Phật dùng một tiếng diễn nói pháp,

Hoặc có sợ hãi, hoặc vui vẻ,

Hoặc tâm nhàm lìa hoặc dứt nghi.

Đây ắt thần lực pháp bất cộng.

Tại sao vậy? Phật nói có một pháp thôi. Một thứ tiếng thôi. Mà có người nghe thì sợ, có người nghe thì vui mừng, có người nghe thì sanh chán, lìa chán, có người nghe thì lại dứt nghi.

Bây giờ tôi thí dụ như vậy. Thí dụ như Phật nói câu, nói rằng ai làm thập ác thì phải đọa địa ngục, ai tu thập thiện được sanh lên lên cõi trời. Như vậy người nào mà làm thập ác nghe nói vậy thì sao? Đâm ra hoảng sợ. Còn người đã tu thập thiện, nghe nói vậy thì sao? Vui mừng. Rồi còn người hỏi đó giờ họ cũng có làm lành. Tức là chán lìa. Còn người mà hỏi đó giờ, họ thấy người này làm lành, người kia làm ác, mà họ không biết rồi kết quả ra sao? Bây giờ nghe vậy, thì hết nghi phải không? Như vậy chỉ một câu nói đó mà có kẻ thì sợ, có kẻ thì mừng, có kẻ thì chán, có kẻ thì hết nghi. Như vậy để thấy rõ cái ý nghĩa đó mà được cũng do thần lực của pháp bất cộng. Bây giờ Ngài kính lễ.

Kính lễ mười phương thập lực đại tinh tấn.

Kính lễ đã được vô sở quý.

Kính lễ trụ nơi pháp bất cộng.

Kính lễ tất cả đại đạo sư.

Bây giờ giảng từng câu cho rõ. Nói rằng kính lễ Phật thập lực đại tinh tấn. Đó là Phật đó, tức là con kính lễ Phật. Ngài là đáng đầy đủ thập lực và đầy đủ đại tinh tấn. Kính lễ đã được vô sở quý. Tức là Phật đã chứng được tứ vô sở quý. Kính

lễ trụ nơi pháp bất cộng. Ngài được pháp bất cộng pháp đó. Rồi kính lễ nhất thiết đại đạo sư của tất cả.

Kính lễ hay đoạn các kiết phược.

Tức là Ngài là một người hay đoạn được tất cả những trói buộc ở trong ngũ dục này là ở trong tam giới. Vì vậy mà con kính lễ Ngài.

Kính lễ đã đến bờ kia.

Tức là con kính lễ Ngài vì Ngài là người đã đến được bờ giác ngộ.

Kính lễ hay độ các thế gian.

Con kính lễ Ngài, vì Ngài là người độ được tất cả thế gian.

Kính lễ hằng lia đường sanh tử.

Con kính lễ Ngài vì Ngài là người đã lia được con đường sanh tử. Đó là phần kính lễ. Bây giờ.

Thấy biết chúng sanh tướng qua lại.

Khéo nơi các pháp được giải thoát.

Không chấp thế gian như hoa sen,

Thường khéo vì hạnh không tịch.

Đây là bốn câu tán thán Phật. Nói rằng Ngài là người khéo biết được các tướng qua lại của chúng sinh. Chúng sinh qua lại trong ngũ đạo lục thú như thế nào, Ngài thấy biết hết. Rồi Ngài không dính mắc ở thế gian, giống cũng như hoa sen, nó ra khỏi bùn không còn một chút hôi hám của bùn. Ngài thường khéo vào được các hạnh không tịch. Không tịch là cái hạnh rỗng lặng.

Đạt được các tướng không có quái ngại.

Tức là không có bị chướng ngại.

Đảnh lễ như hư không vô sở y.

Câu này hơi khó hiểu. Nói rằng Ngài là người đạt được pháp tướng. Thấu suốt không còn cái gì chướng, cái gì ngại nữa hết. Bây giờ con kính lễ Ngài như hư không, không chỗ y. Câu cuối này không còn lễ Phật với tính cách hình tướng

nữa. Nếu hình tướng thì còn chỗ nương chỗ tựa. Mà đã như hư không, không chỗ y thì tức là không có hình tướng. Như vậy câu chót là đánh lễ Phật nào. Phật vô y đó. Thường thường mình học trong Thiên, có câu gì đạo hơn đó? Vô y đạo hơn. Hay đạo hơn vô y. vô y tức là không chỗ nương. Không chỗ nương tức là không tựa, không dựa vào cái gì hết. Mà không tựa là không có tướng phải không? Còn có chỗ nương, chỗ tựa là còn có hình tướng. Mà ở đây cuối cùng Ngài đánh lễ chỗ không chỗ tựa, không có hình tướng đó, tức là đánh lễ pháp thân.

Như vậy tất cả những lời tán thán này là tán thán tam bảo. Rồi cuối cùng là tán thán pháp thân. Mà pháp thân thì không phải chỉ có Phật mới có, mà nơi mọi người chúng ta ai cũng có. Như vậy hai đoạn này mới có phần diễn tả hội của chư Bồ tát tập hợp nghe Phật nói pháp. Trong hội này chư Bồ tát mới tán thán công đức của Phật thôi. Chớ còn chưa nói gì đến phần giáo lý thâm sâu mà ông Duy Ma Cật đối đáp với các vị Tỳ Kheo. Hay là các vị La Hán, các vị Bồ tát.

Khi ấy ông Trưởng giả Bảo Tích nói kệ này rồi bạch Phật rằng:

Thế Tôn 500 ông Trưởng giả này đều đã phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Mong nghe cõi Phật thanh tịnh. Mong được nghe cõi Phật thanh tịnh. Cúi mong Thế Tôn nói cái hạnh cõi Phật thanh tịnh của các vị Bồ tát.

Phật bảo: Lành thay! Bảo Tích, mới hay vì chư Bồ tát mà hỏi cái hạnh thanh tịnh của Như Lai. Lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói.

Khi ấy Bồ tát và 500 ông Trưởng giả vâng lời Phật dạy lắng nghe.

Đoạn này mở đầu chưa có gì cần nói.

Phật bảo: Bảo Tích, những loài chúng sinh là cái cõi Phật của Bồ tát. Vì có sao Bồ tát tùy chỗ hóa độ chúng sinh mà nhận lấy cõi Phật. Vì cái chỗ điều phục chúng sinh mà nhận lấy cõi Phật. Vì chúng sinh tin dùng cõi Phật như thế nào mà vào được trí huệ Phật, mà nhận lấy cõi Phật. Tùy các chúng sinh nên dùng cõi Phật thế nào để khởi thiện căn. Ông Bảo Tích hay là gốc của Bồ tát mà nhận lấy cõi Phật. Vì có sao Bồ tát nhận lấy cõi Tịnh độ đó, đều vì làm lợi ích cho chúng sinh. Ví như có người muốn ở trong chỗ đất trống mà xây dựng nhà cửa hay là nhà cung.

Tùy ý không trở ngại. Nếu ở chỗ hư không thì trọn không thể xây dựng được. Bồ tát cũng như thế vì thành tựu chúng sinh cho nên nguyện nhận lấy cõi Phật.

Nguyện nhận lấy cõi Phật, không phải là cái nguyện suông. Đây là đoạn mà chúng ta phải chú ý. Đức Phật mới giải thích cho Ngài Bảo Tích và các vị Trưởng giả biết rằng các loài chúng sinh là cõi tịnh độ của Bồ tát. Tại sao vậy? Bởi vì Bồ tát mà nhận lấy cõi Phật thanh tịnh là không phải vì mình thụ hưởng mà nhận lấy cõi đó. Mà nhận lấy cõi đó là vì làm lợi ích chúng sinh. Rồi tùy chúng sinh được giáo hóa hoặc là vì điều phục những chúng sinh đó mà nhận lấy các cõi Phật. Chúng sinh thích những gì, những cõi nước. Như thế nào để họ tu hành, đạt đến trí tuệ Phật, thì các vị Bồ tát sẽ nhận lấy cõi Phật tương xứng như vậy để mà giáo hóa họ. Khiến cho họ phát căn lành tu hành tới cái quả Bồ tát hay quả Phật. Như vậy Bồ tát mà nhận lấy cõi tịnh độ đó đều là vì lợi ích cho chúng sinh, chứ không là vì riêng mình.

Bây giờ tôi nói một thí dụ nhỏ thôi. Giả sử như chúng ta ở đây, có người họ cất chùa. Muốn cất chùa được trang trọng thì chỉ vì mình mà cất chùa. Như vậy cất chùa để tạo cảnh trí trang trọng. Như vậy đó có phải là Bồ tát vì chúng sinh không? Còn nếu bây giờ vì muốn có một chỗ trang nghiêm để giúp cho mọi người tu hành. Cảnh trang nghiêm đó là vì lợi ích cho nhiều người. Nhắm thẳng vì nhiều người mà làm. Thì cái đó là vì chúng sinh mà tạo cái cảnh tịnh độ. Như vậy tâm của Bồ tát là lúc nào cũng nhắm thẳng vào chúng sinh là cái tịnh độ của Bồ tát. Câu đó là câu thật là nghiêm trọng. Nghĩa là nếu Bồ tát làm mà ngoài cái ý muốn, ngoài sự giáo hóa chúng sinh thì đó không phải là Bồ tát rồi, phải không?

Như vậy cõi Phật thanh tịnh của chư Bồ tát là vì lợi ích chúng sinh mà lập. Vì lợi ích chúng sinh mà tạo. Chớ không phải vì mình thụ hưởng mà làm tạo. Đó là ý nghĩa rõ ràng. Bởi vậy, cho nên nói rằng việc làm của Bồ tát không phải là chuyện làm suông mà đều vì lợi ích của chúng sinh mà làm. Đó là để hiểu để thấy rằng tâm hạnh của Bồ tát làm cái gì cũng vì lợi ích cho chúng sinh, chứ không phải vì lợi ích cho bản thân, cho cá nhân mình.

Cho nên chúng ta bây giờ cũng có khi chúng ta làm Phật sự mà có hai mặt. Có khi thì muốn có nhiều chúng, có đông chúng đặng cho uy tín mình lớn. Như vaaay là vì chúng sinh hay vì mình. Còn có khi trải thân mình mà lo cho chúng sinh, chỉ cho mọi người được tu, được học không, mà không nghĩ tới địa vị danh vọng gì cho mình hết. Thì đó là vì cái gì. Như vậy cũng một việc làm mà nếu mục tiêu mình nhắm vì chúng sinh, đó là tâm hạnh của Bồ tát. Còn nếu mục tiêu mình nhắm vì mình đso thì tâm hạnh của chúng sinh, phải không?

Bởi vậy cho nên mình lớn, tu rồi thì ai cũng có một trọng trách để làm lợi ích cho nhiều người. Thí dụ mấy chú sau này, ra có khi cũng làm Trụ trì, có khi cũng làm Viện chủ, đủ thứ hết vậy. Nếu mình làm để mà kêu gọi chúng cho đông để mình có chức tước, mình có uy tín thì đó không phải là Bồ tát. Còn nếu mình làm vì thương, muốn giúp cho mọi người trong khi bơ vơ không nơi tu học. Chỉ vì họ mà làm thì đó là tâm hạnh Bồ tát. Như vậy cùng một việc làm mà mình thấy rõ ai là Bồ tát tâm, ai không phải là Bồ tát tâm.

Bây giờ tới đoạn kể Phật bảo:

Bảo Tích nên biết trực tâm là Tịnh độ của Bồ tát. Bồ tát khi thành Phật, những chúng sinh không có đối trá được sanh về cõi nước kia.

Tức là cõi nước của Bồ tát. Như vậy ở đây đi thẳng cái trực tâm là tịnh độ của Bồ tát. Chúng ta tu, quý vị thấy bao nhiêu người ở thế gian họ sống vì danh vì lợi, vì đủ thứ hết. Cho nên tâm họ chiều uốn để được những cái gì họ muốn được. Còn chúng ta đaaay sống bằng các đơn giản. Không có nhà cửa, không có vợ con, không có nhu cầu gì quan trọng, thì chúng ta cần cái tâm quanh co chiều uốn không? Vậy mà thỉnh thoảng có không. Có quanh co chút chút không? Bởi vậy cho nên cái cửa vào đạo là trực tâm. Đây nói trực tâm là Tịnh độ của Bồ tát.

Rồi như Lục Tổ nói làm sao? Với Lục Tổ thì trực tâm là đạo tràng phải không? Như vậy chúng mới thấy Phật Tổ nhắc nhở chúng ta bước vào đạo phải có cái tâm ngay thẳng, không có đối trá. Đối trá tức là chiều uốn. Hoặc để được lòng

người này, được lòng người kia. Hoặc là để gạt gẫm người ta thì đó là tâm không ngay thẳng.

Bởi Bồ tát cái nhân trực tâm mà được cõi tịnh độ thì những chúng sinh nào muốn về với Bồ tát ở cõi đó thì phải làm sao? Thì cũng phải trực tâm. Tức là phải bỏ những đối trá thì mới được về bên kia phải không? Mình mới thấy rõ ràng cái nhân của Bồ tát. Như vậy, ai muốn được hưởng của quả của các Ngài đó thì cũng phải có cái nhân giống như vậy phải không? Đó là một điều không thể thiếu.

Thâm tâm là tịnh độ của Bồ tát. Bồ tát khi thành Phật, những chúng sinh nào đầy đủ công đức được sanh về cõi nước kia.

Như vậy trực tâm là cửa bước vào đạo. Thâm tâm là những công đức ở trong đạo. Tại sao nói thâm tâm là công đức ở trong đạo? Mình thường thường nói thâm tâm là cái tâm sâu, phải không? Sâu kín. Nhưng mà thực ra cái tâm sâu kín đó là cái tâm đã tạo nhân nhiều mầm, nhiều nhân tốt. Nhân lành nhân tốt tạo đầy đủ thì gọi đó là thâm tâm. Bởi vậy cho nên nói thâm tâm là tịnh độ của Bồ tát. Những người nào muốn sanh về cõi tịnh độ của Bồ tát đó thì phải làm sao? Phải có đầy đủ những công đức. Cho nên nói rằng khi Bồ tát thành Phật rồi thì chúng sanh nào đầy đủ những công đức thì được sanh về đó.

Như vậy trực tâm là cái cửa, mà thâm tâm là cái dụng trong khi vào đạo rồi.

Bồ đề tâm là tịnh độ của Bồ tát.

Bồ tát khi thành Phật thì những chúng sinh nào mà phát tâm đại thừa thì được sanh vào cõi nước đó.

Như vậy ba cái tâm này quý vị thấy nó hết sức là thâm thúy. Trực tâm là cửa. Thâm tâm là công dụng. Bồ đề tâm tức là giác. Như vậy nghĩa là Phật, người tu muốn thành Phật thì cái nhân ban đầu là trực tâm. Rồi kế đó là thâm tâm. Rồi sau cùng là giác ngộ.

Bởi vậy cho nên những người nào phát tâm đại thừa thì mới được sanh về cõi kia. Phát tâm đại thừa tức là phát tâm cầu vô thượng chánh đẳng chánh giác đó, phải không? Bởi vì cõi Phật do nhân giác ngộ mà thành cõi thanh tịnh. Bây giờ

mình muốn về đó mà mình thiếu giác ngộ thì làm sao? Cho nên những chúng sinh phát tâm đại thừa là phát tâm cầu cái quả vô thượng chánh đẳng chánh giác thì mới được sanh về đó.



PHẦN 4

Đó là ba cái tâm, nó đơn giản mà rất thâm trầm. Bây giờ mới nói cái hạnh tu.

Bồ thí là tịnh độ của Bồ tát.

Bồ tát khi thành Phật thì tất cả những chúng sinh hay xả hết tất cả thì được sinh về cõi nước kia.

Trì giới là tịnh độ của Bồ tát.

Bồ tát khi thành Phật thì những chúng sinh nào hành được thập thiện viên mãn. Mãn nguyện đó. Thì sẽ được sanh về cõi nước kia.

Nhẫn nhục là tịnh độ của Bồ tát.

Bồ tát khi thành Phật, tất cả những chúng sinh siêng năng tinh tấn đầy đủ thì sanh về cõi nước kia.

Thiền định là tịnh độ của Bồ tát.

Bồ tát khi thành Phật nhiếp những chúng mà mà nhiếp tâm không loạn thì sanh về cõi nước kia.

Trí tuệ là tịnh độ của Bồ tát.

Bồ tát khi thành Phật tất cả những chúng sinh chánh định thì được sanh về cõi nước kia.

Như vậy thì chúng ta thấy ở đây pháp tu lục độ. Pháp tu lục độ là cái nhân để Bồ tát được cái quả cõi Phật thanh tịnh. Mà cái nhân của Bồ tát tu lục độ được cái quả cõi Phật thanh tịnh. Bây giờ chúng sinh muốn được sanh về cõi Phật thanh tịnh đó thì cũng phải tu cái gì. Cũng phải tu cái nhân lục độ. Như vậy cái nhân lục độ Bồ tát tu được cái quả cõi Phật thanh tịnh. Chúng sinh muốn sanh về cõi Phật thanh tịnh của Bồ tát cũng phải tu lục độ.

Ở đây chúng ta thấy hai phần. Bồ tát tu nhân tịnh độ rồi khi thành Phật được cái quả. Còn chúng ta bây giờ muốn sanh về cõi tịnh độ của Phật đó, thì mình là Phật chưa, Phật chưa? Mình muốn sanh về cõi tịnh độ của Phật thì mình

cũng phải tu cái nhân lục độ mới được sanh về bên đó, nhưng mà mình Phật chưa. Bây giờ mình là gì? Mình được sanh về đó là Bồ tát chứ chưa phải Phật. Bởi vì Bồ tát tu cái nhân tịnh độ là Bồ tát rồi phải không?

Tu cái nhân tịnh độ viên mãn thì thành Phật có cái cõi tịnh độ thanh tịnh. Chúng ta nương theo nhân của Bồ tát để mà tu, tu để được về cõi đó. Về cõi đó là được cái quả là Bồ tát sanh vào tịnh độ chứ chưa phải là Phật. Bởi vì Phật, mình có cõi riêng đâu có ở chung nữa phải không? Có ông Phật nào về ở đậu với ông Phật nào không, có không? Đâu có phải không? Cho nên thành Phật rồi thì mỗi người mỗi cõi, không có ở đậu. Mà mình ở đậu là Phật có cõi đó rồi, mình tu cái nhân giống, mình được về ở cõi đó là mình còn Bồ tát, chứ mình chưa phải là Phật. Nhớ như vậy đó. Hiểu vậy thì mới thấy cái ý nghĩa, chứ còn không thì nói rằng chắc mình về bên mình cũng thanh tịnh như Phật. Không phải. Đó là nói cái nhân lục độ. Bây giờ nói tới:

Tứ vô lượng tâm là tịnh độ của Bồ tát.

Bồ tát khi thành Phật thì những chúng sinh mà thành tựu được từ bi hỷ xả thì liền được sanh về cõi nước kia.

Tứ nhiếp pháp là tịnh độ của Bồ tát.

Bồ tát khi thành Phật thì chúng sinh do cái giải thoát mà nhiếp thuộc hay là nhiếp phục đó. Được sanh về cõi nước kia. Đó cái giải thoát mà nhiếp phục đó, thì được sanh về cõi nước kia.

Phương tiện là tịnh độ của Bồ tát.

Bồ tát khi thành Phật đối với tất cả pháp khéo phương tiện. Những chúng sinh có phương tiện vô ngại thì được sanh về cõi nước kia.

Đoạn này nói về Tứ Vô Lượng Tâm và Tứ Nhiếp Pháp phải không? Nghĩa là Bồ tát cũng tu đủ Tứ Vô Lượng Tâm, cho nên cõi Phật của Bồ tát được thanh tịnh. Khi Ngài thành Phật thì cõi Phật được thanh tịnh. Chúng sinh nào cũng tu Tứ Vô Lượng Tâm, khi thành tựu viên mãn thì cũng được sanh về cõi của các Ngài.

Rồi Tứ Nhiếp Pháp đó là tịnh độ của Bồ tát. Như vậy cho nên khi Bồ tát thành Phật đó thì những chúng sinh nào, do cái công hạnh giải thoát mà nhiếp phục họ thì những người đó đều sanh về cõi Phật.

Rồi đến cái phương tiện là cõi tịnh độ của Bồ tát. Vậy khi Bồ tát thành Phật, tất cả những người, những chúng sinh được phương tiện vô ngại thì sanh về cõi Phật. Như vậy chúng ta mới thấy, nghĩa là muốn sanh về cõi Phật hay là muốn được trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh thì Bồ tát phải tu đủ mọi công hạnh phải không? Từ lục độ. Lục độ xong rồi thì tới cái gì. Tứ vô lượng tâm rồi tới Tứ nhiếp pháp. Rồi tới phương tiện.

Bây giờ tới công hạnh của Thanh Văn nữa.

37 phẩm trợ đạo là tịnh độ của Bồ tát. Bồ tát khi thành Phật thì những chúng sinh được Niệm xứ, chánh cần, thân tức, căn lực, giác chi, bát chánh đạo, được sanh về cõi kia.

Hồi hướng Tăng là tịnh độ của Bồ tát. Bồ tát khi thành Phật được tất cả công đức đầy đủ ở cõi Phật. Nói trừ 8 nạn ấy là tịnh độ của Bồ tát. Bồ tát khi thành Phật thì các cõi nước không có ba ác đạo vào tám nạn.

Tự giữ giới hạnh chẳng chê bai thiếu khuyết của người khác. Ấy là tịnh độ của Bồ tát. Bồ tát khi thành Phật thì cõi nước không có tên phạm giới. Thập thiện là tịnh độ của Bồ tát. Bồ tát khi thành Phật thì mạng không bị chết yểu. Bất trung yểu (Ở giữa chừng mà yểu. Ở giữa chừng là khoảng nào? Từ 50 tuổi trở xuống đó. Gọi là trung yểu.). Giàu có, phạm hạnh nói ra những lời chân thật. Thường nói lời nhỏ nhẹ. Quyển thuộc không có chia lìa. Khéo điều hòa sự thưa kiện. Nói ra thấy đều có lợi ích cho người. Không có tật đố, không có nóng giận. Được chánh kiến. Những chúng sanh ấy được sanh về cõi nước kia.

Như vậy đoạn này để nói lên công phu tu hành của Bồ tát. Nhờ công phu tu hành đó là nhân mới đạt được cõi thanh tịnh là quả. Bây giờ chúng ta thấy thêm nào là 37 phẩm trợ đạo. Nào là cái gì nữa. Nào là hồi hướng tâm. Rồi nào là không trừ hết các nạn. Bởi trừ hết các nạn nên trong cõi Phật không có ba đường ác cũng

không có tám nạn. Trong tất cả nạn này tôi thấy có cái nạn mà mình mà nghĩ thật là mình ham mà Phật cho là nạn. Máy chú biết cái nạn gì không? Sanh ở cõi Trời Trường Thọ. Thường thường ở thế gian máy chú thấy mình thích sống lâu không? Sống lâu là cái người ta thích phải không? Rồi đầy đủ dục lạc là cái người ta thích. Hai cái sống lâu và giàu có sung sướng là cái người ta thích. Mà cõi Trời Trường Thọ, cõi Trời đó sống lâu vô kể. Thích không? Rồi lại ở cõi Trời là sung sướng đầy đủ. Như vậy sống lâu và sung sướng mà tại sao nói nạn. Đó là điều tôi hỏi, máy chú nói làm sao? Sống lâu và sung sướng là điều hạnh phúc cho con người biết mấy. Tại sao đây lại nói nạn. Hiểu cái này thì mình mới hiểu được tư cách tu hành. Bởi vì Phật nói rằng ngừng người sanh về cõi Trời Trường Thọ sống rất là lâu. Tức là cả tiểu kiếp mà luôn luôn thụ hưởng sung sướng đó. Sống lâu để mà hưởng mãi, hưởng mãi không có làm chút lành nào hết trơn. Tới chừng cả triệu năm như vậy rồi trở lại trần tục. Không có một chút phước đức thì đó là tai nạn. Bởi vì không có cơ hội để họ tỉnh giác. Mà không phát tâm, không tỉnh giác thì làm sao mà làm điều thiện mà không làm điều thiện thì làm sao tiến lên. Cho nên lên ở đó cũng như bị nhốt trong cái tháp ngà, thụ hưởng đã rồi xuống.

Bây giờ máy chú thích cái đó không? Nghĩa là thế thường người ta thích như vậy, nhưng mà trong đạo Phật là cốt chúng ta sống thế nào, trong hoàn cảnh nào mà dễ phát tâm, dễ thức tỉnh thì đó là cái tốt. Còn chỗ nào mà mình cứ thụ hưởng đã đời cho tới rồi hết kiếp, thì đó là không tốt. Vậy máy chú nghĩ mình sống mà có sợ tai nạn không? Có sợ khổ không? Có sợ bệnh hoạn không? Nhờ bệnh hoạn mới thấy thân này vô thường phải không? Nhờ tai nạn mới thấy cuộc đời không gì bảo đảm. Nhờ có cuộc sống chật vật nghèo khổ mới thấy cuộc đời là khổ đau. Như vậy có cơ hội để thức tỉnh phải không? Như vậy mình hoan nghinh mấy cái đó hay mình chê mấy cái đó. Như vậy cái mà thế gian sợ đó, chính là cái Phật cho là cần. Còn cái mà thế gian ưa muốn Phật cho là nạn.

Bây giờ máy chú sanh ra trong một gia cảnh nào đó. Mọi sự sung sướng đều như ý hết mà không bao giờ thấy cái gì gọi là buồn lòng hết thì tu được không? Chẳng bao giờ phát tâm tu được. Bởi vì cái gì muốn là được, muốn là được, không

có buồn thì làm sao mà tu. Cho nên hiểu vậy rồi mới thấy cái nạn nhà Phật nói, không phải đợi thiếu thốn, khổ đau mới là nạn. Mà chính vì cứ chôn mình trong đờ đề mà kéo mãi cái đời si mê. Đó là tai nạn. Hiểu vậy thì mới thấy cái ý nghĩa của đạo Phật. Bởi vậy nên nói khi sanh được lên cõi Trời Trường Thọ rồi thì mọi nhu cầu đầy đủ. Sống mãi như vậy cho nên coi như chôn mình trong cái tháp ngà đó. Chớ không có lợi ích gì hết. Vì vậy gọi đó là 1 nạn trong 8 nạn đó.

Như vậy khi Bồ tát được sanh về cõi tịnh độ rồi, cõi của Ngài không còn những thứ đó nữa. Rồi cho tới những điều trong đây nói, nghĩa là giữ giới hạnh là tịnh độ của Bồ tát. Thì khi giữ giới hạnh và không chê khuyết điểm của người khác. Đó là tịnh độ của của Bồ tát. Cho nên khi Bồ tát thành Phật thì cõi nước của các Ngài không có tên phạm giới nữa. Còn mình bây giờ có khi mình giữ giới hạnh thì cũng có thể ráng phải không? Nhưng mà thấy mình giữ, còn người khác không giữ, quạu không? Có chê không? Đó là một cái điều chưa đầy đủ. Bản phận mình giữ thì mình ráng giữ. Mình giữ là mình tu, mình tu là cho mình. Còn người khác họ không giữ. Không giữ đó hoặc họ là kẻ không có tinh thần tỉnh giác. Hoặc muốn đi ở trong quần chúng. Muốn làm những điều sai phạm để rồi họ cảnh tỉnh những người khác. Mình có biết đâu phải không? Mình không lo thân của mình chứ ngồi lo chê người ta. Đó là điều không hay. Bởi vậy cho nên Bồ tát mình thấy giữ giới hạnh đó là một bản phận, rồi cũng không chê cái khuyết của người khác nữa. Đó là cái rất đặc biệt. Nên chúng ta hiểu rồi, cái việc tu của mình đó, nhiều khi nói nghe cũng như hay như phải. Bởi vì mình giữ giới nên mình ghét những người phạm giới phải phải không? Đó nói như vậy để tỏ rằng mình là người trong sạch. Chính khi đó mình đã tổn thương công đức của mình rồi. Vì vậy cho nên sự tu hành của mình không có bản phận, không có trách nhiệm, thì mình khỏi có chê bai những cái khuyết, cái dở của ai. Chỉ lo mình giữ cho thanh tịnh phần mình thôi. Rồi cho tới.

Thập thiện là tịnh độ của Bồ tát.

Bồ tát khi mà thành tựu được cõi nước rồi, cõi nước tịnh độ rồi, những chúng sinh có đầy đủ những điều kiện này: Một là sống lâu nè. Hai là giàu có. Ba là phạm hạnh. Bốn là nói chân thật. Năm là thường nói nhỏ nhẹ.

Mười điều lợi ích này, (?) đó là do tu nhân gì mấy chú biết không? Do tu nhân thập thiện mà kết quả. Giữ giới không sát sanh thì kết quả mạng sống không chết yểu, phải không? Giữ giới không trộm cướp thì được giàu có. Giữ giới không tà dâm, thì được phạm hạnh. Giữ giới không nói dối thì được nói lời chân thật. Giữ giới không nói ác khẩu thì được các lời nhu nhuyễn. Giữ giới không có nói ly gián thì được quyến thuộc không chia lìa. Giữ giới không nói những lời gọi là ác, vu oan cho người ta thì hòa hợp được sự tranh tụng. Giữ giới mình không nói lời thêu dệt thì được nói ra điều có ích lợi. Giữ giới bớt tham, bớt tật đố. Bớt tham, không tham tức là không tật đố thì nó sanh cõi nước không bị tật đố. Rồi giữ giới không sân thì không bị sanh nhuế. Giữ giới không tà kiến thì được chánh kiến.

Như vậy cái tốt lành đó đều do tu thập thiện mà ra chớ không do đâu mà đến. Như vậy thì cõi nước của Phật của Bồ tát, khi Ngài tu nhân đó, Ngài tu thập thiện thì bây giờ chúng ta là chúng sinh, muốn được về cõi Bồ tát khi thành Phật đó thì chúng ta cũng phải tu cái nhân thập thiện.

Phật nói cái nhân rồi. Bây giờ tới Ngài muốn kết thúc lại.

Như thế Bảo Tích, Bồ tát tùy cái tâm ngay thẳng kia, tức là trực tâm kia thì hay phát hành (Nghĩa là mình nhân có cái trực tâm, rồi mình mới khởi ra cái hành động.). Rồi tùy cái phát hành đó liền được, ắt được cái thâm tâm.

Từ cái trực tâm, tâm ngay thẳng của mình, cho nên mình làm cái gì nó đều là cái điều hay, điều lợi ích cho chúng sinh. Đó gọi là phát hành. Nhờ mình làm điều hay điều lợi ích cho chúng sinh, cho nên mới được cái thâm tâm. Rồi tùy cái thâm tâm kia ắt cái được ý điều phục. Rồi tùy cái ý điều phục ắt là được như nói mà làm. Hay là việc làm như lời nói. Như vậy từ thâm tâm nó mới được cái ý của mình, nó điều hòa nó chinh phục nó được. Từ cái điều hòa chinh phục được ý mình rồi, thì lời nói và việc làm mới đi đôi nhau. Khi lời nói việc làm đi đôi nhau

rồi, thì mới hay hồi hướng. Rồi tùy cái hồi hướng đó mà tiến tới phương tiện. Tùy phương tiện đó ắt thành tựu chúng sinh. Tùy cái thành tựu chúng sinh đó ắt là được cõi Phật thanh tịnh. Rồi tùy cái cõi Phật thanh tịnh đó ắt nói pháp được thanh tịnh. Rồi tùy cái nói pháp thanh tịnh đó thì trí tuệ thanh tịnh. Rồi tùy cái trí tuệ thanh tịnh đó tâm được thanh tịnh. Rồi tùy cái tâm thanh tịnh đó ắt là tất cả công đức được thanh tịnh.

Như vậy là Phật muốn kết thúc lại cả một đoạn trên. Nghĩa là từ trực tâm dài dài cho đến cuối cùng tất cả công đức được thanh tịnh.

Rồi câu này là câu mình phải nhớ mãi mãi.

Thế nên Bồ tát, nếu Bồ tát muốn được cái cõi tịnh độ thì phải tịnh cái tâm kia. Tùy cái tâm kia tịnh thì cõi Phật tịnh.

Như vậy mình mới thấy, Bồ tát mà muốn trang nghiêm tịnh độ đó thì phải làm sao? Trước, cái tâm mình phải thanh tịnh. Nếu tâm mình thanh tịnh thì cõi nước Phật được thanh tịnh. Như vậy mình tu mà muốn cõi nước Phật thanh tịnh thì trước hết mình phải làm sao? Cái tâm mình phải thanh tịnh. Như vậy cái tâm thanh tịnh là cái nhân mà cõi Phật thanh tịnh là cái quả. Còn nếu tâm mình nó cong queo. Tâm mình nó nhơ nhớp mà muốn về cõi Phật tịnh được không? Vì vậy mà chúng ta thấy nhiều người nguyện sanh về tịnh độ mà không lo tịnh cái tâm phải không? Muốn sanh về tịnh độ mà cái tâm không tịnh. Tâm không tịnh thì cõi Phật làm sao mà tịnh được. Cho nên người biết tu thì ngay cái nhân chúng ta phải tạo cho đủ. Cái nhân đủ thì cái quả nó sẽ tròn. Mà cái nhân là gì? Là cái tâm mình thanh tịnh là đầu. Tâm mình thanh tịnh thì cái quả cõi Phật thanh tịnh.

Bởi vậy tất cả những người biết tu rồi lúc nào mình cũng nhắm vào cái tâm của mình làm gốc, chớ đừng có lệ thuộc vào cảnh. Muốn cái cảnh nó đẹp mà tâm mình không đẹp thì cái cảnh cũng khó mà đẹp được. Bởi vậy cho nên cái tâm là chủ. Thường thường nói cái thân là chánh báo. Cảnh là y báo phải không? Nhưng ở đây Phật nói thẳng, cái tâm mới là chánh của chánh báo. Vì vậy mà chúng ta

phải sửa tâm của chúng ta trước thì cõi Phật mới được thanh tịnh. Điều đó là căn bản của sự tu.

Đây là một đoạn giải nghi.

Khi ấy Ngài Xá Lợi Phất nương nơi oai thần của Phật, khởi nghĩ thế này, nếu tâm của Bồ tát thanh tịnh thì cõi nước thanh. Đức Thế Tôn của ta ngày xưa khi làm Bồ tát ý đâu chẳng thanh tịnh. Mà cõi Phật này nó bất tịnh như thế ấy.

Khởi cái nghi này thật là hợp lý phải không? Vì nói rằng Bồ tát cai tâm thanh tịnh nên cõi nước được thanh tịnh. Bây giờ ông Phật Thích Ca là ông Phật của mình đi. Bây giờ đây hỏi tu hạnh Bồ tát chả lẽ lúc đó tâm Ngài không thanh tịnh phải không? Tại sao bây giờ được cái nước Phật là cõi Ta bà này, nó ô uế thế này, thì nói tâm Bồ tát thanh tịnh thì cõi nước tịnh. Đó là một cái nghi rất hợp lý. Phật biết cái nghi của Ngài Xá Lợi Phất, liền bảo Ngài Xá Lợi Phất rằng.

Y ù ông nghĩ sao, mặt trời, mặt trăng há chẳng sáng sau (chữ tịnh có nghĩa là sáng). Mà người mù họ không thấy.

Ngài Xá Lợi Phất đáp:

Không phải vậy, bạch Thế Tôn. Cái lỗi là tại người mù, chớ không phải lỗi tại mặt trời, mặt trăng.

Mặt trời, mặt trăng lúc nào cũng sáng, nhưng vì người mù họ không có mắt, cho nên họ thấy tối. Thấy tối là lỗi tại người mù. Chớ không phải lỗi tại mặt trời, mặt trăng thì hợp lý quá!

Phật nói: Xá Lợi Phất, vì chúng sinh tội nghiệp không thấy được cõi Phật của Như Lai trang nghiêm thanh tịnh. Chớ không phải là lỗi của Như Lai.

Vì chúng sanh tội nghiệp nặng nề, nên họ không thấy cõi Phật là trang nghiêm thanh tịnh. Chớ không phải là lỗi của Phật.

Ngài Xá Lợi Phất cõi nước của ta nó thanh tịnh mà ông không thấy. (Cõi nước của ta đây thanh tịnh mà ông không thấy). Khi đó Loa Kê Phạm Vương tức là Phạm Vương tên là Loa Kế mới nói với Ngài Xá Lợi Phất rằng:

Chớ khởi nghĩ cõi Phật này là không thanh tịnh. Vì có sao tôi thấy cõi Phật thanh tịnh của đức Thích Ca Mâu Ni (hay là tôi thấy cái cõi nước của Đức Thích Ca Mâu Ni thật là thanh tịnh.). Ví như là cái cung của vua Trời Tự Tại vậy.

Như vậy thì cõi Ta bà này, Ngài Xá Lợi Phất thì thấy không thanh tịnh. Nhưng mà Loa Kế Phạm Vương lại thấy nó thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất nói: Tôi thấy cõi này gò nổng, hầm hố, gai góc, cát sỏi, đất đá, núi non, những cái nhóp nhúa đầy đầy.

Ông thấy cõi này thanh tịnh, còn tôi thấy nó như vậy đó. đầy đầy những điều nhơ nhớp.

Loa Kế Phạm Vương nói nói: Cái tâm nhân gia có cao thấp. Không có ý như trí huệ Phật, cho nên thấy cõi này nó nhơ nhớp như vậy. Xá lợi Phất, Bồ tát đối với tất cả chúng sinh thấy đều được bình đẳng, thâm tâm thanh tịnh y như trí tuệ Phật, thì hay thấy cõi Phật được thanh tịnh.

Như vậy nghĩa là ai mà y theo cái tâm bình đẳng thì được cái thâm tâm thanh tịnh. Nương nơi trí tuệ Phật sẽ thấy cõi Phật thanh tịnh. Như vậy cái thấy của Ngài Xá Lợi Phất với cái thấy của Trời Phạm Vương Loa Kế thì hai vị cùng nhìn cõi Phật Thích Ca. Một bên là cho là uest, một bên cho là tịnh, là tại sao? Điều theo nghiệp.

Bây giờ tôi thí dụ cụ thể. Tôi nói giả sử như ở đây, ở Thường Chiếu này, cảnh này mà ở trong chúng có một người nào đó, tâm hồn họ đương bất an đương rối loạn. Còn có một người nào đó tâm hồn họ được tự tại thoải mái. Thì hai người đó nhìn cảnh Thường Chiếu này có khác nhau không? Khác không? Cũng cảnh Thường Chiếu thôi, mà người tâm hồn họ đang rối loạn, đang bất an đó thì họ thấy cảnh này tới đâu họ cũng thấy bức bối hết, phải không? Còn người tâm hồn họ tự tại thoải mái thì tới đâu họ cũng thấy cũng vui tươi hết. Cảnh này là vui tươi hay cảnh này là bức bối. Là sao? Vui tươi hay bức bối là tùy tâm phải không? Như vậy tâm của mình nó bức bối dù cho cảnh thế nào đi nữa cũng thấy bức bối. Tâm mình an lành tự tại, cảnh nào cũng thấy an lành tự tại.

Bởi vậy các Thiên sư ở trong rừng trong núi mà thấy nó đẹp hay xấu. Còn mình nhiều khi ở trong chùa trang nghiêm thanh tịnh mà sao nó bực bội, nó rầu rĩ, muốn bỏ chùa mà đi quá! Đó là tại làm sao? Đó là vì trong tâm mình đang rối loạn. Bởi nó không an nên dù trong cảnh nào rồi cũng bất an. Vì vậy mà chúng ta mới thấy rõ cái trọng tâm đặt ở chỗ nào.

Khi ấy Phật dùng cái chân, ngón chân ấn xuống đất. Liền khi đó tam thiên đại thiên thế giới, bao nhiêu trăm ngàn trân bảo trang sức, ví như là các thứ báu mà trang nghiêm cõi Phật. Vô lượng công đức những báu mà trang nghiêm cõi này. Tất cả đại chúng khen ngợi chưa từng có, mà đều tự thấy đang ngồi trên đài liên hoa (Đài báu liên hoa. Đài báu hoa sen.).

Như vậy Phật chỉ cần ấn ngón chân thì mọi người thấy cõi này thanh tịnh trang nghiêm. Thấy mình ngồi trên tòa sen đẹp đẽ. Tòa sen báu. Lúc đó tất cả đều trang nghiêm thanh tịnh hết.

Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất:

Ông hãy xem cõi nước Phật trang nghiêm thanh tịnh chẳng. Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch Thế Tôn: Vâng. Xưa chỗ Phật không thể thấy, xưa chỗ không thể nghe. Mà nay cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh đều hiện bày.

Hồi trước tới giờ con chưa từng thấy. Hồi trước tới giờ con chưa từng nghe. Bây giờ mới thấy cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh như thế này.

Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất:

Cõi Phật của ta thường thanh tịnh như thế. Vì muốn độ những chúng sanh, những người tâm hạ liệt mà hiện bày ra cảnh xấu nhớp. Cõi nước xấu nhớp không trong sạch. Ví như chư thiên cùng một bát báu đựng thức ăn, tùy phước đức của những người kia mà sắc cơm trong bát hiện khác nhau. Như thế Xá Lợi Phất nếu người tâm tịnh liền thấy cõi này công đức trang nghiêm.

Người nào tâm tịnh liền thấy cõi này công đức trang nghiêm, phải không? Còn tâm không tịnh thì sao? Thì cõi này nhớp nhúa. Mấy chú mới thấy rõ điều này là một lẽ thực. Không có chối cãi được. Bởi vì tất cả chúng ta ở nơi nào, cảnh nào

mà thấy tâm thanh tịnh thì cõi đó tự nó thanh tịnh. Bây giờ mấy chú thử một hôm nào đó, tâm mình thật nhẹ nhàng thoải mái. Mình ra ngồi mấy góc đào (điều), mình thấy vui không? Vui quá phải không? Còn khi nào mình đang bị ai nói nặng nói nhẹ. Bị người này làm khó dễ. Ra ngồi góc đào thấy vui không? Ngồi góc đào mà coi như tù ngục phải không? Như vậy mới thấy rõ rằng, tâm tịnh liền thấy cõi tịnh. Còn tâm không tịnh thì dù cõi tịnh cũng biến thành không tịnh.

Chủ yếu là như vậy. Muốn thấy cõi nước Phật thanh tịnh thì trước chúng ta phải tịnh cái tâm của mình. Tâm mình định thì cõi nước mới được thanh tịnh. Còn tâm mình nhơ nhớp thì muốn sanh lên cõi tịnh cũng không gao giờ sanh được. Đó là trọng tâm của sự tu.



PHẦN 5

Trong này Phật dùng thí dụ mà mình không biết. Ngài nói rằng chư Thiên mỗi người đều có có bát báu giống nhau, nhưng mà tùy phước nhiều phước ít, đồ ăn trong bát đó, cái thì hiện ngon, cái thì hiện dở. Cái màu đẹp, cái màu xấu. Tùy theo cái phước của mỗi người. Cái thí dụ đó khó hiểu quá phải không? Với Phật thì hiểu chớ với mình thì chưa bao giờ biết. Chưa biết thì làm gì mà hiểu. Chúng ta chỉ có cái thí dụ gần nhất với chúng ta.

Thí dụ như mình cùng ăn một bữa ăn. Thí chủ cúng cơm cho mình mâm cỗ đầy hết. Cùng ngồi ăn nhưng mà tùy cái gì, ăn có ngon dở khác nhau. Tùy có bệnh không bệnh. Như Phước Hảo mà dọn một mâm đầy mà toàn những đồ chiên đồ xào, thì sao? Là khổ rồi. Còn những người nào bao tử khỏe mạnh thì người ta cảm thấy ăn ngon. Như vậy thì rõ ràng, cũng cùng ăn một mâm, cũng cùng những thức ăn đó, mà có người cảm thấy ngon, có người cảm thấy không ngon, sợ nữa. Như vậy rõ ràng, tùy cái nghiệp phước của mỗi người mà nó có hiện khác nhau. Chớ không phải đợi đồ ăn khác mới có khác. Chính những thức ăn đó mà có nhận định khác nhau. Thí dụ đó dễ hiểu hơn, thực tế hơn. Chớ nói bát báu của chư Thiên thì không bao giờ mình biết. Chưa từng thấy chư Thiên thì làm sao nói bát báu được. Như vậy chúng ta có thể hiểu rằng trong cuộc sống này, mỗi người chúng ta nếu mà tu hành thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh.

Bây giờ trở lại cái gần nhất. Nếu toàn chúng ở trong Thường Chiếu này, ai nấy tu hành thanh tịnh. Tâm hồn thoải mái hết đó. Thì Thường Chiếu là chỗ đáng ngán hay đáng chán. Chán hay ngán? Hay là chỗ thích thú? Nếu ai nấy cũng đều thoải mái hết thì đây là chỗ thích thú. Thanh tịnh mà phải không? Còn nếu mà có những người nào tâm hồn không được thoải mái, taam hồn đang bực bội, đang bị phiền não thì thấy cõi này đáng chán, đáng ngán. Như vậy chán ngán hay không tùy theo mỗi người. Còn thấy có thích thú hay không cũng tùy theo mỗi người. Cho nên tâm chúng ta được an lành thanh tịnh thì ở đâu chúng ta cũng được an ổn,

cũng vui tươi. Còn tâm chúng ta chưa an ổn, chưa thanh tịnh, ở đâu rồi cũng bực bội, cũng muốn xách gói đi chỗ khác nữa. Đó là thể thường như vậy.

Chính khi đức Phật hiện cõi nước trang nghiêm thanh tịnh này, Ngài Bảo Tích dẫn theo 500 ông Trưởng giả đều được vô sanh pháp nhãn. Tám muôn bốn ngàn người đều được phát tâm chánh đẳng chánh giác.

Ngay trong thời gian thấy cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh đó, lúc đó ông Bảo Tích và 500 ông trưởng giả đều được vô sanh pháp nhãn. Còn 8 muôn 4 ngàn vị khác phát tâm bồ đề. Đó là trường hợp thứ nhất.

Trường hợp thứ hai:

Phật mới nhiếp thần túc (Thần túc tức là thần thông của Ngài). Khi ấy thì thế giới trở lại như xưa, như cũ. Những người cầu Thanh Văn thừa có 3 muôn 2 ngàn chư thiên và người biết pháp hữu vi thấy đều vô thường. Xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. 8000 Tỳ Kheo không có thọ các pháp (Nghĩa là không có nhận các pháp lậu tận ý giải).

Như vậy khi mà cảnh trang nghiêm thanh tịnh đang hiện thì Bồ tát liền được vô sanh pháp nhãn. Hoặc là phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Còn hàng Thanh Văn và người thì thấy lúc đó sao. Dừng dừng hà! Không có gì hết. Nhưng khi Phật thu thần túc lại rồi, thì từ hồi nãy là cõi tịnh, bây giờ thành cõi uế. Các Ngài liền làm sao? Liền ngộ được lý vô thường. Hồi nãy như vậy. Bây giờ khác đi. Như vậy rõ ràng là vô thường. Bởi ngộ được lý vô thường cho nên lìa xa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Rồi các vị Tỳ Kheo chứng được Lộ Tận Ý Ò giải.

Như vậy mình mới thấy hạng Thanh Văn thì lại khác. Bồ tát thấy rõ cõi này nó nguyên là thanh tịnh. Mà vì chúng sanh mê nên thấy nó là bất tịnh. Khi hiện ra thanh tịnh liền phát tâm. Nhận được tịnh độ là từ tâm. Bởi nhận tịnh độ từ tâm cho nên ngay đó các Ngài phát tâm hoặc các Ngài chứng đạo. Còn Thanh Văn thì không nhận được cái đó. Mà nhận được lý vô thường. Cho nên từ cõi tịnh biến thành cõi uế. Liền đó các ông thức tỉnh phải không? Thức tỉnh thì chứng được đạo

quả của hàng Thanh Văn. Nay mới thấy hai trình độ sai biệt. Bởi hai trình độ sai biệt cho nên có kết quả sai biệt nhau.

Nay tới Phẩm Phương Tiện. Chữ Phương Tiện lâu nay chúng ta cũng quen dùng rồi. Coi như là danh từ quen thuộc. Chữ Phương là phương pháp. Chữ Tiện là tiện dụng hay là tiện nghi đó. dùng một phương pháp mà dùng làm phương tiện để giải quyết mọi việc trong lúc tạm thời thì gọi đó là phương tiện. Bởi vì Phương Tiện ngược với chữ cứu cánh. Cứu cánh là chuyện lâu dài, cái cao tột. Còn Phương tiện là cái tạm thời. Bởi vậy nên nói phần Phương Tiện là chỉ cho những việc làm không phải là chỗ chủ yếu. Cứu cánh hiện như thế này mà làm như thế khác, thì gọi đó là phương tiện.

Khi ấy ở trong thành lớn Tỳ Da Ly có ông Trưởng Giả tên là Duy Ma Cật. Ông đã từng cúng dường vô lượng Phật. Và sâu gieo trồng gốc lành, được vô sanh nhẫn. Biện tài vô ngại. Du hí thần thông và được các tông trì. Được vô sở quý, hàng ma và an ủi những kẻ oán thù. Vào sâu trong pháp môn khéo nơi trí mà độ người. Thông suốt phương tiện, đại nguyện được thành tựu. Rõ thấu được chỗ thú hướng của tâm chúng sanh. Lại hay phân biệt các căn lợi và độn. Ở lâu trong Phật đạo, tâm đã thuần thực. Quyết định về đại thừa và các sở hữu là các cái đã có. Lại khéo hay suy lường. Trụ ở oai nghi Phật. Tâm rộng như biển cả. Chư Phật khen ngợi. Đệ tử là đệ tử Phật. Hoặc là Đế Thích. Hoặc là Phạm Thiên. Hoặc là thí chủ đều cung kính.

Đây là tán thán cái khả năng, công đức của ông Duy Ma Cật trước đã có. Bởi ông có sẵn những công đức như thế này. Cho nên ông mới hay làm những phương tiện như ở sau. Đó là để nói lên cái khả năng, công đức của ông. Cho nên khi mình học kinh, mình đừng đồng hóa mình với các vị Bồ tát. Nếu muốn đồng hóa thì phải đối chiếu công đức của các Ngài trước phải không? Rồi sau mình mới làm.

Thí dụ như ở đây có đoạn ông nói rằng, vô trong quán rượ, lại sòng bạc... khi ông dám lại đó, thì công đức ông được thần thông du hí tự tại rồi. Còn mình vô

đó thì mình được cái gì chưa. Mình còn đang là kẻ nhơ nhiễm mà vào chỗ đó thì nhiễm nhơ thêm. Bởi vậy các việc làm của các vị Bồ Tát, các Ngài có quyền làm như vậy, là khi các Ngài đã đầy đủ những khả năng, thành tựu các công đức rồi thì khi làm nó không trở ngại.

Bây giờ tới đoạn này là phương tiện của Ngài.

Vì muốn độ người, khéo dùng phương tiện ở tại thành Tỳ Da Ly.

Vì muốn làm lợi ích cho người, cho nên phương tiện làm ông cư sĩ. Làm ông trưởng giả ở thành Tỳ Da Ly này.

Của cải vô lượng để dùng thu nhiếp những người nghèo khổ. Giữ giới thanh tịnh để thu nhiếp những người giữ giới cấm. Dùng cái nhẫn nhục để điều phục những người nóng giận. Dùng cái đại tinh tấn để nhiếp phục lười biếng. Dùng nhất tâm thiền định để nhiếp phục những người loạn ý. Dùng trí tuệ quyết định để nhiếp phục những người vô trí. Tuy làm người cư sĩ mà vẫn giữ giới luật. Thực hành hạnh thanh tịnh của hàng Sa Môn.

Tuy là hình thức cư sĩ mà ông làm cái hạnh giữ giới luật thanh tịnh của hàng Sa Môn. Tuy là người tại gia mà ông không có nhiễm trước trong tam giới. Thường thường nói người tại gia mà không nhiễm trước trong tam giới là ý làm sao. Thường mình ở cõi này thì gọi là cõi dục phải không? Trong cõi dục này mình có nhiễm nó chưa. Ở ngay trên cõi dục là cõi thấp nhất trong tam giới mà mình đã nhiễm, đã thích rồi. Còn Ngài ở trong hàng cư sĩ mà cả tam giới này không nhiễm. Như vậy là để nói tâm giải thoát phải không? Tuy ở hàng cư sĩ mà tâm vẫn giải thoát.

Thị hiện có vợ con mà thường tu cái hạnh trong sạch. Hiện có quyến thuộc mà thường ưa xa lìa. Tuy là mặc đồ trang sức đẹp đẽ mà dùng tướng hảo để trang nghiêm thân.

Tướng hảo trang nghiêm thân, mặc đồ đẹp đẽ là trang nghiêm thân rồi. Tại sao còn nói dùng tướng hảo để trang nghiêm thân. Bởi vì trong kinh Phật dạy, Phật

sở dĩ có 32 là không phải dùng vàng ngọc châu báu mà trang nghiêm, phải không? Mà do cái công đức, do tu hành những công đức mà được 32 tướng tốt.

Thí dụ như nói, Phật có tướng lưỡi rộng dài là vì ba đời Ngài không nói dối. Như vậy mỗi một tướng là một công đức tu. Bởi công đức tu mà được tướng tốt. Như vậy tuy bây giờ ông trưởng giả này, ông cũng có đồ trang sức, áo quần đẹp đẽ này kia. Nhưng ông không thấy đó là quan trọng. Ông chỉ dùng 32 tướng tốt trang nghiêm. Chớ không đặt vấn đề trang sức quần áo, hay là lụa là, hay là vàng ngọc để mà trang sức.

Tuy lại ăn uống mà dùng cái thiền duyệt làm vị.

Cũng ăn uống mâm cao cỗ đầy nhưng ông không thấy đó là quan trọng. Mà ông lấy cái thiền duyệt làm cái vị ăn cho nên nói thiền duyệt vi thực đó.

Bây giờ mấy chú lấy cái gì làm thức ăn. Bánh trái làm thức ăn hay lấy cái thiền làm thức ăn? Nếu lấy cái thiền thì coi bộ chán quá. Nuốt không trôi phải không? Ngồi thiền mà chừng khoảng một giờ rưỡi sau, nó còn khỏe không? Bởi vậy nên người tu cao, khi tâm họ được an định, thân họ được nhẹ nhàng rồi, thì ngồi thiền là cái thanh thoi nhất. Cái an lành nhất. Bởi ngồi thiền là thanh thoi, là an nhàn, cho nên nói là Thiền duyệt vi thực.

Duyệt là vui. Vui trong cái tọa thiền, tu thiền đó làm thức ăn. Nghĩa là hôm ngào, ngày nào thiếu một giờ ngồi thiền là coi như đói vậy đó. Còn mình bữa nào thiếu một giờ ngồi thiền, được ngủ thì coi như gì. Như no vậy đó, chớ không phải như đói. Đó là chưa được tự tại an lành trong cái tu. Vì vậy ông là cư sĩ tuy có ăn uống mâm cao cỗ đầy, nhưng cái đó đối với ông không có quan trọng. Mà ông lấy cái thiền duyệt làm cái vị ăn.

Nếu ông đến chỗ cờ bạc, đến chỗ hát xướng.

Hí trường tức là hát xướng đó.

Để vì nhiếp độ họ.

Nhiếp độ người chớ không phải tới đó là chơi mà hưởng.

Ông nhận (hay là ông học) các đạo khác mà không có hủy hoại chánh tín. Tuy ông thông suốt (minh tức là rõ hết) kinh điển thế gian mà ông thường ưa Phật pháp. Tất cả chỗ thấy của ông đều là cung kính.

Cung kính cái gì? Cung kính và cúng dường là cái tôn trọng bậc nhất. Bởi vì theo cái thấy của ông, cúng dường tam bảo, đó là cái ông tôn trọng bậc nhất. Ông giữ gìn chánh pháp. Ông nhiếp phục người lớn và kẻ nhỏ. Tất cả sự sinh sống ông đều vui. Kêu bằng thoải mái đó (Hài ngẫu). Như bây giờ nói hài hòa đó. Y ù vui thích trong cuộc sống. Về phương tiện sống thì ông rất thoải mái, không có gì trở ngại hết.

Tuy được hết cái lợi của thế tục mà không cho đó là vui.

Những cái lợi của thế tục, như làm ăn đâu đó hết. Không cho đó là vui.

Ông đạo các ngã tư đường làm lợi ích cho chúng sanh. Ông vào chỗ chánh trị thì lấy pháp mà cứu hộ tất cả. Ông vào chỗ giảng luận thì ông hướng dẫn người ta về đại thừa. Ông vào các học đường để dạy bảo để khai mở cho hàng đồng môn. Ông vào những chỗ dâm xá, cốt để chỉ lỗi cho người ta lập được ý chí. Vào quán rượu không phải vì uống rượu mà để chỉ cho người ta biết rượu là hại, rồi lập chí bỏ rượu... Nếu ông ở trong trường giả thì trong trường giả tôn kính, vì nói pháp thù thắng. Nếu ở trong cư sĩ cung kính vì họ mà ông đoạn trừ tâm tham trước. Nếu ông ở trong dòng Sát Đế Ly thì trong hàng Sát Đế Ly tôn kính. Ông dạy họ phương pháp nhẫn nhục...

Sát Đế Ly là dòng võ tướng, chinh phục, cầm binh ra trận. Cho nên tới đó ông phải dạy họ cách nhẫn nhục.

Nếu ông ở trong dòng Bà La Môn thì trong Bà La Môn tôn trọng. Vì họ mà dạy họ trừ hết ngã mạn.

Bà La Môn là dòng cao nhất, nên tâm ngã mạn, khinh hết các dòng. Tới đó ông dạy cho họ diệt trừ ngã mạn.

Nếu ở trong Đại thần thì là Đại thần tôn kính, thọ chánh pháp. Nếu ở trong hàng vương tử thì trong hàng vương tử tôn kính, chỉ dạy cho họ trung hiếu. Nếu ở

trong nội cung thì trong nội cung tôn kính, giáo hóa họ làm người cung nữ chân chính. Nếu ở chỗ thứ dân thì thứ dân tôn trọng, dạy cho họ làm những điều phước lành.

Nếu ở chỗ Phạm Thiên thì là Bậc Phạm Thiên cung kính. Dạy bảo họ trí huệ thù thắng. Nếu ở trong hàng Đế Thích thì được trong hàng Đế Thích tôn trọng, thị hiện cảnh vô thường.

Tại sao ở trong hàng Đế Thích thị hiện cảnh vô thường mà không dạy cái gì. Bởi vì Đế Thích đang ở cõi trời, thừa hưởng ngũ dục lạc nên mê quá đi. Mê hưởng mà không biết tu. Nên tới đó hiện cảnh vô thường. Hiện cảnh vô thường họ giật mình thì họ tu. Thấy có người chết, thấy người bệnh, thấy người già để cho họ thức tỉnh.

Nếu ở trong cõi trời Hộ Thế thì trong cõi trời Hộ Thế tôn trọng mà bảo hộ các chúng sanh. Ông trưởng giả Duy Ma Cật dùng vô lượng phương tiện như thế để làm lợi ích cho chúng sanh.

Như vậy tất cả việc làm ở cảnh nào ở trường hợp cũng nhắm thẳng cái lợi ích cho người mà ông ở hoàn cảnh đó. Chớ không phải vì thụ hưởng vì an vui riêng mình mà ở trong cảnh đó. Như vậy ở trong cảnh giàu, ở trong cảnh quan quyền, ở trong cảnh dòng họ cao quý... Đều là vì thức tỉnh họ. Vì để cảnh giác họ chớ không vì thụ hưởng bản thân mình, cá nhân mình. Đó là để nói phương tiện của Ngài là như vậy. Đây thêm cái phương tiện nữa.

Do phương tiện kia mà Ngài hiện thân có bệnh. Bởi vì Ngài có bệnh cho nên Quốc vương, Đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ, Bà la Môn... và các hàng Vương tử, những bá quan khác, các Ngài quan thuộc vô số cả ngàn người đều đến thăm bệnh ông. Những người đến đó nhân dùng, hay là lấy cái thân bệnh mà rộng vì họ nói pháp.

Nhân cái thân ông bệnh mà ông vì họ nói pháp. Như vậy ông bệnh là cốt nói pháp cho các vị đó nghe. Chớ không phải ông bệnh là vì nghiệp chướng của ông mà phải bệnh. Bây giờ giả sử chúng ta không có được như ông mà lỡ có bệnh

thì sao. Có nên nói pháp cho người khác nghe hay là có bệnh nên rên. Tuy rằng mình không được như ông, nhưng lỡ có bệnh, ai tới thăm, đó cái thân vô thường vậy đó. Mới hôm qua tôi đi sân sân, nay tôi nằm queo đây. Nhắc cho người ta tỉnh. Như vậy cũng là nhân thân bệnh mà cảnh tỉnh người. Chớ đừng nhân thân bệnh, người ta tới rồi rên hi hi... nhiều khi còn than thở nữa.

Đây ông giáo hóa cách làm sao?

Này các nhân giả, cái thân này là vô thường, nói không có mạnh mẽ, nó không có sức lực, nó không có bền bỉ, nó là cái pháp mau chóng hữu hoại.

Tức là bại hoại. Cái thân này vô thường, không mạnh mẽ, không sức lực, không bền bỉ, nó là pháp mau bại hoại. Không có thể tin được vậy. Bây giờ mấy chú tin được thân mình không. Tin không? Bây giờ có ai biết mình tới bao giờ chết đâu, phải không? Nếu tin mình nói: tôi biết tôi tới 80 tuổi, ngày mấy tháng mấy tôi chết đó, thì mới tin, chớ còn bây giờ không biết. Ngay nay đi đây chớ ngày mai chết cũng có. Ngồi đây ngày mai bệnh cũng có, không có nhất định gì hết. Không biết ngày mai ra sao, làm sao tin, vậy mà cứ tin. Ngâm tin mình sống lâu, ngâm tin mình khỏe mạnh, mình sống lâu. Cho nên nếu ai báo tin mình sắp chết, cái hoảng lên. Mình mạnh khỏe, nên khi ngã bệnh cũng tức tối bực bội. Chớ hiểu rõ thân này không có gì bảo đảm. Đã không bảo đảm thì có gì chúng ta đáng tin.

Nó là khổ, nó là não, nó là chỗ nhóm họp của các bệnh

Cái thân nào là khổ là não, là nhóm họp của các bệnh. Bây giờ mỗi người kể lại coi mình có mấy bệnh. Cỡ như Thông Tạng có mấy bệnh. Thực là chỗ nhóm họp của các bệnh, phải không? Không có gì an ổn hết.

Này các nhân giả, cái thân nó như thế, người trí sáng suốt thì không nên trông cậy vào nó.

Chữ cổ là nương, không có trông cậy vào nó.

Điểm thứ nhất bảo mình đừng tin cậy vào nó.

Điểm thứ hai là bảo mình đừng trông cậy vào nó. Vì nó có đáng tin đâu mà tin. Bởi vì nó là khổ não thì làm sao tin cậy vào nó được.

Thân này như chùm bọt nước, không thể nắm bắt.

Mình ra ngoài biển mình thấy từng cụm bọt phải không? Bọt nó nổi, mình nắm nó thì sao? Nắm tới đâu nó tan tới đó.

Thân này như bong bóng nước, không được lâu bền.

Như vậy mới thấy khi hạt mưa rơi cái chòm xuống mái nhà, thấy bong bóng nổi lên. Nổi lên rồi sao? Vừa thấy bong bóng rõ ràng, chút rồi nát. Như cái thân không bền bỉ.

Cái thân này như ánh sáng. Lăn chớp sáng từ nơi khát ái mà sanh.

Dương điện tức là như sóng nắng, từ khát ái mà sanh, nó không có thật, mà vì khát ái. Khát ái là sao? Ái là yêu thích. Khát là thường thường nói con nai khát nước quá, nó nhìn thấy đằng xa ánh nắng chập chờn. Nó tưởng rằng là dòng nước, nó ù tới để tìm uống. Nhưng mà ù tới rồi sao? Tới rồi nó thất vọng. Không có nước. Mình yêu thích thân này, nó thêm khát, nó mong mỏi, nó cứ bám giữ. Mà bám giữ được không? Bám giữ tới đâu đó, rồi cũng nát cũng hoại. Không có bền lâu.

Thân này như cây chuối, trong không có lõi chắc.

Vô hữu kiên: không có chắc. Cây chuối mình lột ra làm sao? Cứ từng bẹ tách ra, tách ra. Kiểm thân cây cứng chắc không có.

Thân này như huyền hóa. Từ điên đảo mà khởi. Thân này như mộng. Do cái thấy hư dối mà thành. Thân này như cái bóng, từ nơi nghiệp duyên mà hiện. Thân này như vang, nó thuộc về các nhân duyên. Thân này như mây nổi, trong chốc lát nó liền biến diệt. Thân này như làn điện chớp. Mỗi niệm nó không dừng. Thân này không chủ như là đất. Thân này không có ngã như là lửa. Thân này không có thọ mạng như là gió. Thân này không có người như là nước. Thân này không có thật, do tứ đại làm nhà. Thân này là không lìa ngã và ngã sở. Thân này là vô tri như là cỏ cây, ngói gạch. Thân này không tạo tác, do sức gió mà chuyển.

Nói thân này không tạo tác, mình không chịu. Mình thấy mình cuốc đất, mình gặt lúa. Mình làm đủ thứ hết, mà nói không tạo tác, mình chịu không? Nói khó hiểu quá! Nhưng mà sự thật ở đây, tất cả hoạt động của mình, từ gió mà ra cả. Bây giờ mấy chú ăn là nghĩa làm sao? Uống nghĩa là sao? Khi uống nước là sao? Có gió hút vô không? Mình uống nước là lấy hơi gió hút vô. Nước nó theo. Rồi tới ăn cũng vậy. Nếu hoài mà không có gió nó nuốt vô thì nó có vô được đâu, phải không? Như vậy ăn cũng nhờ gió, uống cũng nhờ gió. Đem vô rồi nuôi thân này. Rồi hoạt động, tim đập, máu chảy. Các cơ thể hoạt động đều từ gió hết. Khi đem vô rồi, tới tổng ra có nhờ gió nữa không? Cũng phải nhờ gió. Như vậy tất cả hoạt động đều là gió, chớ đâu phải làm mình. Mình không biết, mình tưởng có mình làm chủ, mình làm này làm kia. Nhưng mà không ngờ chính tất cả cái đó là do sức gió mà làm ra như vậy.

Thân này nó như nhóp, ô ư ể dầy dầy. Thân này là hư dối (Tuy nhờ tám giới, ăn mặc).Thầy đều trở về tiêu diệt. Cái thân này là tai họa. 101 bệnh nó sinh, nó làm não loạn. Thân này như là cái gò giềng bị cái già nó bức bách. Thân này nó không có nhất định là chủ yếu hay cốt yếu phải đến chết.

Thân này có định gì đâu. Cần là đi tới chỗ chết là cùng.

Thân này là rắn độc. Như là kẻ oán thù, cướp giựt. Như là xóm rỗng. Nào là ám, giới, các nhập chung hợp mà thành.

Như vậy kể một mạch thì thấy cái thân ra sao. Thực ra Ngài kể thì quá kỹ. Kỹ vô cùng phải không? Thân này nó không đáng tin. Thân này không đáng nương cậy. Thân này tạm bợ. Thân này là tạm bợ. Thân này là tai họa. Thân này là như nhóp. Thân này như rắn độc. Vừa rồi tôi kể đó. Thân này là kẻ oán thù, kẻ giặc cướp vậy đó. Nó cứ giựt của nhau. Rồi nó không tụ như cái chỗ rỗng, rồi hợp lại, chớ có gì thật đâu. Rồi nào là ám, nào là giới, nào là nhập chung lại mà thành chớ cái gì thật là thân. Vậy mà mình thấy cái thân là thật. Nếu mình biết rõ thân không bền, thân không đáng trông cậy. Thân là tạm bợ. Thân là nhóp nhúa. Thân

là khổ đau. Tất nhiên thân còn gì là quý, phải không? Mà không quý thì còn gì chấp.
Mà không chấp thì đó là nhân để rồi đi tới vô ngã, tới giải thoát.



PHẦN 6

Như vậy đoạn này chỉ cho chúng ta thấy cái thân rõ ràng rồi. Bây giờ đứng về mặt này là cái mặt Ngài chỉ cho chúng ta chán chê cái thân. Nhưng mà chán chê cái thân này rồi phải làm gì. Rồi tới đó bó tay than thở hay sao? Đây là phải chuyển qua.

Này các nhân giả, cái thân này là cái bệnh hoạn, là cái tai họa đáng chán. Phải thích cái thân của Phật.

Cái thân của mình là tai họa đáng chán. Bây giờ mình phải thích cái thân Phật.

Vì có sao? Thân Phật là pháp thân.

Nói thích thân Phật là cái pháp thân đó.

Từ vô lượng công đức trí tuệ mà sanh. Từ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến mà sanh. Từ từ bi hỷ xả mà sanh. Từ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhu hòa, cần hành tinh tấn, thiền định, giải thoát tam muộc, đa văn, trí tuệ, các Ba la mật mà sanh.

Ở đây nói tới Thập Ba la mật.

Từ phương tiện mà sanh. Từ lục thông mà sanh. Từ tam minh mà sanh. Từ 37 phẩm trợ đạo mà sanh. Từ chỉ quán mà sanh. Từ thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp mà sanh. Từ đoạn tất cả pháp bất thiện nhóm họp tất cả các pháp bất thiện mà sanh. Từ cái không phóng dật mà sanh. Từ cái vô lượng. Cái pháp thanh tịnh như thế mà sanh thân Như Lai. Như nhân giả muốn được cái thân Phật phải đoạn tất cả bệnh của chúng sanh. Phải phát tâm vô lượng chánh đẳng chánh giác. Ông Trưởng giả Duy Ma nói như thế vì các người đến thăm bệnh nên ông như thế mà thuyết pháp. Khiến cho vô số ngàn người đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Như vậy ông Duy Ma Cật ở ông tùy theo trình độ của những người đến thăm bệnh ông, mà ông vì họ nói pháp thích hợp với sở nguyện. Hay là với cái nghiệp

duyên của họ mà nói pháp. Khiến cho vô số những người đó đều được phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đó là phần của ông Duy Ma Cật, ông đã có cái khả năng, phương tiện giáo hóa như vậy.

Như vậy chúng ta học qua đoạn này mới thấy tinh thần của Bồ Tát mỗi một hành động, mỗi một cử chỉ nào phát ra cũng là vì chúng sanh mà phát ra phải không? Như đoạn trước các Ngài muốn có tịnh độ thì cũng vì độ chúng sanh mà có tịnh độ. Ở đây trường hợp các Ngài bệnh, bệnh cũng vì chúng sanh mà bệnh. Chớ không phải vì cái nghiệp duyên riêng của mình. Như vậy thấy tất cả hành động của các vị Bồ tát, trường hợp nào cũng là vì người, vì chúng sanh. Phần này nếu giảng cho kỹ thì rất là dài. Nhưng tôi nghĩ đây cũng là quen rồi. Ngôn ngữ này chúng ta từng nghe, chỉ giảng sơ quý vị cũng lãnh hội được.

Tới phẩm thứ ba, phẩm đệ tử. Hai chữ đệ tử, chúng ta đã quen quá rồi, khỏi cần phải giải thích.

PHẨM ĐỆ TỬ

Khi ấy ông Trưởng giả Duy Ma Cật tự nghĩ, nằm bệnh trên giường, Thế Tôn là đấng đại bi đâu chẳng có thương xót.

Đó là lời ông có vẻ như sao mình bệnh nằm lâu quá, Phật đại bi mà Ngài không đến thăm viếng mình.

Phật biết ý ông cư sĩ Duy Ma Cật, liền bảo Xá Lợi Phất:

-Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Xá Lợi Phất bạch Phật:

-Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì có sao? Con nhớ lại thuở xưa từng ở trong rừng ngồi yên dưới cội cây. Khi ấy ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng: “Vâng! Xá Lợi Phất, không hẳn ngồi ấy là ngồi yên. Phàm ngồi yên thì không có hiện thân ý ở tam giới, ấy là ngồi yên. Không khởi diệt tận định mà hiện các oai nghi, ấy mới gọi là ngồi yên. Không bỏ đạo pháp mà hay hiện cái việc phàm phu, ấy mới là ngồi yên. Tâm không trụ ở trong, cũng không ở ngoài, ấy mới là ngồi yên. Đối với kiến chấp không động mà hay tu 37 phẩm trợ đạo, ấy

mới là ngồi yên. Không đoạn thiền nào mà vào Niết bàn, ấy mới là ngồi yên. Nếu hay như thế mà ngồi thì Phật sẽ ấn chứng cho. Khi ấy! Bạch Thế Tôn con nghe những lời nói này lặng thinh mà thôi. Không thể nào đáp được. Cho nên con không có kham đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Đây là một hình ảnh, bởi thường chúng ta hay nghĩ, mình đến dưới cội cây, ngồi trong rừng vắng một mình. Đó là ngồi yên, phải vậy không? Hoặc giả không như vậy thì khuya mình ngồi yên trên Thiên đường hoặc ngồi trong một cái thất hoặc ngồi ngoài hành lang chẳng hạn. Có một mình lặng lẽ, đó là ngồi yên phải không? Quan niệm mình ngồi như vậy là ngồi yên. Nhưng với ông Duy Ma Cật, ông không nói như vậy. Ông không thấy mình ngồi một mình lặng lẽ là ngồi yên. Mà ông bảo muốn ngồi thì phải làm sao? Muốn ngồi yên là ở trong tam giới mà không hiện thân ý đó mới là ngồi yên. Tại sao trong tam giới mà không hiện thân ý. Tức là ngay mình đang sống trong tam giới. Cõi mình là cõi dục giới. Còn sắc và vô sắc nữa. Nhưng hiện sống trong tam giới này mà tâm mình ý mình nó không có duyên theo tam giới. Hay là thân mình không hiện trong tam giới. Ấy mới là ngồi yên. Nói một cách khác cho dễ hiểu hơn, nghĩa là ngay trong tam giới mà không thấy tâm mình động. Thì đó mới thật là ngồi yên.

Như vậy cái ngồi yên này dễ hay khó. Như mấy chú thấy mình ngồi trong Thiên đường thấy yên lặng tốt quá. Nhưng mà lúc đó yên không? Thân thì nghiêm chỉnh, tạm yên đó nhưng cái tâm làm sao? Nếu không phải ngủ gục thì nó hay chạy. Mà chạy là động hay yên. Như vậy Ngài không nói cái chạy lên cõi trời sắc giới, vô sắc giới cũng chưa phải là ngồi yên nữa. Huống nữa là những cái chạy lăng xăng, xóm làng gần gần, cái đó thật là thông thường. Như vậy khi nào thân tâm không động, lúc đó mới gọi là ngồi yên.

Rồi một câu kệ Ngài liền nói rằng:

Không có khởi tức là không có xả là dậy trong diệt tận định mà hiện các oai nghi. Đó mới là ngồi yên.

Bởi thường các vị tu theo Nhị Thừa, khi nhập Diệt tận định, lúc đó thân thường như chết vậy. Chỉ còn có chút hơi ấm mà không còn hơi thở. Chỉ còn ấm mà không có hơi thở. Thường thường nói không thở thì chết, phải không? Như vậy mà ngồi lặng lẽ như chết, thì gọi đó là nhập diệt tận định. Nhưng ở đây ông nói rằng chưa có xả diệt tận định mà hiện các oai nghi. Ấy mới là ngồi yên. Nếu mà đứng dậy đi, đó là xả Diệt tận định rồi. Các oai nghi là đi, đứng, nằm, ngồi phải không? Bây giờ không xả Diệt tận định làm sao đi, đứng, nằm, ngồi, mọi hoạt động bình thường mà tâm giống như người nhập diệt tận định vậy. Vậy mới gọi là ngồi yên. Chớ còn nhập Diệt tận định mới là yên, mà ngồi yên đó, yên mà như chết, không hoạt động. Cái yên đó không phải là yên thật.

Bởi vậy cho nên trong nhà Thiền hay là Lục Tổ, Ngài hay nói rằng, nếu thấy có nhập có xuất thì chưa phải là đại định đó phải không? Còn có nhập, còn có xuất tức là còn có động. Bởi vậy nên ở đây nói rằng tâm mình làm sao mà đi, đứng, nằm, ngồi hoạt động mà vẫn lặng lẽ như người ở trong Diệt tận định. Đó mới là thật ngồi yên.

Không xả đạo pháp mà hiện việc phàm phu, ấy mới là ngồi yên.

Không xả đạo pháp tức là sống đúng với tinh thần đạo pháp, mà làm các việc phàm phu. Đó mới là ngồi yên. Như chuyện gì? Như làm sao? Tôi thí dụ.

Thí dụ: như việc phàm phu là việc gì? Việc cuốc rẫy, phải không? Việc làm ruộng. Đó là việc phàm phu chớ gì? Làm ruộng, cuốc rẫy đó là việc phàm phu. Khi làm việc phàm phu như vậy mà tâm hồn mình không rời đạo pháp, đó mới là ngồi yên. Chớ còn làm việc phàm phu rồi tính theo phàm phu. Tính lúa trúng, lúa thối. Rồi tính cái này, tính cái kia. Cuốc đất mà không cuốc đất. Cuốc đất mà nhớ chuyện ở xứ này, xứ nọ... cái đó là chớ phải ngồi yên. Cho nên trong khi mình làm những việc phàm phu đó mà tâm mình không rời đạo pháp. Như vậy mới thật là ngồi yên.

Tâm không ở trong cũng không ở ngoài, ấy mới là ngồi yên.

Thường chúng ta có hai trạng thái. Một là thấy tâm ở trong. Hai là thấy tâm chạy ra ngoài, phải không? Khi nào nó không chạy, lúc đó ở trong hay ở ngoài? Lúc không chạy mấy chú thấy ở trong hay ở ngoài? Thường thường nó không chạy, tâm tôi ở trong đó, nó đang yên ở trong. Còn nếu nó phóng ra thì nói tâm ra ngoài. Nhưng sự thật tâm chạy ra hoặc là tâm trụ ở trong, cái đó nó không thật, phải không? Nó là bóng dáng. Đã là bóng dáng thì đâu có thật. Không thật thì nói gì trong, nó gì ngoài. Còn nếu tâm thật thì nó trùm hết. Nó không ở trong, không ở ngoài. Còn mình sống với cái tâm chạy đó, khi nó chạy ra, thấy ở ngoài. Khi không chạy ra thấy nó ở trong. Đó là sống với cái tâm bóng dáng, không thật. Chừng nào mình thấy được cái tâm thật, không phải trong, không phải ngoài, đó mới thật là ngồi yên.

Đối với các kiến (kiến tức là kiến chấp. Kiến chấp của ngoại đạo đó). Không động mà tu 37 phẩm trợ đạo, ấy mới là ngồi yên.

Tức là thường thường mình muốn tu theo chánh pháp, mình phải diệt những tà kiến, phải không? Diệt tà kiến thì mới theo chánh pháp. Đây là tà kiến không cần diệt mà vẫn hành được chánh kiến. 37 phẩm trợ đạo đó. Thuộc về chánh kiến. Như vậy mới là ngồi yên. Câu này và câu sau là chỉ cho mình không còn thấy có hai. Không còn thấy đây là tà. Kia là chánh. Như vậy mới thật là ngồi yên. Bởi vậy nên câu kệ:

Không có đoạn phiền não mà vào niết bàn, ấy mới là ngồi yên.

Mình còn thấy phiền não nên đoạn. Niết bàn nên chứng. Như vậy vẫn còn thấy có hai. Phiền não không cần đoạn. Niết bàn không cần vào. Bởi vì phiền não, Niết bàn không hai. Bởi thấy không hai đó mới là ngồi yên. Nếu được như vậy mới gọi là được Phật ấn chứng.

Như vậy đoạn này ý của ông Duy Ma Cật muốn chỉ cho Ngài Xá Lợi Phất cũng như nhiều người khác biết rằng, muốn được yên, thì không phải chỉ cái thân tướng ở chỗ vắng vẻ là yên. Mà chính tâm mình không còn thấy có hai bên, cái đó mới thật là yên. Chớ nếu tâm mình còn thấy hai bên, thì đó chưa phải là ngồi yên.

Đó là đoạn thứ nhất. Đoạn kể

Phật bảo:

-Đại Mục Kiền Liên, ông đi đến thăm bệnh Duy Ma Cật.

Mục Kiền Liên bạch Phật:

-Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì có sao? Con nhớ lại thưở xưa vào trong đại thành Tỳ Da Ly, ở trong đường hẻm, vì các người cư sĩ nói pháp. Khi ấy ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng:

-Vâng! Ông Đại Mục Kiền Liên, vì bạch y cư sĩ nói pháp không phải như nhân giả đã nói. Phạm nói pháp phải ‘nghi?’ pháp mà nói. Pháp không có chúng sanh vì lìa chúng sanh cấu. (Chữ cấu là một lý luận, chữ cấu là quan trọng). Pháp không có chúng sanh. Tại sao? Vì nó đã lìa chúng sanh cấu. Pháp không có ngã vì lìa cái ngã cấu. Pháp không có người vì mé trước mé sau dứt. Pháp thường lặng lẽ vì diệt các tướng. Pháp lìa hư tướng vì không có sở duyên. Pháp không có văn tự vì ngô ngữ đoạn. Pháp không có thuyết vì lìa giác quán. Pháp không có hình tướng vì như hư không. Pháp không có hý luận vì cứu cánh không. Pháp không có ngã sở vì lìa ngã sở. Pháp không phân biệt vì lìa các thức. Pháp không có so sánh vì lìa đối đãi (chữ “tương đối” chớ không phải “tướng đối”). Pháp chẳng thuộc nhân vì không ở duyên. Pháp đồng với pháp tánh vì vào các pháp. Pháp tùy nơi nghi vì không có chỗ tùy. Pháp trụ thật tế vì các bên không động. Pháp không có đến đi vì thường trụ. Pháp thuận với không. Pháp tùy vô tướng. Pháp ứng vô tác.

Câu đó như vậy mới rõ. Pháp thuận với không. Nó tùy vô tướng, nó ứng với vô tác. Ứng hợp với vô tác.

Pháp lìa đẹp xấu. Pháp không có tăng giảm. Pháp không có sanh diệt. Pháp không có chỗ trở về. Pháp vượt ra ngoài mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm. Pháp không có cao thấp. Pháp thường trụ chẳng động. Pháp lìa tất cả quán hạnh.

Vâng! Đại Mục Kiền Liên, pháp tướng nó như thế. Há có thể nói ư! Phạm người nói pháp không nói không bày. Người nghe pháp kia không nghe không được. Ví như là người huyễn mà nói pháp. Phải dựng lập ý như vậy mà vì nói

pháp. Phải rõ chúng sinh, căn cơ chúng sinh có lợi độn. Khéo nơi tri kiến không có sự chương ngại. Dùng tâm đại bi mà tán thán đại thừa. Nhớ đền ơn Phật. Không có dứt tam bảo. Nhiên hậu mới nói pháp.

Ông Duy Ma Cật khi nói lời ấy, 800 cư sĩ phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Con không có cái biện tài này. Thế nên không thể đến thăm bệnh ông được.

Như vậy đây là trường hợp Ngài Mục Kiều Liên. Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiều Liên là hai vị thượng thủ ở trong giáo đoàn của Phật. Mở đầu Ngài Xá Lợi Phất đã lui rồi, bây giờ tới Ngài Mục Kiều Liên. Câu chuyện Ngài Xá Lợi Phất dễ hiểu hơn Ngài Mục Kiều Liên, phải không? Ngài Mục Kiều Liên ở trong đường hẻm nói pháp cho cư sĩ nghe, ông Duy Ma Cật mới bảo rằng:

-Vì bạch y cư sĩ mà nói pháp, không phải như nhơn giả nói. Vì bạch y cư sĩ không phải nói kiểu đó đâu. Phải nói làm sao? Phải như pháp mà nói. Như pháp mà nói là làm sao? Tức là thường thì các vị đệ tử của Phật cũng như chúng ta bây giờ nói pháp là đứng trên tướng của pháp mà phân biệt giảng nói. Thành ra nói là nói cái pháp. Còn ông Duy Ma Cật bảo như pháp mà nói, tức là đi thẳng vào pháp tánh mà nói. Chớ không phải nói theo pháp tướng nữa.

Ví dụ: như mình nói 37 phẩm Trợ Đạo. Rồi mình nói nào Tứ đế, nào Thập Nhị Nhân Duyên... Đó là trên tướng. Còn như pháp tánh mà nói thì thế nào. Pháp tánh là pháp không có chúng sinh. Vì sao? Vì lìa chúng sanh vì không còn cấu nhơ của chúng sanh. Rồi pháp tánh đó không có ngã vì lìa ngã cấu...

Như vậy đứng về mặt pháp tánh thì nó không có tất cả cái này. Vì sao? Vì nó lìa tất cả cái đó. Hiểu một câu thì mấy câu sau hiểu, phải không? Rồi tới đoạn sau như ông nói rằng Phật tùy nơi như: Tức là pháp tánh, Như là Như Như. Pháp tánh là bất sanh bất diệt, bất dao động. Cho nên nó không có chỗ tùy. Nói tùy mà không có chỗ tùy. Pháp trụ thật tế. Pháp tánh chọn nét chân thật cho nên nó không có mé này mé nọ, không động. Cho tới đoạn sau nói rằng, pháp thuận không tùy

vô tướng ứng vô tác. Bởi vì pháp tánh nó không tướng nên gọi là thuận không. Mà đã không tướng nên gọi là tùy vô tướng ứng vô tác.

Bởi vì pháp tánh nó không tướng nên gọi là thuận không. Mà đã không tướng nên không có tạo tác. Cho nên gọi là vô tác. Bởi vì pháp tánh nên đâu nói đẹp, nói xấu. Mình nói đẹp xấu, nói thêm bớt, nói sanh diệt, là đứng trên pháp tướng mà nói. Pháp tánh không có tất cả cái đó. Bởi vậy ta mới nói rằng pháp tánh vượt ra ngoài cả mắt, tai, mũi, lưỡi, tâm. Tâm tức ý đó.

Như vậy ở đây câu kết thúc của ông, người nói pháp không nói không bày. Còn người nghe pháp, không nghe không được. Bởi vì pháp tánh, mà pháp tánh làm sao nói được. Mở miệng nói thì trên cái đối đãi. Mà đối đãi là tướng chớ không phải tánh nữa. Cho nên pháp tánh thì không nói, không bày. Còn vì pháp tánh thì lấy gì nghe. Nếu nghe, ngôn ngữ thì cái nghe đó nằm trong đối đãi. Ngôn ngữ thuộc về đối đãi. Vì vậy mà nói người nghe không nghe không được. Như vậy pháp tánh là tự mình khế hợp. Còn nghe pháp tánh là cũng tự mình nhận ra chớ không phải có nói có nghe. Có nói có nghe là không thật. Cho nên câu ông muốn nhắc cho chúng ta biết rõ, ví như người huyện vì người huyện nói pháp phải kiến lập ý đó, thì nói pháp mới được. Như vậy người huyện là gì, người huyện nói pháp làm sao? Mình nói pháp thì thường thường mình nói đây là cái pháp thiện, đây là cái pháp ác. Thiện thì mình ráng tu. Cái này ác mình ráng bỏ, phải không? Thường chúng ta nói pháp là như vậy.

Nhưng nếu nói vậy là pháp tướng hay pháp tánh? Đó là pháp tướng. Pháp tướng thì nằm trong sanh diệt. Nếu mình nói như vậy mình đừng thấy đây là thiện thật, đây là ác thật. Mình nói đó mình phải thấy rằng, chuyện giảng dạy của mình bây giờ giống như người huyện nói pháp cho người huyện nghe vậy thôi. Người nói cũng là huyện, người nghe cũng là huyện, người nghe cũng là huyện. Thấy như vậy đừng có chấp thật thì mới đúng là tinh thần nói pháp mà mình thấy nói ra là pháp đối đãi, mà đối đãi là không thật, mà mình thấy mình nói thật thì pháp thật

đó là đã không đúng tinh thần nói pháp rồi, phải không? Nên ông nhắc lại câu đó. Phải nhớ rõ ràng như vậy. Đó là một ý nghĩa thứ nhất.

Rồi ý nghĩa thứ hai là ông bảo mình nói pháp thì phải biết căn cơ chúng sanh lợi độn. Khéo đối với cái thấy biết không bị chướng ngại. Dùng đại bi tán thán đại thừa rồi để đèn ơn Phật, không có dứt tam bảo thì mới nên nói pháp. Đó là ý thứ hai.

Thường thường mình chưa được tha tâm thông thì làm sao mình biết căn cơ chúng sanh lợi độn mà nói pháp. Bây giờ mấy chú làm sao biết. Bây giờ có người tới mình, họ muốn hỏi đạo. Khi tới mình kêu ngồi đây rồi giảng ào ào một hồi, rồi thôi đi. Như vậy đó được không? Hay phải làm sao? Đó là cái tôi chỉ cho phải biết. Phần nhiều người ta tới, tức là những người có tánh cách như là khao khát tìm hiểu. Tới có khi nào tôi nói, tôi hỏi: “Đạo hữu muốn hỏi cái gì? Đạo hữu tu làm sao? Ở nhà đọc kinh sách gì?” Mình chưa có tha tâm thông thì đâu biết trình độ họ cao thấp. Chính cái họ trình bày cho mình đó. Nói ở nhà đã tu thế này. Hoặc tu thế kia. Hoặc đọc kinh sách nào, thì mình mới biết người đó trình độ tới đâu. Nhân đó mình nói sẽ dễ gần với họ hơn. Chớ mà tới, có nhiều sư mình vì thấy đạo lý hay quá, thích, gặp ai cũng muốn xỏ cho họ nghe. Cho nên ở đây bảo, trước phải biết căn cơ họ lợi độn. Rồi kể đó mình phải làm sao? Mình khéo đối với cái thấy biết đừng bị chướng ngại và khởi tâm đại bi đề cao pháp đại thừa.

Như vậy là cốt đèn ơn Phật, mới đáng là người nói pháp. Nói pháp là cốt đèn ơn Phật, chớ không phải nói pháp là tỏ mình hay.

Như vậy đoạn này kết luận lại là Ngài Mục Kiền Liên, Ngài nói pháp cho cư sĩ là đứng về mặt pháp tướng, chia chẻ, phân tích cho họ hiểu. Ông Duy Ma Cật, ông nhìn bằng pháp tánh. Cho nên ông chê nói như vậy không hợp, phải nói nói thẳng nơi pháp tánh. Nhưng mà pháp tánh rốt cùng không có người hay nói và cũng không có người nghe. Đó là cái chỗ chân thật.

Bây giờ tới Ngài Đại Ca Diếp.

Phật bảo Ngài Ca Diếp:

-Ông đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Ngài Ca Diếp bạch Phật rằng:

-Thế Tôn, con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì có sao? Con nhớ lại thuở xưa ở trong xóm nghèo mà đi khát thực. Khi ấy ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng: Vâng! Đại Ca Diếp có lòng từ bi, mà không thể khắp hết. Bỏ nhà giàu có để đi đến những nhà nghèo khát thực. Vì không ăn nên hành khát thực. Vì phá hoại cái hòa hợp tướng nên nhận thức ăn từng nắm, từng miếng. Vì không thọ nên nhận thức ăn kia. Vì dùng cái tương không tụ (không tụ tức là hợp lại). Từ cái chỗ không mà vào trong xóm làng. Chỗ thấy có sắc cùng với người mù đồng. Chỗ nghe tiếng cùng với vang đồng. Được ngủi mà không phân biệt các xúc như trí chứng. Biết các pháp như tướng huyễn. Không tự tánh, không tha tánh. Vốn tự xưa không sanh, nay cũng không diệt (Bản tự tất nhiên tức là xưa tự không sanh, nay cũng không diệt). Nay Ca Diếp, nếu nay không xả 8 cái tà, vào 8 giải thoát. Dùng tướng tà mà vào cái pháp chánh. Dùng 1 thức ăn mà thí tất cả. Cúng dường chư Phật và các bậc hiền thánh, nhiên hậu mới có thể ăn. Người ăn như thế không có phiền não, không có lìa phiền não. Không có vào định ý, cũng không có khởi định ý. Không trụ thế gian cũng không trụ Niết Bàn. Cái người thí cho họ không có phước lớn, không có phước nhỏ, không có thêm, không có bớt. Ấy mới gọi là chánh vào Phật đạo. Không y nơi hàng Thanh Văn. Ngài Ca Diếp nếu ăn như thế là không uống của người thí chủ.



PHẦN 7

Con khi ấy, bạch Thế Tôn, nghe thấy lời này rồi thì được chưa từng có. Liền đối với tất cả Bồ tát sâu khởi tâm cung kính. Lại khởi nghĩ thế này, đây là hàng danh tiếng được biện tài trí tuệ mới có thể nói được như thế. Ai nghe mà không phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Con từ đây trở về sau không có dám khuyên người dùng pháp Thanh văn hay pháp Bích Chi Phật để cho họ thực hành. Thế nên con không kham đến thăm bệnh ông Duy Ma Cát.

Như vậy đoạn này đứng về phần khát thực. Ngài Ca Diếp và Ngài Tu Bồ Đề là 2 vị có tâm lệch một bên. Ngài Ca Diếp thì thương người nghèo. Thường thường mình nói mình thương người nghèo thì lẽ ra không dám nhận của họ, phải không? Bởi vì họ đã nghèo rồi mà mình nhận của họ nữa thì họ lại nghèo thêm. Nhưng mà ngược lại Ngài Ca Diếp vì thương người nghèo cho nên đi khát thực trong xóm nghèo để cho họ gieo căn lành, để sau này họ mới giàu được. Chớ bây giờ nếu mình sợ họ nghèo mình không dám khát thực, không dám yêu cầu họ làm phước, thì tâm ích kỷ của họ lại càng thêm. Như vậy đời sau làm sao có phước. Như vậy chẳng lẽ đời người nghèo, đời sau nghèo, nghèo hoài sao.

Cho nên muốn chuyển cái tâm của họ từ cái nghèo trở thành giàu, vì vậy Ngài tìm mấy người cùi, cúng khát thực họ nữa. Đó cũng là tâm từ bi mới làm được như vậy.

Ngược lại Ngài Tu Bồ Đề thì sao? Cứ tìm nhà giàu khát thực. Cũng vì lòng từ bi. Ngài quan niệm đơn giản, họ dư mình xin một chút không thấm vào đâu. Như vậy họ không thiếu. Như vậy cái khát thực của mình nó không làm thiệt thòi cho người cúng.

Như vậy ai cũng từ bi hết mà nó trở thành lệch. Một bên thì nặng muốn gieo duyên với người nghèo. Một bên nghĩ mình xin mà người ta không bị thiệt thòi bao nhiêu, không khổ khó cho họ, cho nên nhắm người giàu.

Như vậy đều vì lòng từ bi mà có thiên lệch. Cho nên ở đây mới dẫn ra câu chuyện, khi ông Duy Ma Cật thấy Ngài đi tới xóm nghèo khát thực rồi, ông nói rằng: Ông có lòng từ bi mà nó không có gốc. Bỏ người giàu mà đến xin người nghèo, lòng từ bi của ông không có bình đẳng. Bây giờ ông mới hướng dẫn đây. Ngài Ca Diếp phải trụ nơi pháp bình đẳng. Nghĩa là phải trụ nơi pháp bình đẳng mới nên đi khát thực. Mình muốn khát thực phải trụ pháp bình đẳng để khát thực. Pháp bình đẳng để khát thực là thế nào? Tức là lên thứ lớp, đi nhà nào?

Thí dụ: Đây là nhà giàu, mình cũng khát thực. Kế đó nhà nghèo mình cũng khát thực. Nhà nào tùy tới đâu người ta cho thì nhận, chớ không có lựa xóm nghèo tới, hoặc lựa xóm giàu tới. Đó mới gọi là bình đẳng. Nhưng mà tới đây, ông qua cái lý, vì không ăn nên đi khát thực. Không ăn khát thực làm chi, phải không? Ăn mới khát thực chớ, không ăn khát thực làm gì? Mà ở đây nói vì không ăn nên đi khát thực. Mà ai không ăn? Nếu thân này thì phải có ăn, phải không? Đây ông muốn đi sâu cái lý. Nghĩa là mình đi khát thực mình sống, tu đó là vì để nhận ra cái pháp thân. Sống với pháp thân. Mà cái đó có ăn không? Nó không có ăn. Nhận được cái đó thì mới đi khát thực. Vì hoại hòa hợp tướng mới nên đi khát thực. Hoại hòa hợp tướng là thân này nè! Ngũ uẩn hòa hợp hay là tứ đại hòa hợp. Vì không có nuôi dưỡng, không có tiếp tục tướng hòa hợp này nữa mới đi khát thực. Như vậy đi khát thực là vì sự giải thoát cái tướng hòa hợp phải không? Mới đi khát thực. Chớ nếu mình vì tiếp tục đời sau làm người hoặc làm trời gì đó, khát thực cái đó là không đúng. Cho nên hoại và hợp vì bất thọ, không thọ nên đi khát thực, nhận thức ăn kia. Không thọ tức là thường chúng ta có 5 giác quan. Năm giác quan đó đối với năm trần, có cảm thọ. Nhưng đây pháp thân có 5 giác quan không? Cho nên nói là không thọ. Như vậy đó, dùng đó mà đi khát thực. Dùng cái tướng không tu, tức là cái tướng thân này giống như chỗ trống, rồi 5 thứ âm hợp lại, chớ nó không có thật. Như vậy xóm làng cũng là cái nhóm hợp lại không thật. Mình tưởng như vậy đó mà đi vào xóm làng khát thực. Bảo mình thấy sắc cùng với người mù đồng. Nghe tiếng cùng với vang đồng. Ngửi mùi cùng với gió đồng. Khi ăn vị không phân biệt. Khi xúc chạm như trí chúng. Mấy cái này quý vị nghe

thấy dễ hiểu không? Thấy sắc như mù là làm sao? Thấy làm sao như mù được. Như mù là không thấy. Đã là thấy mà tại sao như mù? Bởi vì chúng ta thấy mà không có thêm phân biệt đẹp xấu. Cho nên thấy là như mù, chớ không phải là không thấy. Thấy mà không có niệm phân biệt đẹp xấu. Vì vậy mà nói thấy như mù. Nghe như vang. Nghe khen, nghe chê, đều như tiếng vang ở trong núi, ở dưới hồ, dưới ao dội lại mà thôi. Nếu mình được hai cái đó thì tu dễ chưa. Thấy sắc mà như mù, nghe tiếng mà như vang. Nghe người ta chửi và nghe người ta khen, hai cái đều là vang hết trơn thì mình khỏe không? Nhưng mà bây giờ nghe chửi thì mặt đỏ, phải không? Nghe khen thì miệng cười, là tại sao? Là vì mình chưa sống với cái pháp bình đẳng đó, rồi nói rằng ăn vị mà không phân biệt làm sao. Khi đồ ăn để vô lưỡi mình không phân biệt là làm sao? Không phân biệt tức là không biết ngon dở chớ gì, phải không? Nếu không biết ngon dở thì cái lưỡi đó bỏ đi rồi. Hết cảm giác rồi. Như vậy thì sao? Không phân biệt nghĩa là làm sao? Vị để vào lưỡi ngon, thì vẫn biết ngon, dở thì vẫn biết dở. Nhưng đừng có ngon mà thích, dở mà ghét đó, thì được rồi. Gọi là không phân biệt. Chứ đừng nói rằng như vậy cái lưỡi mình tu không biết đời nào, vì để vô lưỡi lúc nào cũng phân biệt hết, phải không? Mà đây bảo rằng, đối vị không phân biệt. Rồi mình cứ ngỡ rằng không phân biệt là để vô lưỡi không biết ngon dở gì hết. Cái đó là quá sai lầm. Nghĩa là con mắt thấy mà như mù. Tức là thấy mà không phân biệt đẹp xấu. Nếu đẹp vẫn biết đẹp, xấu vẫn biết xấu. Nhưng không có cái niệm để đuổi theo cái đẹp, để chán ghét cái xấu, thì đó gọi là mù. Lưỡi nếm vị ngon biết ngon, dở biết dở. Chớ làm sao không biết. Nhưng mà ngon không có cái luyện, dở không có cái ghét, cái chán. Đó không biết vị là vậy.

Thọ các xúc như trí chứng. Câu này khó hiểu đó. Tức là khi mình có cảm thọ về phần xúc chạm như trí chứng. Trí chứng là làm sao? Tức là ngay cái trí chứng như thật. Chớ không có phải như cảm giác của mình. Bởi vì thường thường cái xúc nó có cái cảm giác. Những cảm giác đó có ưa thích, vui buồn. Nhưng bây giờ tất cả cái thọ đó, xúc chạm đó, mình đều biết đúng như trí nhận ra. Chớ không phải như tình cảm hay cảm giác. Bởi vì tất cả cái xúc chạm mình điều thấy nó như

là huyền, như là hóa, không có thật. Không có gì thật hết. Cho nên tâm không nhiệm trước. Đây mới giải thích nè! Các pháp như tướng huyền. Không tự tánh, không tha tánh. Xưa không sanh, nay không diệt. Như trí chứng đó, mình phải thấy như vậy. Đó là đoạn nói rằng mình ăn hay thọ thực phải có những điều kiện đó.

Bây giờ lại nói thêm, nếu mà hay không xả 8 tà vào 8 giải thoát. Dùng tướng tà vào pháp chánh. Đây là tư cách bình đẳng. Không có thấy bên kia tà, bên đây chánh. Bên kia là pháp trói buộc, bên đây là pháp giải thoát. Không còn kẹt bên này, bên kia, dùng một thức ăn mà thí tất cả, đó là chỉ cho cái bình đẳng đó. Nghĩa là một tướng bình đẳng không có khác. Cho nên một tức là tất cả, hay tất cả tức là một. Cúng dường Phật và chư Hiền Thánh, nhiên hậu mình mới ăn. Cái đó dễ hiểu rồi. Người ăn như thế thì không có phiền não cũng không có lìa phiền não. Chẳng nhập định ý cũng chẳng khởi định ý. Khởi tức là xuất đó. Không trụ thế gian cũng không trụ niết bàn. Tức là đi tới cái nhất tướng bình đẳng. Mà đã nhất tướng bình đẳng thì không còn có phiền não hay ly phiền não hai bên nữa. Cũng không có nhập định và xuất định. Không có trụ thế gian và trụ Niết bàn. Bởi vì Niết bàn và thế gian là hai bên. Nhập định, xuất định là hai bên. Phiền não và lìa phiền não là hai bên. Nghĩa là tới chỗ bình đẳng thì không còn kẹt hai bên. Người thí cho ông không có pháp lớn cũng không có pháp nhỏ. không có tăng, cũng không có giảm.

Như vậy vì chỗ bình đẳng đó nếu thấy có lớn có nhỏ thì hết bình đẳng rồi. Thấy có thêm có bớt thì không phải là bình đẳng rồi. Cho nên không lớn không nhỏ. không tăng không giảm. Đó mới là đi vào Phật đạo, không phải kẹt bên Thanh Văn. Bởi vì Thanh Văn còn nhìn trên đối đãi. Còn Phật đạo là đi tới bình đẳng, không còn đối đãi nữa. Nếu mình được như vậy mới là hành Phật đạo.

Như vậy đoạn đó nói cho mình thấy rõ, nếu người nhận thức ăn như vậy mới không uổng công người thí chủ. Đoạn sau chỉ là nói thêm của Ngài Ca Diếp thôi.

Tóm lại, cho dễ hiểu thì đoạn này, ý Ngài Duy Ma Cật muốn nhắc rằng, người khát thực, phải có cái tâm bình đẳng. Khi được cái tâm bình đẳng rồi thì nhìn thấy các pháp không còn hai bên. Mà chính không thấy các pháp có hai bên đó đó, mới đi thẳng vào Phật đạo. Nếu còn thấy có hai bên chưa phải là Phật đạo. Đó là đoạn của Ngài Ca Diếp.

Đến Ngài Tu Bồ Đề, ông này hơi khó hơn chút nữa.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

-Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật:

-Bạch Thế Tôn, con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì có sao? Con nhớ lại thuở xưa con vào nhà ông để mà khát thực (Tùng khát thực tức là để mà khát thực). Khi ấy ông Duy Ma Cật nhận bát của con (chữ “Thủ” là nhận chứ không phải là “Giữ”). Nhận bát của con rồi múc đồ ăn để đầy bát. Rồi bảo con rằng:

-Vâng! Ngài Tu Bồ Đề, nếu đối với thức ăn mà bình đẳng. Các pháp bình đẳng thì đối với thức ăn, cũng bình đẳng. Như thế mà thực hành khát thực đó thì mới thì đó mới nên nhận lấy thức ăn. Nếu ông Tu Bồ Đề không đoạn tham sân si cũng không chung cùng với nó (chữ “Câu” là “chung”. Không chung cùng với nó). Không phá hoại thân mà tùy nhất tướng (nghĩa là thân mình không bị phá hoại mà thuộc về một tướng). Không diệt si ái mà khởi được giải thoát. Do tướng ngũ nghịch mà được giải thoát. Cũng không có giải, cũng không có phục. Không thấy Tứ đế và không phải không thấy Tứ đế. Không được quả cũng không phải không được quả. Không phạm phu, không lìa pháp phạm phu. Không thánh nhân, không chẳng thánh nhân. Tuy thành tựu tất cả pháp mà không lìa các tướng mới có thể nhận thức ăn. Nếu ông Tu Bồ Đề không thấy Phật, không nghe pháp những ngoại đạo kia. Lục sư ngoại đạo kia là thầy của ông. Nhưng những lục đạo đó, lục sư ngoại đạo đó, mà ông xuất gia, những ông thầy đó đọa thì ông cũng phải đọa. Như vậy mới nên nhận thức ăn.

Nếu ông Tu Bồ Đề vào trong các tà kiến không đến bờ giải thoát hay là bờ Niết Bàn. Trụ trong 8 nạn, mà không được không nạn. Đồng với phiền não là pháp thanh tịnh. Ông được vô tránh tam muội thì tất cả chúng sanh cũng được cái định ấy. Người thí cho ông gọi là phước điền. Người cúng dường cho ông không rơi vào ba đường ác. Ông cùng với chúng ma cùng nắm tay nhau làm bạn lữ. Ông cùng với chúng ma và các trần lao đồng không có khác. Đối với tất cả chúng sanh mà có tâm quán, chê bai Phật, hủy báng pháp, không vào chúng Tăng (“Chúng Số” tức là chúng Tăng) trọn không được diệt độ. Ông nếu như thế thì mới nên nhận thức ăn.

Khi ấy, Bạch Thế Tôn! Nghe nói lời này rồi, con mờ mịt (“Man nhiên” là mờ mịt) không biết phải nói thế nào, không biết dùng cái gì mà đáp (Tức là không biết nói thế nào, không biết dùng lời gì mà đáp). Con liền để cái bát đó muốn chạy ra khỏi nhà ông (Sợ quá! Nghe nói hoảng hốt quá!). Ông Duy Ma Cật mới nói rằng:

-Vâng! Ngài Tu Bồ Đề, nhận bát chớ có sợ. Y Ừ ông nghĩ sao? Như Lai mà có hóa ra người, người ấy đem cái việc này nói cái việc này, hay là đem việc này hỏi ông thì ông có sợ chăng?

Con thưa:

-Không vậy.

Ông Duy Ma Cật mới nói:

-Tất cả các pháp như tướng huyễn hóa. Nay ông không nên có chỗ sợ. Vì có sao? Tất cả lời nói không là tướng ấy. Đến người trí thì không chấp vụn vặt, cho nên không có sợ, vì có sao? Vì vắn vặt cái tánh nó là. Không có vắn vặt ấy là giải thoát. Tướng giải thoát ắt là các pháp vậy.

Ông Duy Ma Cật khi nói pháp này thì 200 Thiên tử được pháp nhãn trong sạch, cho nên con không thể đến thăm bệnh ông.

Như vậy đoạn này là đoạn khó nhất đó, phải không? Nói những chuyện lạ lùng trái đạo lý. Nghe nói ông hốt hoảng. Đây có những tinh thần, từng phần. Phần

đâu là ông muốn nói, ông muốn nói gì? Nghĩa là không đoạn tham, sân, si cũng không chung đồng với tham, sân, si. Không hoại cái thân mà tùy theo nhất tướng. Không diệt si ái mà khởi giải thoát. Dùng cái tướng ngũ nghịch mà được giải thoát. Cũng không thấy giải và phược. Cũng không thấy Tứ đế và không không thấy tứ đế...

Đoạn này để nói chỗ chân thật, bình đẳng thì không có hai bên. Ngay ở trong tham, sân, si nó có giải thoát. Ngay trong giải thoát là từ tham, sân, si. Chớ hai pháp không có rời, không có riêng. Cho nên không có giải thoát mà cũng không có triền phược. Không có chẳng thấy Tứ đế cũng không chẳng chẳng thấy Tứ đế. Như vậy tất cả hai bên đều không có. Nếu còn nhận có hai bên là chưa thấy pháp bình đẳng. Mà thấy pháp bình đẳng thì không còn hai bên. Nếu ông không thấy được hai bên thì đó mới nên nhận thức ăn.

Đó là một đoạn. Như vậy đoạn này để nói lên pháp không có hai bên. Đối đãi không phải là pháp thực. Bây giờ chúng ta thường nói tu là sao? Là dẹp tham sân si, phải không? Mà diệt được tham sân si thì mới giải thoát. Như vậy tham sân si diệt thì mới có giải thoát.

Bây giờ tôi nói thí dụ. Như có người bị trói, bị lấy 3 sợi dây trói tay họ cứng ngắt vô trong cây. Như vậy họ bị ba sợi dây trói, cho nên họ mới tính làm sao? Họ muốn thoát 3 sợi dây trói đó họ phải làm sao? Phải mở, phải không? Bởi vì bị trói cho nên mới có mở. Như vậy mở là từ trói mới có mở. Còn nếu không có trói thì có mở không? Như tất cả chúng ta, về lẽ thật thì đâu có ai bị trói. Không bị trói thì đâu có mở. Còn nếu thấy mở là do bị trói. Như vậy cái trói và cái mở là có thật lâu dài hay là tạm thời. Như vậy lập giải thoát là khi nào thấy triền phược, phải không? Như vậy giải thoát có, là khi nào có triền phược. Nếu triền phược không có thì giải thoát có không. Phật tánh có triền phược và giải thoát không? Trên giả tướng thì có phược có thoát. Chớ còn trên tánh thì không có phược có thoát. Cho nên khi chúng ta hiểu thì thấy rằng pháp tánh không đối đãi. Mà mọi

đôi đũa đều không phải là pháp tánh. Nếu nhận được pháp tánh, như vậy mới xứng đáng đi khất thực. Đó là đoạn thứ nhất.

Tới đoạn thứ hai này nói gì nghe khó hiểu quá! Nếu ông Tu Bồ Đề không thấy Phật, không nghe pháp. Đối với ngoại đạo Lục sư kia là thầy của ông. Ông hơn những người kia mà xuất gia. Những người kia đọa, ông cũng theo đó mà đọa. Như vậy mới nên khất thực. Khuyên làm sao? Mình là người xuất gia mà không theo tam bảo lại theo Lục sư ngoại đạo. Đó, Lục sư ngoại đạo này có một Thiên sư giảng, Lục sư ngoại đạo đây kể tên chớ mà đó ngầm ý chỉ cho sáu căn. Sáu căn luôn luôn chạy theo sáu trần, cho nên gọi là ngoại đạo. Bây giờ mình tu là gì? Cũng là căn cứ trên sáu căn đó mà chuyển hướng nó. Cho nên nó quen thói là chạy ra ngoại trần. Bây giờ mình đổi, không cho nó dính với ngoại trần nữa. Gọi là xuất gia. Gỡ cái dính. Gỡ sáu căn dính với sáu trần. Gỡ đó gọi là xuất gia, rồi giải thoát. Khi mình gỡ được, không còn cho dính nữa, như vậy nó rớt hết. Thì cái chấp của mình về nó cũng rớt hết. Cho nên “Bĩ sư sở đọa như nhược tùy đọa”. Như vậy mới nên nhận thức ăn. Nhận thức ăn là sau khi mình chuyển hướng được sáu căn không còn dính mắc với sáu trần. Bao nhiêu cái nó tan vỡ hết không còn chút dính mắc nào. Như vậy mới nên nhận thức ăn.

Đến đoạn sau nữa mới nghe hơi lạ lùng nữa. Nếu ông Tu Bồ Đề vào các tà kiến không đến bờ kia. Trụ nơi tám nạn không được không nạn. Đồng với phiền não, lìa pháp thanh tịnh. Ông được về vô tránh tam muội thì tất cả chúng tăng cũng được như vậy. Người thí cho ông không gọi là phước điền. Người cúng dường cho ông sẽ đọa ba đường ác. Ông cùng với chúng ma nắm tay nhau làm bạn. Ông cùng với chúng ma và các trần lao không có khác. Đối với tất cả chúng sanh có tâm quán, có tâm quán chê bai Phật, hủy báng pháp, không vào chúng Tăng, trọn không được diệt độ. Ông được như vậy mới nên nhận thức ăn. Đoạn này nói gì nghe thật là lạ lùng. Đoạn này giống hệt Thiên sư. Đố biết Thiên sư nào? Học rồi đó, nói cái tôi biết mấy chú hiểu hay không hiểu. Không phải giống Động Sơn không phải giống Lâm Tế nữa. Ai? Mấy chú nhớ Ngài Huệ Nam khi ở chỗ Ngài Từ Minh được nghe làm sao? Nghe chửi bới. Chửi bới đã rồi ông hết nhẫn nổi nữa,

rồi ông nói: “Chửi bới là từ bi sao?” Ngài Từ Minh nói làm sao? Ngài Từ Minh nói làm sao cho ông ngộ. Ông nói: “Chửi bới đó là chửi bới ta, như vậy là chửi bới sao?” Ngang đó ông ngộ.

Đây cũng giống hệt như vậy, dùng một ngôn ngữ ngược lại. Bởi vì ngôn ngữ là không thật. Ngôn ngữ là tánh ly. Bây giờ dùng ngôn ngữ ngược lại. Ngài Tu Bồ Đề nghe ngôn ngữ ngược lại, ông hoảng quá! Nói sao mà ngược ngạo? Người tu mà người cúng dường cho mình đọa ba đường ác. Rồi mình với ma giống hệt nhau không khác. Tâm mình quán chúng sanh chê Phật, hủy báng pháp...

Như vậy đó mới nên nhận thức ăn. Nghe tới đó mà ai không hoảng, phải không? Nhưng mà đây chỉ cho ngôn ngữ tánh nó ly, không thật. Ngôn ngữ không thật mình nghe vậy mình hoảng hốt. Đó là mình chưa có thấy cái tính ngôn ngữ không thật. Mà ngôn ngữ không thật chấp là thật tức là mình còn mê muội. Vậy cho nên khi ông Tu Bồ Đề nghe tới đây rồi, ông than thở ông muốn ôm bát ông chạy. Bây giờ ông mới nói nè! Tất cả các pháp như huyền hóa, nay ông chẳng nên sợ. Vì sao không sợ? Vì tất cả ngôn ngữ không có tánh, có văn, ấy là giải thoát. Như vậy ông mới giải thích nè! Khi mà ông dùng những chữ bạo đó làm cho Ngài Tu Bồ Đề hoảng hốt lên thì ông giải thích những ngôn ngữ tôi nói với Ngài đó nó không thật. Không thật mà Ngài thấy thật là Ngài còn mê, còn chấp. Còn mê chấp thì không đáng thọ thực. Như vậy mới thấy ý của ông Tu Bồ Đề.

Mình thấy đoạn này chia ra từng phần. Phần trước là chỉ cho khát thực phải tâm bình đẳng, thấy pháp bình đẳng. Như vậy đó mới nên nhận thức ăn. Phần kế là phải chuyển được sáu căn đến chỗ giải thoát thì mới gọi là đáng nhận thức ăn. Phần sau thấy ngôn ngữ là không thật, văn tục là không thật. Như vậy mới đáng nhận thức ăn.

Ngài Phú Lô Na Duy Đa La Ni Tử, Ngài dịch chữ Hán gọi là Mãn Từ Tử, là một vị giảng sư nổi tiếng. Nghĩa là Phật nói những pháp đơn sơ hoặc là ngắn gọn, chư Tỳ Kheo không hiểu thì hỏi Ngài. Ngài giảng rộng ra cho ai nấy đều hiểu. Bởi vậy Ngài được nổi tiếng là một người nói pháp rất giỏi, rất dài.

Phật bảo Phú Lô Na Duy Đa La Ni Tử:

-Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cát.

Ngài Phú Lô Na bạch Phật rằng:

-Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì có sao? Con nhớ thuở xưa ở trong Đại Lâm (Đại Lâm là tên rừng) ở dưới cội cây, vì các vị tân học Tỳ Kheo con nói pháp. Khi ấy ông Duy Ma Cát đến bảo con rằng: “Vâng! Ngài Phú Lô Na. Trước phải nhập định, quán tâm của những người này, về sau mới nói pháp. Không nên đem đồ nhơ mà để trong bát báu. Phải biết sở niệm hay là chỗ nghĩ của tâm của các Ngài Tỳ Kheo này. Không nên cho cái lưu ly, đồng với thủy tinh. Ông không thể biết căn nguyên của chúng sanh thì không được phát khởi dùng pháp tiểu thừa. (phát khởi là chỉ dạy, dùng pháp tiểu thừa). Những người kia không có thương tích thì ông chớ có làm thành thương tích. Muốn đi con đường lớn thì chớ chỉ lối nhỏ. không có đem biển cả mà để vào dấu chân trâu. Không có đem ánh sáng mặt trời cho là bằng với ánh sáng con đom đóm. Này Phú Lô Na! Những vị Tỳ Kheo này xưa kia phát tâm đại thừa. Ở khoảng giữa đó quên ý này. Tại sao dùng pháp tiểu thừa mà hướng dẫn họ? Tôi xem những trí tuệ của tiểu thừa rất là cạn nhỏ. giống như là những người mù không thể phân biệt tất cả căn cơ lợi độn của chúng sanh.

Khi ấy ông Duy Ma Cát liền nhập định khiến cho những vị Tỳ kheo này tự nhớ lại túc mạng (tức là mạng đời trước của họ), từng ở chỗ 500 đức Phật gieo trồng cội gốc công đức. Hồi hướng về vô thượng chánh đẳng Bồ đề. Liên khi đó hoát nhiên nhớ lại cái tâm trước. Khi ấy các vị Tỳ Kheo này cúi đầu lễ dưới chân ông Duy Ma Cát. Khi ông Duy Ma Cát nhân vì nói pháp thì những vị đó đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác không thoái chuyển. Con nghĩ hàng Thanh Văn không quán được căn cơ chúng sanh thì không nên nói pháp. Thế nên con không đến thăm bệnh ông ấy.

Như vậy ở đoạn này là chỉ nói pháp thì phải hợp cơ, phải không? Thuyết pháp thì phải hợp cơ. Mà muốn thuyết pháp hợp cơ thì phải biết trình độ, căn cơ

của người ta mà nói. Chớ đừng nói với tánh cách thấy đâu nói đó, biết đâu nói đó. Như vậy không có lợi ích cho người. Người trình độ cao mà mình nói pháp thấp thì chỉ có hại chớ không có lợi. Ngược lại người trình độ thấp mà nói pháp cao chỉ vô ích đối với họ thôi. Cho nên nói pháp phải hợp cơ. Ngài Mãn Từ Tử hay Phú Lô Na này, Ngài thuyết pháp chỉ nghe Phật nói rồi Ngài ôn lại cho những vị Tỳ Kheo, chớ Ngài không có thấy, không biết được căn cơ những vị đó.

Như vậy với ông Duy Ma Cật, ông nhập định khiến người ta nhớ được bốn tâm. Còn mình bây giờ nhập định không được rồi sao đây. Bây giờ, phải làm sao? Bởi vậy phải dò dẫm. Khi muốn nói pháp thì phải dò dẫm để biết trình độ, căn cơ của họ. Bởi vì thuở xa xưa mình không biết được. Nhưng sở thích hiện tại mình dò dẫm một hồi có thể biết để nói pháp cho họ. Kế đến.

Phật bảo Ngài Ma Ha Ca Chiên Diên:

-Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Ngài Ca Chiên Diên bạch Phật rằng:

-Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cơ sao? Con nhớ thuở xưa Phật vì các thầy Tỳ Kheo lược nói pháp yếu. Con liền sau đó mới diễn bày nghĩa kia (Nghĩa là, nghĩa gì, nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã, nghĩa tịch diệt (tức là Niết bàn)). Khi ấy ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng:

-Vâng! Ngài Ca Chiên Diên, không nên dùng cái tâm hạnh sanh diệt mà nói pháp thật tướng. Nay Ca Chiên Diên, các pháp cứu cánh không sanh không diệt ấy là nghĩa vô thường. Ngũ thọ ấm rỗng suốt, không có chỗ khởi, ấy là nghĩa khổ. Các pháp cứu cánh không có (vô sở hữu tức là không có), ấy là nghĩa vô ngã. Pháp xưa không sanh nay ắt không diệt, ấy là nghĩa tịch diệt.

Khi nói pháp này những vị Tỳ Kheo tâm liền được giải thoát. Cho nên con không có thể đến thăm bệnh ông ấy.

Như vậy, Ngài Ca Chiên Diên cũng là một người rất nổi tiếng về giảng pháp. Nhưng bây giờ Ngài ôn lại những lời Phật dạy cho những vị Tỳ Kheo nghe. Khi đó bị ông Duy Ma Cật quở. Ôn lại cái gì. Ôn lại cái nghĩa vô thường, nghĩa

khô, nghĩa không, nghĩa vô ngã, nghĩa tịch diệt. Bốn cái đó: Vô thường, khô, không, vô ngã và Niết bàn hay là tịch diệt là tứ pháp ẩm đó. Bốn điều rất là quan trọng ở trong Phật pháp. Bốn điều này theo ông Duy Ma Cật nói thấy làm sao? Không có dùng tâm hạnh sanh diệt mà nói thật tướng các pháp. Ông chuyển về nói: Vô thường, khô, vô ngã và Niết bàn là đứng về pháp tướng hư dối mà nói. Chớ không phải thật tướng. Tức là tướng đối đãi hư dối mà nói. Bây giờ muốn nói pháp thật tướng thì phải làm sao? Đây ông giải thích: các pháp cứu cánh không sanh, không diệt. Ấy là nghĩa vô thường. Đã không sanh, không diệt, sao gọi là vô thường. Mình nói vô thường là làm sao? Bởi vì nó có sinh diệt, phải không? Sinh diệt cho nên nói vô thường. Mà đã không sinh, không diệt, tại sao nói vô thường. Đúng về pháp tánh không sanh, không diệt nhưng mà duyên hợp thành tướng. Mà duyên hợp thành tướng thì mới có sanh có diệt. Nên sanh diệt đó là tướng của các pháp. Gọi nó là vô thường. Mà pháp tánh là không sanh, không diệt. Cũng như cái bàn này, cái tánh bàn là không, phải không? Nhưng mà duyên hợp thì có. Như vậy từ cái tánh không đó, cái tánh không có sanh, có diệt không? Nhưng mà khi duyên hợp rồi có. Bởi duyên hợp có cho nên mới có sinh diệt là vô thường. Như vậy nói vô thường là chỉ cho giả tướng duyên hợp. Còn pháp tánh thì không sanh, không diệt.



PHẦN 8

Như vậy cái không sanh diệt đó, đâu rồi cái tướng sanh diệt, phải không? Cho nên nói các pháp cứu cánh không sanh, không diệt là nghĩa vô thường. Ngũ thọ ấm rỗng suốt không. Không có khởi, ấy là cái nghĩa khô. Mình bây giờ nói khô là vì năm ấm này. Năm ấm này là sinh, già, bệnh, chết là khô. Bây giờ nói năm ấm này là rỗng suốt, là không. Không tại sao nói nghĩa khô. Bởi vì tự tánh của năm ấm là không, phải không? Tự tánh của năm ấm là không. Không tức là rỗng suốt. Nhưng mà duyên hợp thì nó có năm ấm. Bởi có năm ấm nên bị sanh, già, bệnh, chết là khô. Như vậy nói năm ấm là rỗng suốt, là không đó, là chỉ cho tánh của năm ấm. Từ cái tánh đó duyên hợp thành tướng, cho nên nói năm ấm rỗng không đó không có chỗ khởi, ấy là nghĩa khô.

Các pháp cứu cánh không có. Không có ấy là nghĩa không. Các pháp cứu cánh không là vì sao? Bởi vì các pháp không có một pháp nào tự có, mà đợi duyên hợp mới có. Không pháp nào tự có thì cứu cánh là không chớ gì. Như vậy mới gọi là nghĩa không.

Còn nơi ngã và vô ngã không hai, ấy nghĩa vô ngã. Đó, nếu mình thấy cái ngã này là thật. Rồi vô ngã cũng là thật. Tức là thấy hai phải không? Vì vậy cho nên thấy ngã và vô ngã, hai cái đều là giả dối. Bởi cái vô ngã có rời cái ngã không? Như bây giờ mấy chú đang thấy mình thật, đó là gì? Đó là hữu ngã. Rồi một ngày nào tu thấy thân này nó không thật, không có chủ, thì lúc đó là gì? Như vậy hữu ngã, vô ngã cũng căn cứ trên thân này mà thôi. Như vậy cùng một thân này mà mình không mắc kẹt bên hữu ngã, bên vô ngã tức là một niệm bình đẳng. Niệm bình đẳng ấy là nghĩa vô ngã.

Rồi nói rằng pháp xưa không sanh, nay không diệt, đó là nghĩa tịch diệt. Tịch diệt tức là Niết bàn. Bây giờ mình thấy được pháp tánh xưa nay không sanh, không diệt. Thấy được như vậy đó là nghĩa tịch diệt. Còn nếu thấy tướng của pháp là sanh là diệt, là đẹp, là xấu là có, là không, đó là chưa đi tới chỗ tịch diệt được.

Như vậy muốn đạt được tới chỗ tịch diệt, đạt đến chỗ Niết bàn thì thấy các pháp nguyên thể là không sanh là không diệt.

Như vậy ở đây Ngài Ca Chiên Diên căn cứ trên pháp tướng mà nói nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã và Niết bàn. Còn ngược lại với ông Duy Ma Cật đứng trên pháp tánh để nói, cho nên vô thường, khổ, không, vô ngã và tịch diệt đó, nó ngược lại với cái thấy, cái hiểu theo nghĩa tương đối mà mình đang học. Tới phiên Ngài A Na Luật.

Phật bảo Ngài A Na Luật:

-Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

A Na Luật bạch Phật rằng:

-Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì có sao? Con nhớ lại ngày xưa, ở một chỗ đi kinh hành. Khi đó có Phạm Vương tên là Nghiêm Tịnh cùng với các vị Phạm Vương đồng đến (hay là chung đến chữ “Câu” là chung). Phóng hào quang sáng suốt đến chỗ của con cúi đầu làm lễ, hỏi con rằng:

-A Na Luật, thiên nhãn của Ngài thấy được bao nhiêu? (hay là thấy được đến đâu)

Con liền đáp với họ rằng:

-Này Nhơn giả! Tôi thấy được thế giới tam thiên, đại thiên. Cõi của đức Phật Thích Ca Mâu Ni này như là xem trái A Ma Lặc ở trong lòng bàn tay.

Khi đó ông Duy Ma Cật đến hỏi con rằng:

-Vâng! Ngài A Na Luật, thiên nhãn của Ngài thấy, đó là làm ra tướng thấy, hay không làm ra tướng mà thấy? Giả sử làm ra tướng thì cùng với ngoại đạo ngũ thông không khác. Nếu không làm ra tướng ấy là vô vi. Vô vi thì không nên có thấy.

Bạch Thế Tôn khi ấy con lặng thinh. Những vị Phạm Vương kia nghe lời nói ngà rồi thì được chưa từng có. Liền làm lễ mà hỏi rằng:

-Ở trên đời này ai có được chân thiên nhãn?

Ông Duy Ma Cật đáp:

-Có Phật Thế Tôn có được chân thiên nhãn. Thường ở trong chánh định, phải thấy cõi các chư Phật không do hai tướng.

Khi ấy đức Phạm Vương Nghiêm Tịnh và quyến thuộc, 500 vị Phạm Thiên đều được pháp tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lễ dưới chân ông Duy Ma Cật. Bỗng nhiên không hiện, cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Đoạn này chúng ta thấy cũng hơi hơi đơn giản. Ở ông Duy Ma Cật thì ông nhìn khác với Ngài A Na Luật. Ngài A Na Luật được thiên nhãn, thấy thế giới tam thiên, đại thiên của Phật Thích Ca giống như nhìn trái ổi hay trái xoài ở trong lòng bàn tay. Bây giờ chúng ta cầm một trái ổi, trái xoài để trong lòng bàn tay, nhìn thấy rõ không? Không có nghi tí nào hết. Thế giới đức Phật Thích Ca giáo hóa, không phải chỉ cái thế giới Ta Bà này thôi mà nói cả thế giới tam thiên đại thiên. Có thể theo mình hiểu bây giờ là cả một thái dương hệ vậy. Chớ không phải chỉ trong thế giới riêng của mình. Thấy thế giới nhiều đó bằng thấy thấy đó một trái cây trong lòng bàn tay. Mình thấy cái thấy đó quá mức phải không? Quá sức tưởng tượng của mọi người. Nhưng bị ông Duy Ma Cật hỏi một cái rồi bí. Ông hỏi như vậy, Ngài thấy đó là do có tướng mà thấy hay không tướng mà thấy. Nếu có tướng thì giống như hàng ngũ thông của ngoại đạo. Ngoại đạo được ngũ thông. Trong đó có Thiên Nhãn Thông thì cũng thấy được rộng như là ông A Na Luật. Còn nếu không tạo ra tướng mà thấy đó, đã không tướng thì đó là vô vi. Vô vi làm sao có thấy. Như vậy có tướng thấy thì ông đồng với ngoại đạo. Còn nếu không tạo ra tướng mà thấy đó, đã không tướng thì đó là vô vi. Vô vi làm sao có thấy. Như vậy có tướng thấy thì ông đồng với ngoại đạo. Còn nếu không tướng mà thấy thì không tướng thì không thấy, thì như vậy là sai. Ngang đó ông bí, ông đáp không được.

Như vậy Thiên Nhãn đó đối với ông Duy Ma Cật là Thiên nhãn còn nằm ở trên đôi đũa. Chưa phải là Thiên nhãn chân thật. Con nên sau này chư Thiên mới hỏi ông: “Thế nào là chân Thiên nhãn? Ở trên đời này ai có chân Thiên nhãn?”

Ông đáp: “Chỉ có Phật mới có chân Thiên nhãn đó thôi”. Chân thiên nhãn của Phật thế nào? Ở ngay trong chánh định mà thấy cái cõi nước của chư Phật, mà không bị hai tướng có và không. Như vậy đức Phật đi tới chỗ hằng được chánh định, không còn kẹt ở hai bên. Cho nên Ngài thấy tất cả cõi nước chư Phật.

Lời nói này mấy chú thầy có quá hay không? Bởi vì như Ngài A Na Luật chỉ thấy thế giới trong phạm vi giáo hóa của đức Phật Thích Ca. Chớ chưa thấy vị A La Hán nào nói: Tôi thấy cõi Phật này, cõi Phật kia, phải không? Còn đức Phật, Ngài thấy đó chính là cái thấy của Ngài. Thí dụ như bây giờ tụng kinh Di Đà thì thấy đức Phật thấy được cõi Phật Di Đà không? Rồi thấy cõi Phật Đông phương không? Rồi thấy cõi Phật Dược Sư. Thấy bao nhiêu cõi Phật. Như vậy cái thấy của đức Phật vượt hẳn cái thấy của A Na Luật xa. Quá xa phải không? Bởi vậy Ngài nói ở đâu đó có cõi Phật đó, đức Phật tên gì đang nói Pháp... còn các vị A La Hán đâu thấy cái đó. Như vậy chúng ta mới thấy rằng trên phương diện tu hành phương diện tu hành còn ở trong đối đãi mà tâm được thanh tịnh thì cái thấy cũng rộng lắm rồi. Nhưng khi vượt khỏi đối đãi mà tâm hoàn toàn thanh tịnh. Ở trong chánh định tức là hoàn toàn thanh tịnh. Không có bao giờ động, thì chẳng những nhìn ở một cõi Phật mà thấy vô số cõi Phật nữa. Như vậy mới thấy giá trị của sự tu.

Như bây giờ chúng ta tu, mấy chú có lúc nào tâm an một chút thì lúc đó trí mình sáng một chút. Còn khi tâm mình bất an thì trí mình rối loạn. Cho nên tu thiền là cốt cho tâm yên định. Mà tâm yên định thì trí sáng. Trí sáng đó không phải sáng bằng trí thôi mà sáng cả ra sáu căn. Bởi ra sáu căn nên mới gọi là lục thông đó. Chính nhờ yên tịnh mà phát ra, chớ không phải nhờ cái thuật luyện tập mà có. Những người nào luyện tập mới có thần thông thì thần thông do luyện tập được. Mà luyện tập được thì nó còn hoài hay mất. Đã luyện tập được thì lúc nào không luyện tập nó không công hiệu. Còn ở đây do tâm mình an định mà trí tự sáng. Cho nên an định được tâm mình thì đó là thần thông chân thật. Chớ không phải thần thông do công phu luyện tập mà được. Cho nên đức Phật, tâm Ngài hoàn toàn an định thì gọi là thường ở trong chánh định mà thấy cõi chư Phật. Đó là chỗ tu hành, không phải mình nói huyền bí mà đây là nói một lẽ thật. Bởi vì có vị A La Hán

nào mà nói thấy thế giới nhiều đâu, phải không? Nói chỉ thấy trong phạm vi thế giới này. Còn đức Phật, Ngài thấy thế giới chừng bao nhiêu? Ngài thấy trong bầu hư không này thế giới nhiều như cát sông Hằng. Con sông Hằng chảy từ núi tuyết ra tới biển đông. Tính ra trên 1000 cây số. Chừng bao nhiêu cát? Bây giờ mình nói sông Đồng Nai thôi, chừng hơn 100 cây số đó, mấy chú thấy chừng bao nhiêu cát? Không thể nào mình đếm được số cát số cát sông đồng nai Đồng Nai. Huống nữa là sông Hằng, nó dài lê thê như vậy. Phật ví dụ Ngài thấy thế giới trong bầu hư không này nhiều như số cát sông Hằng. Lời nói như vậy đó, không phải tự Phật ước thuyết mà nói. Chính là do trí tuệ sáng suốt của Ngài thấy được. Những điều đó có bằng chứng trong kinh nói rõ ràng chứ không phải là ước thuyết hay tưởng tượng. Những điều đó chúng ta mới thấy công phu tu đem lại lợi ích. Và lợi ích đó vượt ra ngoài thường tình cái hiểu biết củ con người. Cho nên những điều Phật nói mà chúng ta bây giờ khó hiểu là tại vì cái thấy của Ngài vượt quá tầm vóc của chúng ta có thể biết. Vậy mà Ngài còn nói làm sao? Ngài nói vô trong rừng Ngài thấy lá cây trong rừng, Ngài mới lấy một nắm lá, Ngài nắm trong tay, Ngài hỏi:

-Nắm lá ta nắm trong tay đây là nhiều, hay là lá cây trong rừng nhiều đó?

Chư Tỳ Kheo trả lời rằng:

-Lá cây mà Phật nắm trong tay quá ít. Còn lá cây trong rừng thì vô số kể.

Phật nói:

-Cũng vậy, cái biết của ta mà đem dạy các người đó, cái số đem ra dạy giống như là lá cây trong tay ta nắm vậy. Còn cái ta biết không dạy, không nói được đó nhiều như lá cây trong rừng.

Mấy chú nghĩ cái thấy, cái biết của Phật đối với mình cỡ nào. Nó quá tầm vóc tưởng tượng của mình. Đó để thấy rằng những cái mà Phật thấy chưa cần thiết, Ngài cũng không, Ngài cũng không nói cho mình biết. Mà chính Ngài đã thấy, Ngài đã biết. Cho nên cái tu đến chỗ tâm thanh tịnh bình đẳng thì hiệu quả nó không thể nào lường được. Không thể nào dùng trí phàm tục mình mà có thể biết đến được. Kể đây là ông Ưu Bà Ly.

Phật bảo Ngài Ưu Ba Ly:

-Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Ngài Ưu Ba Ly bạch Phật rằng:

-Thê Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì có sao? Con nhớ lại thưở xưa có hai vị Tỳ Kheo phạm về luật hạnh (tức là phạm giới) cho là hổ thẹn (hay cho là xấu hổ) không dám đến hỏi Phật. Đến hỏi con rằng:

-Vâng! Ngài Ưu Ba Ly. Chúng tôi phạm giới luật, thật là xấu hổ. Không dám đến hỏi Phật. Cúi mong Ngài Ưu Ba Ly giải quyết cái nghi ngờ cho chúng tôi để được thoát khỏi những lỗi này.

Con liền đúng như pháp mà giải nói cho những vị này. Khi ấy ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng:

-Vâng! Ngài Ưu Ba Ly. Không nên thêm tội cho hai vị Tỳ Kheo này. Phải thẳng trừ diệt. Chớ có làm nhiều loạn cái tâm của hai vị ấy. Vì có sao? Vì tánh tội nó không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Như lời Phật nói vì tâm cấu cho nên chúng sanh cấu. Vì tâm tịnh cho nên chúng sanh tịnh. Tâm không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Như cái tâm này, cái tội cấu cũng vậy, các pháp cũng vậy, không ra ngoài cái như. Như Ngài Ưu Ba Ly khi do cái tâm tướng mà được giải thoát thì thật có cấu chặng?

Con trả lời rằng:

-Không vậy.

Ông Duy Ma Cật mới nói:

-Tất cả chúng sanh tâm tướng không có cấu. Cũng lại như vậy. Vâng! Ông Ưu Ba Ly, vọng tưởng là cấu, không vọng tưởng là tịnh. Điên đảo là cấu, không điên đảo là tịnh. Chấp ngã là cấu, không chấp ngã là tịnh. Nay Ngài Ưu Ba Ly, tất cả pháp sanh diệt không trụ, không dừng, như huyễn, như điện. Các pháp không có đối đãi cho đến một niệm cũng không dừng. Các pháp đều là vọng kiến như mộng, như dương điện, như mặt trăng trong nước, như bóng trong gương, do vọng

tướng sanh. Người mà biết được như thế đó, đó mới gọi là giữ giới luật. Người biết được như thế đó, ấy mới gọi là khéo hiểu.

Khi ấy hai thầy Tỳ Kheo nói:

-Thật là thượng trí thay. Ngài Ưu Bà Ly không có thể nào bì kịp Ngài là người giữ giới bậc trên đó, Ngài là người giữ giới hơn hết mà cũng không thể nói được.

Con liền đáp rằng:

-Nếu mà từ bỏ đức Như Lai hay là ngoài đức Như Lai ra, chưa có hàng Thanh Văn, Bồ Tát nào hay chế phục được nhược thuyết biện tài của ông Duy Ma Cát. Trí tuệ minh đạt của ông là như thế vậy.

Khi ấy hai thầy Tỳ Kheo mới dứt hết nghi ngờ. Phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Liền phát nguyện rằng khiến cho tất cả chúng sanh đều được biện tài như thế. Cho nên con không thể đến thăm bệnh ông Duy Ma Cát.

Như vậy đoạn này chúng ta thấy Ngài Ưu Ba Ly đứng trên phương diện nào mà kết tội, mà giải nghi cho mấy vị đó? Tức là đứng trên mặt giới tướng. Đứng trên mặt giới tướng mà giải nghi. Mà đã đứng trên mặt giới tướng thì thí dụ người phạm giới uống rượu hay là phạm giới dâm dục chẳng hạn, thì giới tướng có tha được không? Khi kết tội thì đó là tội không thể chối được, không thể bỏ được, không thể thoát được. Cho nên đứng về mặt giới tướng thì khi đã làm tội rồi, tội đó là tội thật, chớ không thể nào giảm chế được.

Còn ông Duy Ma Cát ông đứng về phương diện nào mà ông nói về tội? Tức là về cái tánh. Bên kia đứng về tướng thì bên đây đứng về tánh. Như mỗi đêm chúng ta sám hối thì có câu sau, nói gì đó. nguyên chữ Hán là:

Tội tánh bản không do tâm tạo.

Tâm nhược diệt thời tội diệt vong.

Tội vong tâm diệt lưỡng câu không.

Thị tắc danh vi chơn sám hối.

Tánh tội vốn là không. Mà tánh tội vốn là không đó, làm sau mà kết được rằng tội đó cố định, phải không? Bây giờ tôi nói từ từ cho mấy chú thấy. Như chúng ta làm tội, thì trước từ cái gì mà có. Cái gì mà khởi ra tạo tội? Trước là do ý thức nó nhiễm, phải không? Nhiễm trước mà khởi ra tạo tội. Từ ý thức khởi, rồi thân, miệng mới bắt đầu thực hành. Thân, miệng thực hành thì thành ra cái nghiệp, thành ra tội. Như vậy cái động cơ chủ yếu tạo tội là ý thức. Nhưng bây giờ hỏi ý thức nó ở đâu, nó thật hay không thật? Cho nên ở đây mới nói những câu, cái tội đó, tánh nó không phải ở trong, không phải ở ngoài, không phải ở chặng giữa. Bây giờ tìm coi ý thức mình khởi tạo đó, nó ở đâu. Nó ở trong, hay nó ở ngoài, hay nó ở chặng giữa. Ý thức tìm lại là mất phải không? Ý thức chỉ là một mối vọng tưởng nó liên tục tạm gọi là ý thức. Như vậy vọng tưởng liên tục đó nó không thật, bản chất nó là không? Khi biết cái gốc tạo tội nó là không, thì cái nghiệp do tội tạo ra nó thật được không? Được không? Cái nghiệp không thật thì tướng của tội thật được không?

Bây giờ tôi thí dụ: Như có người cất nhà lầu ba tầng. Tầng số một, tầng số hai, tầng số ba. Bây giờ tầng số một đó lại là tầng dờ. Hỏng, hư, không bền, không chắc. Tầng số 2, số 3 bền chắc được không? Tất cả 2 tầng kia từ tầng số 1 mà thành, nếu tầng số 1 mà hư, hoại, 2 tầng kia thì sao? Cũng theo đó mà hư mà hoại. Cũng như vậy, từ cái tâm khởi tội, tức là khởi cái niệm tạo tội lỗi. Tạo thành nghiệp tội lỗi cho nên có kết quả thọ tội lỗi phải không.

Như vậy 3 giai đoạn tâm, rồi thân, khẩu tạo thành tội, gọi là nghiệp tạo. Hay là tạo thành nghiệp tội. Rồi mới chịu quả báo của tội. Nhưng ngay tâm là cái gốc đó, nó lại không thật. Nó không thật thì hai phần kia thật được không. Như vậy nếu đứng trên tướng tội mà luận thì nó chưa có cứu cánh. Phải đi thẳng về tánh tội thì thấy nó không thật. Nếu nó không thật thì tội còn hay hết.

Như vậy để trở lại bài sám hối hằng đêm chúng ta đó “Tội tánh bản không”, tánh tội vốn là không. Do cái gì tạo? Do tâm tạo. Mà tâm đó lại không thật nữa. Không thật nên khi nhìn lại nó mất thì tâm nó diệt. Tâm diệt thì tội theo đó cũng

không còn. Như vậy gọi là chơn sám hối, về tánh tội đó. còn như Ngài Ưu Ba Ly nói đây là về tướng tội.

Như vậy đoạn số một này, Ngài Duy Ma Cật muốn chỉ cho chúng ta thấy tánh tội nó là không tướng. Vì nó không phải trong, không phải ngoài, không phải chặng giữa. Nó không tướng. Mà không tướng tức là nó không thật. Nếu chúng ta trở về tự tánh tìm ra không có, như vậy ngay đó tội sẽ thanh tịnh.

Cho nên đây ông dẫn đoạn sau để thấy. Phật nói vì tâm cấu cho nên chúng sanh cấu, tâm tịnh cho nên chúng sanh tịnh. Hồi nãy dẫn về tánh tội. Bây giờ nói tánh của tâm phải không? Chúng sanh thành cấu là do tâm cấu. Chúng sanh thành tịnh là do tâm tịnh. Có phải vậy không? Như mình bây giờ thành người xấu là do cái gì? Do cái tâm nghĩ xấu cho nên mới thành người xấu phải không. Do tâm nghĩ tốt mới thành người tốt. Như vậy thành tốt, thành xấu, gốc từ tâm. Tốt, xấu gốc từ tâm, mà bây giờ tâm ở đâu? Tâm cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Cái tâm như thế, tội cũng vậy. Như vậy thì các pháp cũng vậy. Nó không ra ngoài các duyên. Tức là xét cho kỹ thì tâm cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa, để thấy rằng tâm không thật có, phải không? mà nếu tâm không thật có, tìm cho cuối cùng thì trở về lạng lẽ, như như. Tâm đã như như thì các tội cũng như. Các tội như thì chúng sanh cũng như. Chúng ta tu nếu biết phản quang lại cái tâm thì thấy nó không thật. Thấy nó không thật thì theo đó tội lỗi dứt. Thấy được như vậy mới là thấy tội cùng của tội lỗi. Chớ còn trên giả tướng mà nói thì tội lỗi là tướng hư dối. Bởi vì thân này và nghiệp, hai cái đó đều là tướng biến dịch, không có thật. Như vậy trở lại sự tu hành là phải tìm tận cái tánh tội và tìm tận cái tánh của tâm.

Đây mới dẫn chứng cho Ngài Ưu Ba Ly để hiểu. Như là Ngài Ưu Ba Ly do tâm tướng mà khi được giải thoát thì thật có cái cấu chặng? Vậy thì cái tâm tướng của Ngài do tu hành được thanh tịnh mà được giải thoát. Khi giải thoát nó còn có cấu hay không? Ngài Ưu Ba Ly đáp rằng “không”. Ngài Duy Ma Cật mới kết luận rằng tất cả tâm chúng sanh, tâm tướng chúng sanh không cấu. Cũng lại giống như

vậy, nghĩa là nếu tâm chúng sanh cố định là cầu thì mình có bỏ cái cầu được cái tịnh không? Nếu nó cố định thì đâu bỏ được, phải không? Như vậy cầu chỉ là lớp vỏ bề ngoài. Chớ khi mình phá được lớp vỏ bề ngoài đó thì tâm cầu đều trở thành thanh tịnh. Cho nên mới nói ai tu cũng có thể trở thành Phật được. Hay là ai tu cũng có thể giải thoát được. Bởi vì có thể giải thoát hay là cái thể của Phật đã sẵn ở mọi người. Chỉ bị những phiền não cầu nó phủ che bên ngoài. Khi chúng ta phá vỡ được lớp phiền não cầu đó thì tự mình giải thoát, tự mình giác ngộ, chớ không có gì lạ hết. Như vậy mới thấy rằng trên đường tu không phải mình làm chuyện không thể làm được. Bởi vì nó đã có sẵn, mà đã có sẵn thì tất nhiên khéo tìm. Khéo kêu bằng gạt bỏ như nhóp phiền não đó thì nó sẽ sạch. Cũng như tôi thường dụ, như mình có của báu. Như hòn ngọc hay số vàng, mình để trong hủ mình chôn. Giả sử người cha chôn rồi bảo con rằng: “Ba có chôn hủ vàng hay hủ ngọc ở đâu đó, bây giờ ba có chết thì con đào lên, con lấy xài”. Khi người cha chết, người con biết rõ chỗ cha chôn, chỉ đó biết rành rẽ. Khi biết mình có hủ ngọc ngay ở chỗ đó, đào lên liền lấy được và xài được. Người đó có ngán đào không? Ngán đào không? Ngán quá! Sao mà đất không, không thấy, tôi không muốn đào chút nào hết. Có nghĩ vậy không? Mà sao? Cha chết rồi liền lấy cuốc, lấy xuống ra đào liền, phải không? Bởi vì mình đã có mà đại gì không lấy ra xài.

Bây giờ cũng vậy, tất cả chúng ta Phật đã chỉ mình có tâm giác ngộ, mình có được cái giải thoát ngay nơi mình chớ không thiếu. Phật chỉ cho mình rõ ràng. Mình nghe kinh Phật, mình hiểu được điều đó rõ ràng. Bây giờ mình có ngán tu không? Ngán không? Nó có rồi, mà không chịu khơi ra xài để cầu giác ngộ giải thoát như Phật. Chẳng lẽ ngồi lúc lắc hoài, ngán quá! Nếu mà lúc lắc hoài, ngán quá! Thật là người biết có của mà không chịu tìm xài. Người ta khen là sáng suốt khôn ngoan hay là ngu dại. Đó thật là dại khờ, phải không? Cho nên chúng ta là người vinh hạnh nhất trong bao nhiêu chúng sanh, biết được mình có của báu, giác ngộ, giải thoát đó. Biết rõ rồi thì mỗi người cố gắng, nỗ lực mà khơi dậy nó. Đẹp hết những như cầu chung quanh để cái đó nó hiện ra. Chớ đừng chần chừ, đừng nhút nhát, uống một đời của mình. Đó là nói để cho thấy rõ tinh thần ở đây.



PHẦN 9

Bây giờ ông Duy Ma Cật lại nói thêm. Nói tất cả tâm tướng của chúng sanh là không cầu. Cũng như vậy đó là không cầu. Bây giờ vọng tưởng là cầu, mà không vọng tưởng là tịnh. Điên đảo là cầu, không điên đảo là tịnh. Bây giờ mình thấy rõ cái tu của mình chưa. Mình bỏ vọng tưởng là để làm chi? Để tịnh. Hết vọng tưởng là tịnh. Tịnh tức là giải thoát. Giải thoát tức là giác ngộ. Nếu còn vọng tưởng thì đó là cầu là nơ. Điên đảo với vọng tưởng cũng gần nhau, là anh em thôi, phải không? Có vọng tưởng mới có điên đảo. Không có vọng tưởng, có điên đảo không? Cho nên chỗ khác Bát Nhã kết luận thì vọng tưởng điên đảo phải không? Hai cái đi chung. Nhưng đây thì phân riêng cho có thứ tự vậy thôi. Có vọng tưởng mới có điên đảo. Không vọng tưởng làm gì có điên đảo. Như vậy vọng tưởng điên đảo là cầu. Không vọng tưởng điên đảo là tịnh.

Chuyện này thật là rõ như ban ngày. Chúng ta dù có giữ giới, giữ luật gì đi nữa, mà nếu cái ngã mình chấp nặng thì giữ giới, giữ luật đó có giải thoát được không? Thí dụ: tôi nói như giới luật thường của mình đó. Tỳ Kheo không được cuốc đất. Tỳ Kheo không được làm cho cây cỏ bị hại. Thí dụ như không được bứt cỏ tươi... Mình giữ luật đó hết sức là nghiêm trang. Nhưng mình thấy người này, thấy người kia không giữ được như mình, rồi mình khinh họ. Như vậy còn ngã không. Nếu còn ngã thì giải thoát nổi không? Giải thoát là chỗ không có ngã, dù cho mình lăn lộn giữa quần chúng mà cái chấp ngã mình không còn thì mình được thanh tịnh. Còn nếu mình làm cái gì, ngồi trong đạo tràng mà cái ngã mình cũng cao vòi vọi đó, cũng là cầu như thường. Chủ yếu là phải đừng chấp ngã. Bởi vì tất cả phiền não, ngã mạng, nóng giận, kiêu căng v.v... đều phát nguồn từ chấp ngã mà ra, phải không? có khi nào thấy mình không ra gì hết, mà người ta động tới mình giận không? Nghĩa là thấy ta quan trọng, động tới cho nên nổi sân liền. Như vậy mọi phiền não gốc từ cái ngã. Nếu không ngã thì còn gì phiền não. Không phiền não thì không phải tịnh là gì? Còn nếu còn ngã tất nhiên còn có phiền não. Còn phiền não cho nên gọi là cầu. Như vậy lời giảng của ông Duy Ma Cật rất là

chí lý, chỉ thẳng cái thực cho mình biết. Chớ đừng có chấp tướng. Nhiều khi mình chấp tướng. Vì trong kinh Phật cũng như trong luật Phật, Phật làm cái gì nó có ý nghĩa ngay trong thời đó. Rồi mình không biết, mình lấy ý nghĩa ngay trong thời đó, đem qua thời khác mình nhìn. Tôi nói thí dụ: Như luật Tỳ Kheo của chúng ta, trong đó phần y và bát hết bao nhiêu? Nếu nói y bát hết 1/3 số giới luật rồi. Bây giờ y thì mình cũng không mang ba y. Bát thì mình cũng không quảy bát đi khát thực. Như vậy làm sao? Thí dụ: Như bây giờ chúng ta ở Thiền viện, hay là một ngôi Già Lam. Chúng ta tu không có quần y, không mang bát đi khát thực. Với một người quần y mang bát khát thực đúng y như trong luật dạy, họ nhìn chúng ta họ khen hay họ chê? Họ chê. Máy ông thầy này không giữ giới, không giữ luật. Nếu chúng ta ở trong Thiền viện, ở trong ngôi Già Lam, chúng ta sống rất là bình dị, đơn giản, cái ngã chúng ta mất đi. Như vậy đối với người mang bình bát, quần ba y đi khát thực mà cái ngã còn, thì ai hơn ai. Ai hơn ai? Như vậy cái trọng tâm không phải là giữ cái hình tướng. Mà trọng tâm phải phá được cái gốc ở trong. Gốc ở trong là cái ngã phải không? Vì vậy mà sự tu của chúng ta phải thấu tường tận gốc rễ của nó. Hiểu vậy rồi, hiểu tại sao mà tinh thần Đại thừa lại không quan trọng những hình thức. Bởi vì hình thức là tướng bên ngoài, tạm trong lúc cần đó. Còn chủ yếu là bên trong. Làm sao phá được cái ngã đó mới là gốc. Bởi vậy chúng ta tu phải thực. Nói vậy không phải một chiều. Nếu chúng ta tu, chúng ta không quần y, không mang bát đi khát thực, mà chúng ta lại thêm cái ngã lớn nữa thì trúng hay trật? Nếu mà không chấp tướng mà còn chấp ngã thì lại còn trật hơn nữa, phải không? Tuy không chấp tướng mà chấp ngã thì đó là bệnh thôi. Cho nên khi không chấp tướng thì cũng đừng chấp ngã nữa mới trúng, phải không? Chớ không chấp tướng mà chấp ngã lại càng trật.

Đây thêm một đoạn, ông nói rằng tất cả pháp sanh diệt không dừng như huyễn, như điện. Các pháp không đối đãi cho đến một niệm cũng không dừng. Các pháp đều do vọng kiến, như mộng, như ánh nắng, như là mặt trời trong nước, như là bóng trong gương v.v... đều do vọng tưởng sanh. Như vậy nếu ai thấy được các pháp như huyễn như hóa, như trăng trong nước, như bóng trong gương. Hằng thấy

như vậy và biết tất cả đều do vọng tưởng sanh, thì người đó là người giữ giới, giữ luật. Tại sao vậy? Sở dĩ giới luật cấm là không cho chúng ta tham ngũ dục. Không cho chúng ta nhiễm ngũ dục. Không cho chúng vì ngũ dục mà tạo nên tội lỗi. Bây giờ chúng ta thấy ngũ dục như là bóng, như là trăng đáy nước, như là huyễn hóa thì còn gì mà tham. Không tham thì còn gì mà nhiễm. Thấy đúng như vậy đó là mình giữ giới, giữ luật rồi. Còn mình thấy nó thật thì chưa được trọn vẹn. Ngài cũng nói rằng nếu người nào biết được như vậy mới gọi là khéo hiểu.

Như vậy đoạn trước ông chỉ cho chúng ta thấy được rằng tánh tội không thật. Từ tâm mà ra. Tâm cũng không thật nữa, cho nên tâm không thật, tội không thật đều trở về như.

Rồi đến đoạn hai chỉ rằng, tất cả tâm cấu thì ngã cũng là cấu, chúng sanh cấu đó. Tâm mà nhơ thì chúng sanh cũng nhơ. Tâm mà sạch thì chúng sanh sạch. Cho tới vọng tưởng là nhơ. Hết vọng tưởng là sạch v.v... Như vậy chỉ cho thấy rằng tất cả tội gốc từ tâm mà ra. Nếu tâm thanh tịnh thì muôn tội theo đó đều hết.

Thứ ba là cho chúng ta thấy tất cả pháp như huyễn như hóa. Biết rõ các pháp như huyễn như hóa, không kẹt, đó là người chân chánh giữ luật. Khi các thầy Tỳ Kheo này nghe ông Duy Ma Cật nói như vậy rồi, họ lãnh hội được, họ phát tâm Bồ đề.

Phật bảo La Hầu La:

-Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Ngài La Hầu La bạch Phật rằng:

-Thế Tôn con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì có sao? Con nhớ thuở xưa ở thành Tỳ Xá Ly có các ông trưởng giả đến chỗ của con cúi đầu làm lễ, hỏi con rằng:

-Vâng! Ngài La Hầu La. Ông là con của Phật đã bỏ ngôi Chuyển Luân Thánh Vương đi xuất gia, hành đạo. Xuất gia đó có lợi ích gì? Con liền đúng như pháp vì họ mà nói lợi ích của công đức xuất gia.

Khi ấy ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng:

-Vâng! Ngài La Hầu La. Không nên nói cái lợi công đức của người xuất gia. Vì có sao? Không có lợi, không có công đức, ấy là xuất gia.

Nghe ngược ngạo quá phải không? Như vậy tới chỗ này mình có hai cái nhìn. Cái nhìn của Ngài La Hầu La là nhìn trên hình tướng. Nếu người xuất gia sẽ có những lợi gì, được những công đức gì? Trong kinh Phật cũng đã nói cái lợi ích đó chỉ là cái ích lợi đối đãi của tướng hữu vi thôi. Chớ không phải là nói tới ích lợi của cái vô vi.

Còn ông Duy Ma Cật thì ông nhìn người xuất gia là đi thẳng về chỗ vô vi, không có tướng. Không có tướng thì nói gì có lợi, có công đức.

Chỗ này giống với chỗ mà vua Lương Võ Đế hỏi Ngài Đạt Ma, phải không? Nói ông tạo chùa, cất chùa và nuôi Tăng chúng v.v... rất là nhiều. Vậy có lợi ích, có công đức gì không? ngài liền nói:

-Không! Không có công đức.

Như vậy cái nhìn của ông Duy Ma Cật gần với cái nhìn của nhà Thiên. Bởi vì nói công đức, nói phước đức thì chỉ là cái hình tướng sanh diệt. Còn chỗ chân thật đó ra ngoài các tướng đối đãi. Cho nên nói là không. Ở đây ông nói cũng giống hết như vậy. Nghĩa là nếu nói xuất gia thì không có lợi, không có công đức. Nhưng mà bây giờ đa số người nói xuất gia không lợi, không công đức thì họ có muốn xuất gia không? Có lợi. Có công đức gì mới ham tu chớ. Không lợi, không công đức tu làm chi. Nhưng đây là lẽ thực, bởi vì đi tới chỗ vô vi giải thoát thì không còn nằm trên giả tướng thì làm gì thấy có lợi, có công đức. Cho nên sau mới nói thêm cho rõ.

Pháp hữu vi thì có thể nói có lợi, có công đức. Còn phàm người xuất gia là vì pháp vô vi. Mà trong pháp vô vi thì không có lợi, không có công đức.

Như vậy ông xác nhận, sở dĩ ông nói không có lợi, không công đức là đứng trên mặt vô vi mà nói, phải không? Thí dụ: Như mình mình nói bây giờ người xuất gia thì khỏi bận chuyện gia đình, khỏi lo con cái nên rảnh rang tu hành. Cái lợi đó toàn là cái lợi của hình thức thôi, phải không? Chớ đâu có phải là đi thẳng trong

vô vi. Chủ yếu người xuất gia có người nào xuất gia mà chỉ muốn được cái phước tương đối đâu, phải không? Đề muốn giải thoát. Mà giải thoát tức là đi tới chỗ vô vi. Cho nên đây là nói thẳng mục đích, cứu cánh đó. Đến trường hợp thứ hai.

La Hầu La, người xuất gia đó, không kia, không đây, cũng không trung gian. Là 62 kiến chấp ở nơi Niết bàn, người trí thọ nhận (tức là chỗ thọ nhận của người trí) là chỗ sở hành của hàng thánh giả, hàng phục chúng ma (như vậy thì người xuất gia là người thoát khỏi ngã, chúng sinh. Bị thử tức là ngã, non, chúng sanh đó) và là tất cả kiến chấp hừng ở nơi Niết bàn. Độ được 5 đạo (độ tức là qua được ngũ thú đó. Ngũ đạo hoặc ngũ thú cũng giống nhau. Qua được ngũ thú tức là không còn sanh trong năm đường đó nữa.). Trong sạch được ngũ nhãn, được ngũ lực, đứng trên ngũ căn (hay thành lập được ngũ căn). Không có nỗi hại người khác. Là các tạp ác, dẹp pháp các ngoại đạo. Vượt khỏi các giả danh. Ra khỏi chỗ bùn lầy. Không bị trói buộc. Không có ngã sở. Không có sở thọ. Không có bị nhiễu loạn. Ở thì ôm lòng vui vẻ, bảo hộ cái ý kia. Tùy thuận Thiên định, là các lỗi ác. Như vậy đó là tinh thần xuất gia. Nếu hay như vậy đó, ấy là người chơn xuất gia.

Chơn xuất gia ở đây ông nói là mình phải rời cả ngã và ngã sở và hằng đứng trên bờ Niết bàn. Hằng vượt ra khỏi mọi trói buộc, nhiễm ô và hằng ở trong Thiên định. Như vậy mới thật là xuất gia.

Xuất gia chúng ta nhớ có mấy nghĩa? Một là xất thế tục gia. Hai là xuất phiền não gia. Ba là xuất tam giới gia. Như vậy chỗ này ông nói là xuất cái gì gia? Tức là chúng ta phải ra khỏi tam giới, phải đứng trên bờ Niết bàn. Chớ không phải chỉ ra khỏi nhà thế tục thôi. Bây giờ phần nhiều chúng ta hay nói xuất gia có lợi ích là xuất gia ở trong nhà thế tục. Từ nhà thế tục mà ra khỏi có lợi ích gì? Chớ mà ít có xuất phiền não gia. Xuất tam giới gia mà xuất phiền não gia là hai chỗ mà ở đây ông muốn nói. Như vậy tất cả mọi người nếu chúng ta nhìn lại, nói rằng chỉ khi nào bỏ nhà cha mẹ vào chùa là xuất gia. Nếu hiểu ngang chừng đó thì đời tu chưa có giá trị gì, phải không. Nếu chưa phá được phiền não, mình chưa ra khỏi tam

giới tức là chưa được giải thoát, thì xuất gia chưa đúng nghĩa xuất gia. Muốn đúng nghĩa xuất gia là phải dẹp sạch phiền não, phải được giải thoát sanh tử. Ra khỏi tam giới tức là giải thoát sanh tử. Đó mới là mục đích cứu cánh của người xuất gia. Cho nên ở đây ông nói chơn chánh xuất gia là phải như vậy đó. Như vậy đó là làm cho sáng tỏ thêm nghĩa xuất gia của người tu. Chớ không phải là ông nói lý suông.

Khi đó ông Duy Ma Cật bảo các Trưởng giả rằng: “Các ông nên ở trong chánh pháp mà phát tâm xuất gia. Vì có sao? Vì Phật ra đời rất khó được gặp.

Như vậy thì các ông nên ở trong chánh pháp mà phát tâm xuất gia. Tại sao? Bởi vì khó gặp được đức Phật ra đời. Các ông Trưởng giả mới nói rằng (Trưởng giả này là Trưởng giả tử là con đó, chớ không phải Trưởng giả lớn.

Các Trưởng giả này thưa rằng:

-Thưa cư sĩ, chúng tôi nghe Phật nói cha mẹ không cho thì không được xuất gia (tức là cha mẹ không cho phép thì không được xuất gia).

Ông Duy Ma Cật nói:

-Đúng vậy! Các ông liền phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ấy là xuất gia, ấy tức là thọ giới cụ túc.

Ở đây ông không nặng về hình thức xuất gia là cạo tóc, vô chùa phải không? Ông bảo xuất gia là phải phát tâm cầu thành Phật, đó là xuất gia, đó là thọ giới cụ túc. Bởi vì tất cả người xuất gia có người nào không cầu thành Phật mà xuất gia không. Phải không? Cầu thành Phật là mục tiêu cứu cánh. Như vậy mình nhắm vào mục tiêu cứu cánh đó mà làm mà tiến. Đó gọi là xuất gia.

Khi ấy 32 người con ông trưởng giả đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Như vậy chúng ta có thể tóm lại cho dễ nhớ. Ở đây Ngài Duy Ma Cật muốn nói cái nghĩa xuất gia là đi thẳng vào giải thoát, là pháp vô vi. Chớ không phải xuất gia là pháp hữu vi. Cho nên khuyên Ngài La Hầu La đừng lấy cái lợi của pháp hữu vi mà nói với các con ông Trưởng giả. Rồi tới đoạn kế muốn giảng trạch rằng người xuất gia là người phá được tất cả phiền não ra ra khỏi nhà tam giới.

Đứng ở trên bờ Niết bàn. Đó mới là người chân thật xuất gia. Như vậy chúng ta thấy ý nghĩa xuất gia này thật là thâm sâu. Kế đó là Ngài A Nan. Ngài A Nan thật là đáng thương.

Phật bảo Ngài A Nan:

-Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

A Nan bạch Phật rằng:

-Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì có sao? Con nhớ thuở xưa Thế Tôn thân có chút ít bệnh, phải dùng sữa bò. Con liền mang bát đến nhà đại Bà La Môn đứng ở dưới cổng (hay là dưới cửa. Đứng ở dưới cổng vì nhà người có có cái cổng lớn ở trước. Đứng ở dưới cổng tức là ngay trước cửa nhìn vô, chờ người ta thấy để người ta kêu vô cho). Khi ấy ông Duy Ma Cật đến hỏi con rằng:

-Vâng! Ngài A Nan, vì sao mà sáng sớm mang bát đến đứng đây (chữ này là “Triêu” chớ không đọc là “Triều” được)?

Con nói rằng:

-Này cư sĩ! Thân Thế Tôn có chút ít bệnh phải dùng sữa bò. Cho nên tôi đến đứng đây.

Ông Duy Ma Cật nói:

-Thôi! Thôi! A Nan chớ có nói lời ấy. Thân Như Lai là thể Kim cang. Các cái ác đã dứt. Các cái thiện đã đầy đủ. Làm gì mà có bệnh, làm gì mà có nã. Thôi lạng lẽ đi A Nan. Chớ có chê bai Như Lai (đuôi đi). Chớ có khiến những ngoại đạo nghe lời thô này. Không khiến cho những chư Thiên có đầy đủ oai đức và những vị Bồ tát ở các cõi Tịnh độ khác được nghe lời này. Thôi ông đi đi (lạng lẽ đi đi. Chớ đừng để ngoại đạo nghe hoặc chư Thiên hoặc các vị Bồ tát ở cõi khác nghe. Cái này xấu hổ lắm.). A Nan! Vị Chuyển Luân Thánh Vương chỉ có một chút ít phước mà còn được không bệnh. Huống nữa là Như Lai được vô lượng phước đức, khắp cả thù thắng thay (Khắp thắng giá tai tức là khắp hết thù thắng đó ư!) Hãy đi A Nan! Chớ khiến chúng tôi nhận ra lời này mà sanh hổ thẹn (Hay là

chớ khiến cho chúng tôi phải sinh ra hổ thẹn)! Ngoại đạo thậm chí nếu nghe được lời này thì khởi nghĩ thế này: Sao gọi là thầy. Tự mình bệnh mà không có thể cứu được mà hay cứu bệnh cho người khác. Như vậy thôi đi A Nan. Ông đừng để cho chúng tôi hổ thẹn.

Tại sao hổ thẹn? Vì ngoại đạo thậm chí nghe nói lời này thì họ liền đặt câu hỏi. Tại sao mà Thầy là Thầy mà bệnh mình không cứu được mà nói cứu bệnh người khác. Vô lý phải không? Bởi vậy tôi nói mấy chú tu ráng. Bệnh có hai thứ: Bệnh thân và bệnh tâm. Thân cũng khuyên Phật tử tu hành. Ngồi thiền ít bệnh mà mình bệnh rề rề. Thật là xấu hổ cho tôi biết mấy, phải không? Mỗi khi nói với Phật tử, tôi nói người ngồi thiền ít bệnh mà mấy chú cứ rề rề, rề rề hoài. Thực là điều tủi nhục cho tôi, phải không? Tôi nói ít bệnh, mấy chú ngồi thiền giỏi thì ít bệnh. Chớ thầy nói ngồi thiền ít bệnh, mà mấy thầy đây đêm nào cũng ngồi thiền mà thầy nào cũng rên bệnh hết thì có phải xấu hổ cho tôi không? Đó là nói về thân.

Nói về tâm, mình là người tu. Mình nói tu là để diệt phiền não, để hết khổ đau, phải vậy không? Có người nào nói tôi tu là tôi nuôi phiền não. Đâu có ai nói vậy. Đã nói là diệt phiền não thì ít ra vào chùa ở 5 tháng, 10 tháng cũng thấy mấy thầy cười hoài mới phải chớ. Hết phiền não. Còn nếu không hết cũng bớt phiền não rồi. Chớ ít bữa thấy người này sân. Ít bữa thấy người kia quạu. Ít bữa nữa thấy người kia khóc. Như vậy còn phiền não không? Nói rằng tu để diệt phiền não thì cũng chưa có nữa. Nếu mình chưa diệt được phiền não mà dạy người ta diệt phiền não là làm sao. Được không?

Bởi vậy nhiều khi tôi nói tôi xấu hổ khi có mấy người Phật tử nói: “Thầy con hôm trước giận mấy ông điệu, muốn bỏ đi. Tụi con lại năn nỉ hết sức Thầy mới ở lại”. Nghe vậy có xấu hổ không? Nếu Thầy không có phiền não thì Thầy đâu có bỏ đi. Mà Thầy bỏ đi tức là Thầy phiền não quá. Nhờ Phật tử an ủi Thầy mới bớt phiền não. Như vậy khi phiền não của Phật tử, họ khổ sở, họ tới họ nhờ Thầy an ủi cho bớt. Rồi bây giờ Thầy phiền não thì nhờ Phật tử tới an ủi lại. Như vậy mình và Phật tử có hơn bao nhiêu không? Kiểm lại coi hơn bao nhiêu? Như

vậy cái đó là để thấy xấu hổ của người tu. Mình tu phải là người để an ủi, để dạy dỗ, để khuyên lơn họ. Mà muốn an ủi, dạy dỗ, khuyên lơn họ, cái đó mình đã qua rồi, phải không? Qua rồi mới dạy họ chứ. Nếu mình chưa qua, mình bảo họ làm, thì điều đó thực là... theo thể thường là đổi công cho nhau đó. Bữa nay họ phiền não tới mình an ủi. Mai mình phiền não thì họ tới an ủi. Đổi qua đổi lại chứ không ai hơn ai hết. Như vậy không có nghĩa là Thầy nữa. Cho nên mấy chú ráng. Nhiều khi tôi thấy có những lúc muốn bực, muốn la lộn. Mà nghĩ nếu la mấy chú nói mình sân, phải không? Còn không la thì mấy chú cứ tưởng làm như vậy là hay. Cứ nay chú này rên, con bệnh quá. Mai chú kia rên, bệnh quá, ngồi thiền không nổi. Như vậy tại sao không gan. Đó rồi thêm một cái, ít bữa chú này phiền não chú kia. Chú kia phiền não chú nọ. Như vậy thiệt là... đi tới đây để cốt dứt trừ phiền não, mà nói bị phiền não. Vô lý quá! Bị thì bỏ đi. Bị phiền não thì bỏ đi phức đi cho rồi. Khởi thưa hỏi cho mất thì giờ. Nhưng mà không chịu, cũng ôm đó để đi thưa, đi trình. Như vậy mới thấy rằng chưa gan, chưa dám dứt khoát. Chớ tất cả những cái đó là những cái mình bỏ được dễ ợt chứ gì.

Thí dụ: Bây giờ huynh nào đó nói hơn mình hoặc chỉ trích mình không đúng. Họ chỉ trích không đúng, thì họ thấy sai, họ thấy bậy, bỏ qua cho rồi, phải không? Thưa kiện làm chi cho mất thì giờ. Đó là những điều mà tôi nói lẽ thực như vậy, đó mà cũng đi thưa. Dễ nổi giận không? Nổi giận mà nạt thì... Muốn nạt là nạt để cho thấy cái đó không xứng đáng. Lý đáng là mình đã qua rồi mà còn mang lại làm gì. Nhưng nếu nạt thì nói Thầy còn sân, cũng còn phiền não. Thôi bỏ qua đừng giận. Đó là những cái mấy chú thấy, nghĩa là sự thực của tu đó. Nó là gốc để mình đi tới chỗ giải thoát. Gốc giải thoát mà mình không chịu ôm cái gốc đó. mình cứ vin những cành phiền não, những lá phiền não mà mình mệt nhọc với nó làm chi, phải không? bởi vậy mình phải gan. Gan dạ một chút mới có thể tiến được. Tôi khoe với người ta, tôi nói tôi hồi xưa bệnh phổi, trị chưa được hết lắm mà tôi ngồi thiền riết hết. Bây giờ mấy chú ho khẹt khẹt 3,4 bữa, lại thưa thầy chắc con bệnh phổi rồi. Tôi rầy, tôi nói không có bệnh phổi đâu mà sợ. Nói vậy mấy chú nói mình không thương, phải không? Thành ra nó khó thật. Còn nếu người

nào ngồi thiền rồi ít bữa ho cũng la bệnh phổi hết. Như vậy lỗi tu mà mình nói với thiên hạ trở thành mâu thuẫn. Mâu thuẫn ngay trong hàng ngũ của mình phải không? Cho nên mấy chú tập gan một chút để giữ uy tín. Không phải tôi nói giữ uy tín suông mà chính là để cho mấy chú có một sức chịu đựng, thắng được những cơn bệnh nhỏ và gan dạ trong cuộc tu hành, chớ đừng yếu đuối. Yếu đuối rồi trở thành mâu thuẫn với việc làm của mình. Đó là tôi nói câu ông thầy mà ông còn bệnh thì làm sao cứu được người bệnh khác, người khác bệnh, phải không? Vậy mấy chú muốn khi nào khuyên lơn ai thì nhớ dùm lại mình coi đã. Mình bệnh nhiều, bệnh ít. Nếu mình gần hết bệnh thì khuyên họ dễ. Còn mình bệnh như họ, e rằng khuyên mắc cỡ lắm. Hở thẹn lắm đó.

Phải lén đi mau chớ khiến cho người ta nghe. Phải biết! A Nan thân Như Lai tức là pháp thân không phải thân tư dục. Phật là bậc Thế Tôn vượt qua cả tam giới. Thân Phật không có lậu, các lậu đã dứt (lậu tức là mầm phiền não làm rơi trong tam giới đã dứt). Thân Phật là vô vi, không có rơi vào các số (số tức là các loại. Loại người bậc này, bậc nọ). Thân như thế ấy thì nào có bệnh gì. Đâu có bệnh gì.

Như vậy ở đây biểu Ngài A Nan phải lén đi cho nhanh, chớ đừng để cho người ta nghe. Tại sao vậy? Vì ông phải biết thân Phật là pháp thân. Pháp thân là thân đã vượt ra khỏi tam giới. Cái thân đó nó là vô vi, nó không còn bệnh gì nữa hết.

Bạch Thế Tôn! Khi ấy con thật là hở thẹn. Được gần gũi Phật mà có thể nghe lầm hay sao?

Như vậy lúc đó ông hở thẹn quá! Con bị đuổi đi hoài, cho nên tự tử. Rồi không biết mình gần Phật mà không biết mình có nghe lầm không? Phật nói Phật bệnh. Bây giờ mình đi xin sữa cho Phật mà ông đuổi như vậy đó. vậy mình có nghe lầm chăng?

Nhưng liền khi ấy ở trong không trung có tiếng: Này! A Nan! Như lời của cư sĩ nói.

Như vậy xác nhận thêm nữa. Trong đó xác nhận ông cư sĩ nói đúng.

Chỉ vì Phật muốn ra khỏi đời ngũ trước ác thế mà hiện pháp này để độ thoát chúng sanh.

Hiện cái pháp này là hiện trong cảnh còn có già, còn có bệnh, còn có tử đó, để độ thoát chúng sanh.

Vậy thì hãy đi A Nan. Ông nhận lấy sữa chớ có hồ thẹn.

Bạch Thế Tôn! Ông Duy Ma Cật trí tuệ biện tài như thế. Thế nên con không có dám đến thăm bệnh ông.

Như vậy đến chỗ chót này là nói thẳng quan niệm về thân Phật. Hàng Nhị Thừa quan niệm về thân Phật thế nào? Hàng Bồ tát quan niệm về thân Phật thế nào?

Hàng Nhị Thừa quan niệm thân Phật là thân có 32 tướng tốt hiện ở thế gian. Cho nên chúng ta đọc sử mà muốn tìm sự thật thì các phần trong kinh sử của Nguyên Thủy rất là xác thực. Còn nếu chúng ta đọc sử mà lấy những phần ở trong giáo lý Đại Thừa này thì sử đó thuộc về lý tưởng không xác thực. Tại sao vậy? Tại vì bên kia nhìn Phật là thân hiện hữu ở thế gian này, có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp v.v... Thân đó là thân Phật.

Nhưng bên tinh thần Đại thừa thấy Phật là pháp thân. Pháp thân là thể kim cương, bất sanh, bất diệt. Ở thế gian có gì gọi là cứng nhất? Đó là kim cương. Cho nên dùng chữ kim cương làm thí dụ. Vì thân Phật là không sanh không diệt. Đó là pháp thân.

Như vậy một bên nhìn thân Phật hiện tại gọi là báo thân hay là ứng thân. Còn bên kia nhìn về pháp thân. Pháp thân là cái thân lý tưởng chớ không phải thân cụ thể trong khi Phật còn ở Ấn Độ. Nhớ rõ như vậy. Bên đây nhìn là báo thân hay là ứng thân cho nên thấy có bệnh. Rồi đi xin thuốc trị bệnh. Còn bên kia nhìn Phật là pháp thân. Pháp thân thì không có tướng. Không có tướng làm sao có bệnh. Không có bệnh mà nói là đi xin thuốc trị bệnh là chuyện vô lý.

Như vậy hai vị, mỗi vị nhìn khác nhau, mình nói ai đúng? Ai cũng đúng hết. Vì một bên nhìn về báo thân, bên nhìn về pháp thân, hay bên nhìn về ứng thân,

bên nhìn về pháp thân. Cứu cánh của người tu là mình phải đạt được pháp thân. Bởi vì ứng thân hay báo thân là tướng sinh diệt. Có nó, dù nó đẹp nhưng rồi cũng phải hoại, phải không? Nếu tu rồi hưởng trong mấy chục năm, rồi hoại, thì cái đó chưa xứng đáng. Cho nên chúng ta tu là phải đạt được pháp thân bất sinh, bất diệt. Đó mới là cái cứu cánh, cái mục đích của người tu.

Như vậy chỗ cứu cánh của người tu là phải đến pháp thân. Pháp thân là lý tưởng cứu cánh của mình. Chớ không phải là ứng và báo. Cho nên bên này nhìn về chỗ cứu cánh sau cùng. Bên kia nhìn về cái tướng hiện hữu. Hai cái khác nhau. Tuy khác nhưng rồi cũng từ cái này mà đạt đến cái kia. Như mình bây giờ đang mang thân này là thân sinh diệt. Nhưng bây giờ muốn đạt được pháp thân, mình bỏ cái sinh diệt này được không? Cũng không được. Cho nên từ tướng sanh diệt để tiến tới chỗ vô sanh, đó mới đúng với chân thật. Như vậy qua phần của Ngài A Nan. Bây giờ tóm kết.

Như thế 500 vị đại đệ tử mỗi vị hướng về Phật nói về duyên trước kia, để khen ngợi ông Duy Ma Cật, lời nói ông Duy Ma Cật. Điều nói rằng không kham đến thăm bệnh ông ấy.



PHẦN 10

Như vậy đây là 10 vị đệ tử lớn mà gọi là thập đại đệ tử đó. Mỗi vị đều được cái đệ nhất, mà mỗi vị đều không kham đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật. Để thấy rằng tinh thần ở đây là nêu lên ý nghĩa, dù cho chúng ta xuất gia mà nếu chúng ta không đạt đến chỗ cứu cánh bình đẳng, chân thật. Hai phần:

Pháp tức pháp tánh. Thân tức pháp thân. Pháp tánh và pháp thân không đạt được hai cái đó thì chúng ta chưa đến chỗ cứu cánh, bình đẳng, chân thật. Muốn đến chỗ cứu cánh, bình đẳng chân thật thì đứng về thân phải đi thẳng vào pháp thân. Đó mới là cứu cánh.

Bây giờ tới các vị Bồ Tát. Thánh tại sao còn rơi vào. Thánh có chia ra thánh thấp và thánh cao. Cũng như ở đây mấy chú, tất cả mấy chú là Tăng hết mà sao có những ông Tăng chấp quá chừng. Có những ông Tăng ít chấp. Nếu đã là Tăng thì phải giống hệt nhau chớ, phải không? Tại sao lại có khác? Tại trình độ sai biệt. Bởi trình độ sai biệt cho nên có khác nhau. Ở đây hai bên không có nghĩa là chống nhau. Nhưng để khai triển từ cái tướng để đi thẳng vào tánh. Hồ tương để mình thấy từ thấp tiến lên cao, chớ không phải các Ngài thù nghịch nhau. Như bây giờ các chú cãi âm đó. Không phải? Nghĩa là thuật lại để thấy cái nhìn của hàng Thanh Văn khác hơn cái nhìn của hàng Bồ tát. Thanh văn còn từ tướng. Bồ tát đi thẳng vào tánh. Đó là tinh thần khai triển từ thấp tiến lên cao. Chớ không phải hai bên có chỗ sai biệt.

Lúc này như tôi nói muốn tu thì từ thân này mà tu, mới thấy được pháp thân. Như vậy nhờ cái báo thân hay là ứng này mà đi thẳng vào pháp thân. Chớ không phải pháp thân nó có thể thị hiện giáo hóa người ta được. Nhưng nếu nói pháp thân không có lợi ích gì thì lại trật nữa. Vì pháp thân là cái thể. Ứng thân và hóa thân là cái dụng. Từ cái thể khởi dụng. Cái dụng thấy như có lợi ích, nhưng lợi ích của dụng chỉ là lợi ích hư dối để đưa tới chỗ chân thật cứu cánh là pháp thân. Như vậy pháp thân mới là chỗ chân thật của người tu.

Chữ Bồ tát chúng ta biết hết rồi, khỏi cần cắt nghĩa, chỉ cần biết rằng đây là qua tới hàng Bồ tát. Hàng Thanh văn là đệ tử hiện hữu của Phật. Hàng Bồ tát thì có những vị Bồ tát có mặt trong hội hoặc những vị Bồ tát từ tha phương đến. Cho nên đây nói Bồ tát mà không nói đệ tử.

Khi ấy Phật bảo Bồ tát Di Lặc:

Thói quen mình cắt nghĩa Bồ Tát Di Lặc phải không? Nhưng phải nhớ rằng, cũng như nói rằng mấy chú kêu Đại đức A hay A Đại đức. Tiếng Việt mình kêu A Đại đức hay là Đại đức A? Từ tiếng Việt thì phải chuyển lại, nhiều khi mình quen, coi như thói quen. Quan Âm Bồ tát, Thế Chí Bồ tát quen rồi. Đúng ra thì Bồ tát Quán Âm, Bồ tát Thế Chí. Đây cũng vậy, Bồ tát Di Lặc.

-Ông đi đến thăm bệnh Duy Ma Cát.

Ngài Di Lặc bạch Phật rằng:

-Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì có sao? Vì con nhớ lại thuở xưa vì Thiên Vương ở cung Trời Đâu Suất và quyền thuộc của họ nói hạnh bất thối chuyển địa (nhớ chỗ này cho rõ, bất thối chuyển địa là tu hành không thối chuyển đó). Khi ấy ông Duy Ma Cát đến bảo con rằng: “Ngài Di Lặc! Đức Thế Tôn thọ ký cho nhân giả một đời thành Phật.

Vậy là dùng đời nào để được thọ ký cho nhân giả một đời thành Phật. Vậy là dùng đời nào để được thọ ký ư là đời quá khứ, đời vị lai hay đời hiện tại?

Nói rằng một đời được thọ ký, bây giờ đặt câu hỏi một đời là đời nào? Là quá khứ, hay vị lai hay hiện tại. Đây mới giảng trạch.

Nếu là quá khứ đó thì đời quá khứ đã diệt. Nếu là đời vị lai thì đời vị lai chưa đến. Nếu là đời hiện tại thì đời hiện tại không có dừng (hiện tại cũng sanh diệt luôn). Như lời Phật nói: Nay các Tỳ Kheo, nay chính ông khi này (đang lúc này) cũng sanh, cũng già, cũng chết (chữ diệt là chết). Nay chính ông, cái hiện tại này cũng có sanh, có già, có chết (dẫn câu đó làm chứng). Như vậy để thấy trong một đời hiện tại mà có cả sinh, già, chết.

Tức là ngay trong một khoảnh khắc đó có cả ba tướng: Sanh, già, chết. Như vậy làm sao nói hiện tại cho được. Như vậy chúng ta mới thấy làm sao? Ở đây Ngài Di Lặc?, Ngài bẻ ở chỗ nói rằng một đời nữa được thành Phật. Một đời nữa là đời nào? Đời quá khứ hay đời hiện tại hay đời vị lai? Quá khứ thì đã diệt. Vị lai thì chưa đến. Rồi hiện tại thì không dừng. Như vậy đời nào là được Phật thọ ký.

Như nói hiện tại, thì Phật trong kinh nói, Ngài nói với các Ngài Tỳ Kheo thân ông hiện già, nó có sanh, có già cũng có chết. Nếu nói thân mình hiện giờ sanh, già, chết thì đa số mình ít thấy. Nhưng xét theo bây giờ ta nói trong tế bào mình nó có sanh, có già, có chết hiện giờ không? Có những tế bào mới sanh, có những tế bào đã già, có những tế bào bị loại ra. Như vậy ngay trong thân của mình hiện tại nó đủ cả ba tướng: Sanh, già, chết. Như vậy làm sao có dừng mà nói cố định là lúc nào. Nếu do vô sanh được thọ ký thì vô sanh đó là chánh vị. Ở ngôi chân chính hay là ngôi vị chân thật. Ở trong ngôi vị chân chính đó cũng không có thọ ký, cũng không được thành Phật. Vì chỗ ??? [1] Như cũng được. Chân như có thọ ký, có được thành Phật không? Như vậy chỗ đó là chỗ không thọ ký, không thành Phật. Còn nếu ở chỗ sanh tức là nó nằm ở trong quá khứ, hiện tại, vị lai. Trong ba thời đều không có thật. Nói rằng được thọ ký là thọ ký ở trong cái sanh hay là thọ ký ở trong cái vô sanh, phải không? Sanh thì cũng không ổn. Vô sanh thì còn gì thọ ký và còn gì thành Phật. Như vậy cũng không ổn. Vậy thì tại sao, hay thế nào? Ngài Di Lặc nhận một đời thọ ký thành Phật ư! Ngài Di Lặc nhận rằng còn một đời thọ ký thành Phật. Đó là đặt lại câu hỏi.

Sanh thì không được. Còn vô sanh cũng không được. Là từ như sanh được thọ ký ư!

Là từ như sanh. Như sanh tức là như thật hay chân như mà sanh được thọ ký ư!

Hay là từ như diệt được thọ ký ư! Như sanh hay là như diệt. Nếu như sanh mà được thọ ký không được. Như diệt thọ ký cũng không được.

Tại sao? Nếu do như sanh mà được thọ ký, như không có sanh. Nếu do như diệt mà được thọ ký thì như không có diệt. Bởi vì chánh vị là chân như. Nếu từ chân như mà thọ ký thì chân như không sanh không diệt. Không sanh không diệt thì lấy gì để thọ ký.

Tất cả chúng sanh đều là như. Tất cả pháp cũng như.

Tất cả chúng sanh đều như đó đứng về mặt chân như mà nói thì tất cả chúng sanh là như. Tất cả pháp đều như.

Các vị thánh hiền cũng như. Cho đến Ngài Di Lặc cũng như.

Nếu Ngài Di Lặc được thọ ký thì tất cả chúng sanh ung cũng phải được thọ ký vì tất cả đều như. Lý luận của Ngài như vậy đó. Nếu từ như được thọ ký tức là từ chân như mà được thọ ký thì tất cả chúng sanh như, hiền thánh như, Di Lặc như. Nếu trên cái như đó mà được thọ ký, Ngài Di Lặc được thọ ký thì chúng sanh cũng được thọ ký.

Vì có sao? Phàm như thì không hai, nó cũng không khác.

Vì chỗ chân như thì nó còn gì hai, còn gì khác.

Nếu Di Lặc được vô thượng chánh đẳng chánh giác thì tất cả chúng sanh đều cũng nên được. Vì có sao? Vì tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ đề. Ngài Di Lặc có tướng Bồ đề thì tất cả chúng sanh cũng có tướng Bồ đề. Nếu Di Lặc được diệt độ thì tất cả chúng sanh cũng phải được diệt độ. Vì có sao? Vì chư Phật biết tất cả chúng sanh cứu cánh tịch diệt (tức là tướng Niết bàn) không lại, lại có diệt nữa.

Nghĩa là sao? Đã có sẵn tướng Niết bàn thì làm sao có cái diệt lần thứ hai nữa. Niết bàn là tịch diệt, tất cả chúng sanh đều có tướng Niết bàn, tức là đều có tướng tịch diệt. Bây giờ không lẽ lại có tịch diệt lần thứ hai.

Thế nên Di Lặc không có đem pháp này mà dạy bảo các chư Thiên, các Thiên tử. Thật không có phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng không có thời chuyển.

Vì Ngài Di Lặc đang dạy về hạnh bất thối chuyển. Bây giờ đứng về mặt thể chân thật, là chân như đó, thì nó không có tiến, không có lùi, không có sanh, không có diệt, không có đối đãi. Đã không tiến, không lùi, không sanh, không diệt thì làm sao có phát tâm Bồ đề. Làm sao có thối chuyển Bồ đề mà ông dạy hạnh bất thối chuyển.

Này Di Lặc, phải khiến cho những vị Thiên tử này bỏ cái kiến chấp phân biệt về Bồ đề.

Phân biệt Bồ đề là phân biệt gì? Phân biệt có thối chuyển Bồ đề và có bất thối chuyển Bồ đề. Dạy hạnh bất thối chuyển Bồ đề tức là có cái thối chuyển phải không? Thể Bồ đề có thối, bất thối không? Cho nên nói rằng đừng có dùng kiến chấp này mà dạy các vị Thiên tử.

Vì có sao? Vì Bồ đề không có thể do thân mà được. Cũng không có thể do thân mà được. Cũng không có thể do tâm mà được. Tịch diệt là Bồ đề vì diệt các tướng.

Bồ đề không thể do thân được, không thể do tâm được. Đây mới giải thích tại sao lại được Bồ đề.

Tịch diệt là Bồ đề vì diệt các tướng. Chẳng quán là Bồ đề vì lìa các duyên.

Phân nhiều khi mình quán là mình phân tích các duyên. Bây giờ nó đã lìa các duyên rồi, còn gì phân tích nữa.

Cho nên nói chẳng quán là Bồ đề vì lìa các tướng. Chẳng hành là Bồ đề vì không có ức niệm.

Chữ hành này tức là tâm hành. Tâm hành đó dứt rồi mới gọi là Bồ đề, vì lúc đó không còn có nghĩ, không còn có nhớ.

Đoạn là Bồ đề vì xả các kiến chấp. Lìa là Bồ đề vì lìa các vọng tưởng.

Như vậy quý vị mới thấy chúng ta buông vọng tưởng, không theo đó là lìa. Lìa cái đó là Bồ đề, chứ không gì lạ hết.

Chướng là Bồ đề vì chướng các nguyên.

Câu này dễ hiểu hay khó. Thường thường mình nói không chướng mới là Bồ đề. Tại sao ở đây nói chướng là Bồ đề, vì chướng các nguyện. Chướng là ngăn trở. Thường thường nguyện là cái mong mỏi hay là mong muốn. Tôi mong muốn thế nào đó, cái nguyện tôi như vậy. Cái nguyện là cái mong muốn. Nhưng đến chỗ chân thật tịch diệt rồi còn mong muốn hay không? Cho nên nó chặn hết, ngăn hết những mong muốn. Ấy là Bồ đề vì nó ngăn các cái nguyện.

Chẳng nhập là Bồ đề vì không tham trước.

Thường thường nói lục nhập. Tại sao thành lục nhập? Vì đối với sáu trần còn tham trước. Nó dính với sáu trần cho nên sáu trần mới vào. Đó là nói về lục nhập của thân. Còn nếu nói thân của chúng ta, sáu căn cũng còn gọi là lục nhập. Bởi vì sáu căn mà mình còn thích, còn ham được thân, còn thích được thân thì đó là tham trước. Không còn tham trước thân, đó là Bồ đề, vì nó không còn tham trước nữa.

Thuận là Bồ đề vì thuận nơi như.

Mình tùy thuận với chân như đó là Bồ đề thì Bồ đề là tùy thuận chân như.

Trụ là Bồ đề vì trụ pháp tánh.

An trụ nơi pháp tánh đó là Bồ đề.

Đến là Bồ đề vì đến là thật tế.

Bồ đề là chỗ thật tế không còn tướng đối đãi sinh diệt nữa.

Bất nhị là Bồ đề vì lìa ý pháp.

Luôn luôn ý mình duyên với pháp trần là hai chứ không rời hai được. Cho nên tới chỗ này là bất nhị. Tại sao? Vì nó đã lìa ý pháp. Ý duyên với pháp trần. Tất cả những ý niệm chúng ta dấy nên đều chạy theo pháp trần. Mà pháp trần là đối đãi, cho nên đều là hai. Đây là bất nhị là Bồ đề vì lìa ý pháp.

Bình đẳng là Bồ đề vì nó bình đẳng như hư không. Vô vi là Bồ đề vì nó không sinh, trụ và diệt.

Tướng nào còn nằm trong sanh, trụ, diệt thì gọi đó là hữu vi. Bồ đề này không còn sanh, trụ, diệt cho nên gọi là vô vi.

Tri là Bồ đề vì rõ biết tâm hành của chúng sanh.

Nghĩa là khi đạt được Bồ đề rồi thì thấy tâm hành của chúng sanh thế nào biết hết.

Chẳng hội là Bồ đề vì các cái không nhập.

Chữ hội này là hội hợp. Nếu các nhập hội hợp thì có thân hay không có thân. Đó là thành thân. Bây giờ không còn bị các nhập hội hợp nữa thì đó là Bồ đề. Tức là giải thoát sinh tử. Còn có các nhập chung hợp thì còn thân sanh tử. Hết các nhập chung hợp rồi tức là giải thoát sinh tử. Giải thoát sinh tử đó là Bồ đề.

Chẳng hiệp là Bồ đề vì lìa phiền não tập.

Phiền não là do nhóm hợp phải không? Phiền não nhóm hợp cũng như là tập đế đó. do phiền não nhóm hợp. Bây giờ do nhóm hợp không còn nữa, ấy là Bồ đề vì lìa sự nhóm hợp của phiền não.

Vô xứ là Bồ đề vì không có hình sắc.

Cái gì có hình sắc cho nên có xứ sở, có chỗ nơi. Cái không có hình sắc thì đâu có chỗ nơi. Nên tôi thường hay dẫn, tôi nói rằng người ta hỏi: “Chân tâm ở chỗ nào?”. Máy chú nói làm sao? Chân tâm nó ở trong hay ở ngoài hay chặng giữa. Nó đều không có chỗ. Nếu nói chỗ là trật là sai. Vì nếu nó có chỗ tức là có nơi chốn. Có nơi chốn tức là có hình sắc. Chân tâm thì không hình sắc, không nơi chốn. Nếu vừa nói có nơi chốn thì nó đã trật rồi. Cho nên câu hỏi chỗ nào là câu hỏi trật. Mình càng trả lời thì càng trật. Hiểu vậy thì mới thấy. Nên ở đây nói rằng không có chỗ nơi là Bồ đề vì nó không có hình sắc.

Giả danh là Bồ đề vì danh tự là không.

Nghĩa là khi mình biết tất cả ngôn ngữ, văn tự, tên tuổi... đều không thật, lúc đó là mình sống với Bồ đề vì biết được văn tự nó không thật.

Như hóa1 là Bồ đề vì không có thủ xả.

Nếu thấy các pháp như huyễn, như hóa thì lúc đó đâu có nhiễm, đâu có trước. Cho nên gọi là Bồ đề. Vì lúc đó không có thủ là nhiễm. Xả là ghét. Tức là ưa thì thủ, ghét thì xả. Bây giờ mình đã thấy các pháp như huyễn hóa rồi, không còn có cái thủ xả đó. Đó là Bồ đề.

Không loạn là Bồ đề vì thường tự tỉnh.

Tự tỉnh tức là lặng lẽ.

Thiện tịch là Bồ đề vì cái tánh nó thanh tịnh.

Thiện là khéo, tịch là lặng lẽ. Tức là khéo lặng lẽ. Đó là Bồ đề vì tánh nó thường trong sạch.

Không thủ là Bồ đề vì lìa các tha duyên. Không khác là Bồ đề vì các pháp bình đẳng. Không có so sánh là Bồ đề vì không có cái gì có thể thí dụ được. Vì diệu là Bồ đề vì các pháp khó biết.

Bởi vì nó mâu nhiệm, không thể suy lường được, đó là Bồ đề. Cho nên nói vì các pháp khó mà biết được.

Bạch Thế Tôn! Khi ông Duy Ma Cật nói pháp này, 200 Thiên tử được pháp vô sanh nhẫn. Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Như vậy đoạn này chúng ta thấy Ngài Duy Ma Cật muốn giải thích cho chúng ta hiểu thêm cái nhất sanh bất tử của Đức Phật thọ ký cho Ngài Di Lặc. Chữ thọ ký ở đây là nói rằng thọ ký một đời nữa sẽ thành Phật. Một đời là gì? Bây giờ mình tìm lại coi một đời là đời nào?

Trong ba thời thì không có cái thời thật. Trong ba đời không có thật thì làm sao nói một đời. Rồi cho tới thọ ký. Thọ ký thì căn cứ trên cái gì thọ ký? Nếu căn cứ trên chân như mà thọ ký thì chân như không sanh. Không sanh thì làm sao có một đời. Còn như không diệt thì làm sao có một đời. Như vậy tức là bên kia đứng về cái tướng sinh diệt của kiếp người mà nói, là một đời, hai đời. Mà đã đứng về cái sinh diệt của kiếp người, đó là tướng.

Bên này ông Duy Ma Cật đứng về chân như. Chân như tức là tánh. Như vậy cái tướng chỉ cho cái giả danh, tạm nói, tạm dùng, không thật. Cái tánh chân

thật bất sanh, bất diệt đó mới là cái chân thật. Cũng vậy cho nên ông chuyển lại nói thọ ký thì một đời, hai đời... cái đó là giả, không có thật. Vì vậy mà ông cật vấn còn chỗ chân thật là bất sanh bất diệt. Bất sanh bất diệt thì còn có cái gì mà nói thành Phật, phải không? Vì Phật đã sẵn. Phật đã sẵn rồi, thành cái gì. Chẳng lẽ thành lần thứ hai nữa. Bởi vậy tới chỗ đó mà đã sẵn, thì Phật đã có sẵn đó. Thì chúng sanh cũng sẵn có cái đó.

Ngài Di Lặc thành Phật thì chúng sanh cũng thành Phật, phải không? Vì tất cả đều có sẵn. Đó là cái ý để chỉ thẳng về đây là cái chân như hay cái Phật tánh. Mà chân như Phật tánh thì không có cái gì để gọi là thọ ký, để gọi là thành Phật hết. Nghĩa là mình hết phiền não, hết tất cả những tập khí sinh tử thì Niết Bàn hiện ra. Hết phiền não thì tính giác hiện tiền. Chớ không còn nói thọ ký thành Phật. Đó là đứng về mặt lý tánh mà ông nói. Bây giờ đến một Bồ tát khác.

Phật bảo Hoa Nghiêm Đồng Tử:

-Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Hoa nghiêm liền bạch Phật rằng:

-Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì có sao? Vì con nhớ thuở xưa, khi con ra khỏi đại thành Tỳ Xá Ly (có chỗ Tỳ Xá, Tỳ Da gì cũng được hết. Không có quan trọng) thì ông Duy Ma Cật mới vào trong thành (Ông thì đi ra. Ông Duy Ma Cật đi vào). Con liền chào (ở đây nói làm lễ thì nghe dễ hiểu lắm. Ông này cũng Bồ tát, mà ông kia là cư sĩ. Ông Bồ tát này gặp ông kia đánh lễ thì coi không được. Cho nên nói liền chào ông), hỏi rằng:

-Cư sĩ từ đâu mà đến đây?

Ông đáp con rằng:

-Tôi từ đạo tràng đến.

Con mới hỏi:

-Đạo tràng là ở chỗ nào?

Ông đáp:

-Trực tâm là đạo tràng, vì không có hư giả. Phát hạnh là đạo tràng vì hay biện sự (biện sự tức là hay làm mọi việc phát hạnh, là khi khởi làm công tác là đạo tràng, vì khéo làm tất cả việc). Thâm tâm là đạo tràng vì hay tăng trưởng hay tăng ích các công đức. Bồ đề tâm là đạo tràng vì không có lầm lẫn. Bồ thí là đạo tràng vì không mong quả báo. Trì giới là đạo tràng vì được các nguyện đầy đủ. Nhẫn nhục là đạo tràng vì đối với tâm chúng sanh không chướng ngại. Tinh tấn là đạo tràng vì không có lười biếng. Thiền định là đạo tràng vì tâm nó điều nhu. Trí tuệ là đạo tràng vì hiện thấy các pháp. Từ là đạo tràng vì bình đẳng đối với chúng sanh. Bi là đạo tràng vì nhẫn chịu những sự đau khổ. Hỷ là đạo tràng vì ưa thích các pháp. Xả là đạo tràng vì bỏ được, dứt được cái tắng ái (tức là cái yêu ghét). Thần thông là đạo tràng vì thành tựu được lục thông. Giải thoát là đạo tràng vì hay bội xả (hay bội là trói, xả là bỏ). Phương tiện là đạo tràng vì hay giáo hóa chúng sanh. Tứ nhiếp pháp là đạo tràng vì hay nhiếp phục chúng sanh. Đa văn là đạo tràng vì như cái nghe mà thực hành. Phục tâm là đạo tràng vì chánh quán các pháp. 37 phẩm trợ đạo là đạo tràng vì bỏ các pháp hữu vi. Tứ đế là đạo tràng vì không dối thế gian. Duyên khởi là đạo tràng vì vô minh cho đến lão, tử đều không cùng tận.

Chỗ này dễ hiểu không? duyên khởi là đạo tràng vì vô minh cho đến lão, tử đều không cùng tận. Vô minh tức là cái đầu. Mà lão, tử là cái cuối của 12 nhân duyên không cùng tận. Tại sao nói duyên khởi là đạo tràng? Bởi vì nếu mình thấy 12 nhân duyên, nếu mê không biết, nên nó dẫn mình sanh tử không cùng. Bây giờ mình biết 12 nhân duyên là do duyên hợp mà có, chớ không thực, không tự tánh. Như vậy đó là đạo tràng. Nên nói rằng duyên khởi là đạo tràng vì vô minh cho đến lão tử không cùng tận.

Các phiền não là đạo tràng vì nó như thật. Phiền não là đạo tràng. Như vậy phiền não có phải là đạo tràng không? Mấy chú nổi giận lên có phải đạo tràng chưa? Nếu nổi giận mà nói đạo tràng thật là khó hiểu, phải không? Nhưng mà sự thật khi phiền não dấy lên liền biết phiền não là không thật, phiền não là không tự tánh, thì đó là đạo tràng rồi, phải không? Người ta cứ muốn tìm cái chân chính ở ngoài cái tà ngụy. Nhưng sự thật biết được cái tà ngụy đó là chân chính rồi. Ngay

nơi phiền não mà biết được phiền não nó không thật. Phiền não nó hư dối. Biết được như vậy đó là đạo tràng. Như vậy nghe như khó hiểu mà đó là một lẽ thật.

Chúng sanh là đạo tràng vì biết vô ngã.

Chúng sanh như chúng bây giờ ai cũng có thân. Mà khi có thân, ngay nơi thân này mình khởi chấp cái thân này là thật, thì đó là chúng sanh mê muội. Ngay nơi thân này mà biết duyên hợp hư dối, không có chủ, không có ngã, thì đó là vô ngã. Như vậy ngay nơi thân chúng sanh mà thấy vô ngã. Chớ có cái vô ngã ngoài chúng sanh đâu. Cho nên hiểu rồi thì chính cái dở đó mà mình biết thì nó trở thành hay. Ngay nơi thân chúng sanh mà biết được thì nó là đạo tràng, chớ không có gì lạ hết. Vì nó là vô ngã.

Tất cả pháp là đạo tràng vì biết các pháp không?

Không là không tự tánh.

Hàng ma là đạo tràng vì không bị khuynh động. Ba cõi là đạo tràng vì nó không có chỗ đến.

Trong ba cõi này mà mình không có tạo nghiệp để sanh trong tam giới thì ba cõi là đạo tràng chớ gì.

Sư tử hầu (hay sư tử hồng) là đạo tràng vì không có chỗ sợ. Ngũ lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp vì không có các lỗi lầm. Tam minh là đạo tràng vì không các chương ngại khác. Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng vì thành tựu nhất thiết trí.

Như vậy mấy chú mới thấy nhất thiết trí là gì? Tức là một tâm mà biết tất cả pháp. Gọi nó là nhất thiết trí.

Như thế này thiện nam tử, Bồ tát nếu nên đối với các Ba La Mật, dùng các Ba La Mật mà giáo hóa chúng sanh. Các cái đó tạo tác ra nào là giờ chân, hạ chân, phải biết đều là từ trong đạo tràng mà lại. Đều là trụ ở chỗ Phật pháp vậy.

Như vậy đây là ông kết luận. Ông kết luận rằng bây giờ các ông nên biết nếu Bồ tát dùng pháp lục Ba La Mật giáo hóa chúng sanh, như vậy có làm ra cái gì.

Đây kể từ giờ chân hay là giờ chân lên, để chân xuống, bước đi nơi nào, nơi nào, đều là ở trong đạo tràng, đều là trụ ở Phật pháp.

Khi nói pháp này thì 500 vị Trời, người đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.



PHẦN 11

Chỗ này làm cho chúng ta sáng thêm về ý nghĩa đạo tràng. Thường thường nói đạo tràng là cái gì? Chỗ tràng là trường, là chỗ, là nơi mà mình tụ hội lại để nghe kinh, để học đạo, để tụng, để ngồi thiền... chỗ đó thường gọi là đạo tràng phải không? đạo tràng là nơi tụ hội để học đạo, để tu thì gọi đó là đạo tràng. Thường nếu mình nghe nói người đó từ đạo tràng ra, thí dụ có người ở trong thành phố ra, họ tới trước cửa Thường Chiếu. Ra tới đó thấy có người ở trong cổng Thường Chiếu đi ra. Hỏi huynh ở đâu lại. Nói làm sao? Nói tôi ở trong đạo tràng Thường Chiếu mới ra, phải không? Nói đạo tràng tức là chỗ tu. Từ chỗ tu mà ra. Còn cái này một ông từ trong thành đi ra, ông nọ ngoài thành đi vào, không có chùa chiền, không có tịnh xã, không có gì hết, mà đi vào chợ. Hỏi ông từ đâu vào, nói từ đạo tràng vào. Như vậy cái đạo tràng của ông Duy Ma Cật khác với cái đạo tràng mà quan niệm các người tu bây giờ hay người tu thuở đó. Như vậy cái đạo tràng của chúng ta thấy là đạo tràng hình tướng. Chỗ hội họp tu hành thì gọi đó là đạo tràng. Còn đạo tràng của ông Duy Ma Cật thấy là đạo tràng gì? Đạo tràng ở ngay trong tâm hạnh của mình, phải không? Trong tâm mình mà làm những điều tốt, làm những điều hay, ứng dụng những pháp để được tỉnh giác thì đó là đạo tràng. Dù đi đâu, dù ở chỗ nào mà mình đều sống được với những cái đó thì chỗ nào cũng là đạo tràng hết. Còn nếu mình ngồi thiền ở trên chùa, đó là đạo tràng không? Là đạo tràng rồi. Nhưng lúc đó tâm mình nghĩ xấu, nghĩ bậy thì lúc đó phải đạo tràng không? Vậy thì đạo tràng của chúng ta chỉ là đạo tràng hình thức. Chớ còn chưa đi sâu trong vào tâm tánh.

Còn ông Duy Ma Cật nói đạo tràng là đi thẳng vào tâm tánh. Cho nên ông mới dẫn những điều ông nói trực tâm là đạo tràng, rồi phát hạnh là đạo tràng. Hai câu đó quý vị thấy, trực tâm là đi thẳng vào tâm ngay thẳng, đó là đạo tràng. Phát hạnh đó là việc làm. Khởi làm những điều thiện, đó là đạo tràng. Rồi thâm tâm là đạo tràng. Bồ Đề tâm là đạo tràng. Rồi Bồ Thí là đạo tràng. Trì giới là đạo tràng.

Chớ tới lục độ đều là đạo tràng hết. Như vậy cho tới hàng ma nè, cho tới giảng pháp, giảng kinh... lúc nào cũng là đạo tràng.

Nói tóm lại cho dễ hiểu, đạo tràng của ông Duy Ma Cật là đạo tràng của tự tâm, đạo tràng của hành động chân thật, từ tâm chân thật phát hiện. Như vậy những cái đó điều là đạo tràng. Đạo tràng đó rất là bao la, rất là rộng rãi, phải không? Bởi vì ở đâu mà chúng ta tâm được thanh tịnh, tâm hợp với đạo lý, ở đó có đạo tràng. Ở đây mà chúng làm lợi ích cho chúng sanh, làm lợi ích cho mọi người mà không có ngã, không có người thì chỗ đó cũng là đạo tràng.

Như vậy hiểu được nghĩa đạo tràng này chúng ta mới thấy, người tu có khi ở chỗ vắng vẻ, ở trong chùa, ở những ngôi tịnh xá để tâm an lành tu. Nhưng cũng có khi mình phải đi giáo hóa nơi này nơi nọ, ở chỗ chợ búa, xóm làng. Nhưng nếu ở trong chùa, ở tại tịnh xá mà mình được thanh tịnh, tâm ý trong sạch, việc làm trong sạch thì đó là đạo tràng. Đi ra chợ búa, vào xóm làng mà tâm thanh tịnh, việc làm thanh tịnh thì ở đó cũng đạo tràng. Đừng vì chấp phải ở chùa, phải ở tịnh xá mới đạo tràng. Ra chợ búa, vào làng xóm không phải đạo tràng. Nếu mình chấp như vậy đó là bệnh, phải không? Cho nên hành động của Bồ Tát là luôn luôn mở rộng. Chỉ nhắm vào tâm. Bởi nhắm vào tâm cho nên có khi hành động ở chỗ không hợp đạo lý mà vẫn thấy đạo lý. vì các Ngài không kẹt, không mắc. Hiểu vậy mới thấy ý nghĩa của đoạn này.

Phật bảo Bồ Tát Kỳ Thế:

-Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Bồ Tát Kỳ Thế bạch Phật rằng:

-Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì có sao? Con nhớ lại thuở xưa con ở trong tịnh thất. Khi đó Ma Ba Tuần đem 1 muôn 2000 Thiên nữ, dáng giống như là Đế Thích, đánh nhạc, ca hát, đi đến chỗ của con cùng những quyến thuộc của nó, đầu lễ dưới chân con, chấp tay cung kính đứng qua một bên. Con nghĩ nó là Đế Thích nên nói rằng: Lành thay! Kiều Thi Ca. Tuy có

cái phước được như vậy. không có nên tự buông lung. Phải quán ngũ dục là vô thường để gốc lành nơi thân, mạng, tài mà tu pháp kiên cố.

Liền khi ấy chúng nói với con rằng:

-Này Chánh Sĩ! nên nhận 1 muôn 2000 Thiên nữ này có thể đủ để quét dọn cái thất của Ngài.

Còn nói rằng:

-Kiều Thi Ca! Không nên đem vật phi pháp mà cúng dường cho Sa môn Thích Tử. Đây không phải chỗ ta nên nhận.

Con vừa nói rồi thì khi ấy có ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng:

-Không phải là Đế Thích. Ấuý là ma nó đến nhiễu loạn ông vậy!

Như vậy đoạn này là Ngài Kỳ Thế tuy là Bồ Tát rồi, nhưng Ngài con tu hạnh rất thanh tịnh ở chỗ thất vắng. Tâm hồn Bồ Tát nhưng chưa nhập thế, còn yên tu thanh tịnh. Cho nên ma đánh lừa Ngài. Nó tới giả ra Thiên Đế Thích. Ngài tưởng thiệt là Thiên Đế Thích. Nó thưa hỏi xong xuôi, nó còn đem 1 muôn 2000 Thiên nữ cúng dường cho Ngài. Ngài nghĩ mình là người tu. Như vậy Bồ Tát này là Bồ Tát xuất gia phải không? Cho nên nghiêm trì giới luật, nói không được ông đem nhưng người này cúng cho ta là phi pháp. Ta không nhận. Lúc đó gặp ông Duy Ma Cật, tức là ông già bụi đời. Cho nên gặp ông thì ông nhận hết. Khi gặp ông rồi, ông liền giảng trách cho Ngài Kỳ Thế biết rằng đó không phải là Thiên Đế Thích, mà là Ma Ba Tuần. Để cho Ngài biết Ngài đã lầm. Bây giờ đây là ông bắt đầu nói chuyện với ma.

Ngài Duy Ma Cật liền nói với ma rằng:

-Những người nữ này có thể đem cho tôi. Như tôi thì mới đáng mà nhận (Đáng thọ nhận).

Ma liền hoảng sợ, nghĩ rằng ông Duy Ma Cật đâu không làm não hại ta. Muốn ẩn hình đi (tức muốn tàng hình trốn đi) mà không thể ẩn. Dùng hết thần lực của nó cũng không thể đi được. Liền nghe trong hư không có tiếng rằng:

-Ba Tuần, hãy đem những người nữ này cho đi (nghĩa là cho ông đó) thì mới có thể đi được.

Ma vì sợ nên mới miễn cưỡng mà cho (sợ quá miễn cưỡng cho. Khi ma cho thì Ngài nói làm sao.). Khi ấy Ngài Duy Ma Cật mới bảo những người nữ ấy rằng:

-Ma đã đem các chị cho tôi rồi. Nay các chị đều phải phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Mình giải nghĩa có đầu đuôi gốc ngọn. Lát chị, lát người, nghe lộn xộn. Ăn nói không có trật tự, phải không? Nếu là chị thì chị hết. Người thì người hết. Gặp chữ “tỷ” thì gọi là chị. Gặp chữ “nhĩ” thì gọi là người. Cũng nói với mấy người đó thôi mà sao lộn xộn vậy. Cho nên ở đây phải biết rõ.

Liên tùy căn cơ thích hợp mà vì nói pháp, khiến cho các vị đó phát đạo ý. Lại nói rằng:

-Các chị đã phát đạo ý, có pháp lạc có thể tự vui. Không nên lại vui theo ngũ dục nữa.

Các Thiên nữ liền hỏi rằng:

-Những gì là pháp lạc?

Ngài đáp rằng:

-Cái lạc thường tin nơi Phật. Cái lạc vốn nghe pháp. Cái lạc cúng dường chúng Tăng.

Như vậy 3 cái vui đầu của người học đạo. Cái vui thứ nhất là tin Phật. Cái vui thứ 2 là nghe pháp. Cái vui thứ 3 là cúng dường chúng Tăng. Đó là ba cái vui. Ba cái vui đầu là vui về Tam bảo. Rồi tới cái vui kế, vui lìa ngũ dục.

Vui quán ngũ âm như là quán tặc. Vui quán tứ đại như là răn độc. Vui quán nội nhập như là cái xóm rộng¹ (hay là cái nhóm rộng).

Mấy cái vui này là vui gì? Ba cái vui trước là vui đối với tam bảo. Vòn vui lìa ngũ dục. Vui quán 5 âm như quán tặc. Vui quán tứ đại như răn độc. Vui quán các nhập hay là nội nhập như là nhóm rộng. Cái vui đó là vui về cái gì? Vui nhìn

vào cái thân của mình. Thân của mình đầu tiên thì phải làm sao? Là ngũ dục. Là ngũ dục đó là vui. Rồi vui xét thấy thân 5 ấm này như oán tặc, tức là như giặc thù. Năm ấm làm sao như giặc thù? Bởi vì thân 5 ấm này luôn luôn là phiền nhiễu, luôn luôn là khổ đau. Cho nên nói không có cái gì là vui thích. Không có cái gì đáng cho mình phải mến yêu, mà mình lại làm sanh ra mến yêu nó. Cho nên phải quán thân năm ấm này như là oán tặc. Rồi vui quán tứ đại như 4 con rắn độc, nó chực hại nhau. Mình hằng quán thích quán như vậy, đó là vui. Rồi vui quán nội nhập, tức là lục nhập của mình, như là một nhóm rỗng vậy thôi, không có cái gì thật hết.

Như vậy trong mấy cái vui, cộng lại mấy cái? Vui liả ngũ dục là một. Vui quán 5 ấm như oán tặc là 2. Quán tứ đại như rắn độc là 3. Vui quán lục nhập như nhóm rỗng là 4. Bốn cái vui này là nhìn thẳng vào thân của mình.

Vui tùy hộ đạo ý. Vui làm lợi ích cho chúng sanh. Vui cung kính bậc sư trưởng.

Ba cái vui này về cái gì? Tùy hộ đạo ý tức là vui tùy hỷ. Ai có tâm đạo mình bảo bọc cho họ để tâm đạo không bị mất, không bị lui sụt. Đó cũng là cái vui của mình. Vui làm lợi ích cho chúng sanh. Rồi vui cung kính các bậc sư trưởng. Hay là vui cúng dường cung kính các bậc sư trưởng. Đó là ba cái vui bên ngoài, thầy bạn. Rồi tới cái

Vui rộng làm việc Bồ thí. Cái vui để gìn giữ giới cho được vững vàng. Cái vui nhẫn nhục được như hòa. Cái vui siêng năng làm các căn lành. Cái vui thiên định không có loạn. Cái vui liả cầu được trí tuệ sáng suốt.

Mấy cái vui này thuộc về vui gì. Cái gì? Là cái vui lục độ phải không? Thứ nhất là vui Bồ thí. Thứ hai là vui Trì giới. Thứ 3 là vui Nhẫn nhục. Thứ 4 là vui Tinh tấn. Thứ 5 là vui Thiên định. Thứ 6 là vui Trí tuệ. Mỗi khi làm một pháp đều có lợi ích của riêng nó. Cho nên Thiên định thì tâm không loạn. Trí tuệ thì liả được cầu.

Vui rộng phát tâm Bồ đề rộng rãi. Cái vui hàng phục các ma. Vui đoạn các thứ phiền não. Vui là thanh tịnh cõi nước Phật. Cái vui thành tựu những tướng tốt. Cho nên tu các công đức cái vui trang nghiêm đạo tràng.

Như vậy mấy cái vui? Vui khi phát Bồ đề tâm rộng lớn. Vui hàng phục các ma. Rồi vui đoạn trừ phiền não. Vui là thanh tịnh cõi nước Phật. Vui thành tựu các tướng tốt. Vui trang nghiêm đạo tràng. Mấy cái vui đó là vui tu những công đức để được dứt hết phiền não. Dứt hết các ma và trang nghiêm cõi Phật, trang nghiêm đạo tràng.

Vui nghe những pháp thâm sâu mà không sợ. Vui ba môn giải thoát chẳng ưa việc phi thời.

Hai cái vui này, vui nghe pháp mà thích tam giải thoát môn (tam giải thoát môn là không, vô tướng, vô nguyện).

Vui gần những người đồng học. Vui đối với những người không phải đồng học mà tâm không giận cũng không có ngại. Vui đem sự bảo hộ những người ác tri thức. Vui gần gũi những thiện tri thức.

Mấy cái vui này nó hơi khó. Vui thứ 1 gần gũi bạn đồng học thì dễ phải không? Cái vui thứ 2 là những người không phải là bạn đồng học mà tâm không có sân, cũng không có ngại với họ nữa. Vui đó dễ hay khó. Người đó không phải là bạn đồng học tức người không phải cùng một tư giống mình, cùng một tâm trọng tu hành giống mình. baay giừo họ ngược ngạo với mình, mình sống chung với họ, mình không giận, cũng không có chướng ngại gì hết. Vui đó dễ hay khó? Cái đó ráng tập vui đó. Vui đó mới là vui tiến bộ dữ à! Kế đó vui đem bảo bọc cho những người ác tri thức nữa. Thiện tri thức mình bảo bọc phải rồi, bỗn phận phải không? Aic tri thức mình cũng bảo hộ họ nữa. Như vậy cái vui đó dễ hay khó? Người mình biết là ác tri thức đó, mình làm sao? Mình ghét. Tìm cách này cách nọ cách kia, mình tổng họ đi phải không? Họ đi được là vui. Bây giờ họ ở mình mình phải vui với họ đó dễ hay khó. Như vậy mà vui được đó mới thật là học hạnh của Bồ tát. Các khó làm của người tu theo hạnh Bồ tát là ở chỗ đó. Những cái thông thường,

hợp đạo, hợp lý mình vui thì phải. Cái không hợp đạo lý mà mình cũng vẫn vui với họ. Điều đó hết sức là khó.

Như vậy hai phần ở đây thấy rõ. Phần thứ nhất là gần những bạn đồng học, đó là người thuận chiều. Phần thứ 2 là những người không đồng học mà mình cũng không giận, không ngại, đó là cái nghịch chiều. Rồi tới cái sau là đối với thiện tri thức thì mình gần gũi. Thân cận, gần gũi đó thuận chiều. Ác tri thức mà mình vẫn bảo hộ họ, đó là nghịch chiều. Như vậy hai chiều thuận và nghịch mình vẫn xử sự đều tốt hết. Đó mới là tâm của Bồ Tát.

Vui tâm hỷ thanh tịnh. Vui tu vô lượng đạo pháp (hay là đạo phẩm). Ấy là pháp vui của những vị Bồ Tát.

Như vậy các pháp vui của Bồ Tát, ở đây quý vị thấy mình dễ được cái pháp vui đó không? Nghĩa là vui tâm tùy hỷ được thanh tịnh. Vui tu hết vô lượng đạo pháp. Cái đó tương đối cũng dễ. Còn mấy cái trên thật là khó. Nhưng muốn được nguồn vui đó mình phải ráng hằng ngày, hằng tháng, hằng năm huân tập những tính tốt. Những tính tốt: Nhẫn nhục, nhu hòa để tránh những điều trái mà mình không bị chướng.

Khi ấy Ba Tuần mới bảo những Thiên nữ rằng:

-Tôi muốn cùng các vị trở về Thiên cung.

Các vị Thiên nữ mới nói:

-Đã đem chúng tôi cho ông Cư sĩ này rồi, có pháp vui, chúng tôi rất là vui. Không có trở lại vui cái vui ngũ dục nữa.

Mới giảng sơ mấy bà đã được vui rồi, phải không? Còn quý vị nghe có vui chưa? Như vậy thì thua, thua mấy bà Thiên nữ ở trên kia. Cho nên phải biết, cái pháp Bồ Tát nó khó nhưng người có tâm dễ nhận dễ hiểu đó là cũng có chủng tử tốt rồi. Nhiều khi chúng ta cứ một bề nói họ là ma thì cho họ là đủ thứ xấu hết. Nhưng biết đâu ma phát tâm cũng tốt vậy. còn nhiều khi mình tu mình tốt. Cũng có khi mình cũng có phát tâm xấu vậy, phải không? Cho nên đừng làm cho ma 1 bề xấu hết. Có khi nó cũng tốt.

Ma vương liền nói với cư sĩ:

-Ông có thể xả những người nữ này (Bây giờ ông mới lấy đạo lý nói đây).
Tất cả những cái gì mình có mà đem thí cho người, ấy mới gọi là Bồ Tát.

Nếu ông tu Bồ Tát hạnh thì tất cả cái gì mình có nên thí cho người mới gọi là Bồ Tát. Bây giờ thí hết mấy người nữ này trả về cho tôi, Ngài mới là Bồ Tát hạnh chớ.

Ông Duy Ma Cật liền bảo:

-Tôi đã xả rồi. Ông hãy đem những người đó đi, khiến cho tất cả chúng sanh được cái pháp nguyên đầy đủ.

Tôi xả, muốn nguyện cho tất cả chúng sanh đều được pháp nguyên đầy đủ.

Khi ấy những vị Thiên nữ hỏi ông Duy Ma Cật rằng:

-Chúng tôi làm sao mà ở trong cung ma được?

Ông Duy Ma Cật mới nói:

-Vì phát Bồ Đề tâm rồi. Mà pháp Bồ Đề tâm thì ra khỏi cung ma chớ ở cung ma sao được. Nay các chị, có pháp môn tên là Vô Tận Đăng. Các chị phải học Vô Tận Đăng đó. Thí như có ngọn đèn sáng, rồi mỗi trăm ngàn ngọn đèn, những chỗ tối đều sáng. Sáng trọn không cùng tận. Như thế các chị phàm một vị Bồ Tát đã mở được đạo (tức là đã khai mở con đường đạo) thì trăm ngàn chúng sanh khiến đều được phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đối với đạo kia ý cũng không có diệt hết. Tùy chỗ nói pháp mà tự tăng trưởng lợi ích tất cả pháp lành, ấy gọi là Vô Tận Đăng.

Bây giờ ông mới giảng pháp Vô Tận Đăng cho mấy vị ma nữ này biết. Tuy rằng ở trên cung ma nhưng một người đã sáng, thì giống như một ngọn đèn đã thắp sáng thì có trăm ngàn ngọn đèn khác đem tới mỗi đều sáng, phải không? Một ngọn đèn sáng, thì trăm ngàn ngọn đèn khác mỗi cũng được sáng. Mà trăm ngàn ngọn đèn mỗi đều sáng, thì còn chỗ nào tối không? Tất cả chỗ tối đều sáng hết. Như vậy gọi đó là Vô Tận Đăng. Bây giờ quý vị đã phát tâm Bồ Đề rồi thì lên cung

ma hướng dẫn người ta. Khai đạo tức là hướng dẫn người ta cho được trăm ngàn chúng sanh phát tâm vô thượng Bồ đề nữa.

Như vậy đối với đạo ý của những người đó nó không có diệt hết. Tùy chỗ nói pháp làm cho tăng trưởng những điều lành. Đó gọi là Vô Tận Đăng.

Các chị tuy ở trong cung ma, do pháp Vô Tận Đăng này khiến cho vô số Thiên tử, Thiên nữ phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác để mà đền ơn Phật, cũng là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh vậy.

Như vậy ở ngay trong cung ma mà đem pháp Phật này để giáo hóa cho người ta đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vậy là đền ơn Phật, là làm lợi ích cho chúng sanh. Đó vẫn là tốt, vẫn làm đạo được.

Khi ấy Thiên nữ đầu lễ dưới chân ông Duy Ma Cật rồi đi theo ma trở về cung, bỗng nhiên chẳng hiện.

Bạch Thế Tôn! Ông Duy Ma Cật có thần lực trí tuệ biện tài tự tại như thế cho nên con không kham đến thăm bệnh ông.

Như vậy đoạn này có ý nghĩa thế nào? Bởi vì lâu nay chúng ta có quan niệm kêu bằng hơi chấp cứng, chấp chặt, cái gì là ma là cái đó đáng ghét, đáng sợ, phải không? Có ai không sợ ma không? Bởi vì ma là cái gì đáng ghét, cái gì đáng sợ. Tưởng chừng ma không bao giờ phát tâm Bồ đề được. Tưởng không bao giờ ma chịu tu phải không? Mình luôn luôn nói phá sự tu. Phá tu thì làm gì ma tu được. Nhưng ở đây cái hình ảnh ma phát tâm Bồ đề để cho chúng ta thấy rằng, ma là ngầm nói lên những người xấu, người ác. Những kẻ xấu, ác, chúng ta cứ quan niệm người nào xấu, người nào ác là người đó không thể tu. Nhưng đó là tại mình chưa có phương tiện phải không? Bởi mình chưa đủ phương tiện. Cũng như ở đây Ngài Kỳ Thế cũng là Bồ tát nhưng nó nói gạt Ngài, Ngài cũng bị gạt tình bợn, phải không?

Còn ông Duy Ma Cật cũng là hạnh Bồ tát nhưng thấy nó liền biết. biết liền ngay trong khi nói tới, nó phá, nó làm nhiễu loạn Bồ tát. Ngược lại Ngài Duy Ma Cật giáo hóa nó trở thành phát tâm Bồ đề. Như vậy ma thật xấu hay là không xấu.

Sở dĩ ma 1 bề nhiều loạn chúng ta là tại sao? Tại vì chúng ta không có cái phương tiện phải không? Không có đủ sức thần thông phương tiện để chuyển hóa nó, cho nên nó phá chúng ta. Ngược lại chúng ta có đủ phương tiện thì chúng ta chuyển nó được.

Như vậy qua câu chuyện này chúng ta lại càng thấy rõ hơn những người chung quanh mình. có nhiều người cho là xấu, là ác, không thể xài được. Cái đó lỗi tại họ mà cũng lỗi tại ai nữa? Tại sao mình lỗi? Tại mình chưa đủ trí tuệ, tài năng để chuyển họ. Chớ nếu ai đủ trí tuệ, tài năng thì cũng chuyển họ được. Như vậy họ là bầm sinh không tốt rồi chúng ta cũng thiếu tài ba nữa, phải không? Như vậy họ 1 phần lỗi, mình cũng 1 phần lỗi, chứ đừng đổ trút cho họ hết. Cái thứ này xài không được. Không phải vậy. cũng có cái lỗi là mình không nổi hay là mình không đủ khả năng để chuyển hóa họ.

Như vậy quý vị thấy 2 vị Bồ tát, ông Bồ tát xuất gia, ông Bồ tát cư sĩ, phải không? Mà ông Bồ tát xuất gia bị nó gạt. Ông Bồ tát cư sĩ lại giáo hóa được nó. Như vậy đâu phải là 1 bề ma chỉ có hại người thôi. Ma nếu khéo chuyển thì nó cũng phát Bồ đề tâm được vậy. Cho nên dù cho kẻ trộm, kẻ cướp, những kẻ xấu xa, nếu chúng ta có đủ phương tiện, có đủ đức độ, cũng có thể cảm hóa nó được, chứ không phải là kẻ thường thôi. Còn cảm hóa không được là chúng ta chưa đủ tài năng đức độ. Chứ không phải một bề trút tội trên đầu họ hết, mà mình cũng có một phần trách nhiệm trong đó. Hiểu như vậy, thấy như vậy mình mới là người sáng suốt, là người thực công bình.



PHẦN 12

Phật bảo Thiện Đức, con ông Trưởng giải:

-Ông đi đến chỗ ông Duy Ma Cật để thăm bệnh.

Ông Thiện Đức bạch Phật rằng:

-Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì có sao? Con nhớ thuở xưa con tự ở trong nhà ba con mà lập hội đại thí cúng dường tất cả vị Sa môn, Bà la môn và những người ngoại đạo, bản cùng, hạ tiện, cô độc, người ăn xin, đầy đủ 7 ngày. Khi ấy ông Duy Ma Cật đến trong nhà bảo con rằng:

-Này con ông Trưởng giả, phạm làm đại thí hội thì không phải là việc như ông đã làm. Phải làm cái hội pháp thí, đâu có dùng hội tài thí làm gì.

Con mới nói:

-Này cư sĩ, thế nào là là hội pháp thí?

Ông mới đáp:

-Hội pháp thí là không trước không sau. Đồng thời cúng dường tất cả chúng sanh. Ấy gọi là hội pháp thí.

Con hỏi rằng:

-Làm thế nào?

Ông ấy bảo:

-Do Bồ tát mà khởi tâm từ. Do cứu chúng sanh mà khởi tâm đại bi. Do gìn giữ chánh pháp mà khởi tâm hỷ. Do nhiếp trí tuệ mà hành tâm xả.

Như vậy bốn tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Sở dĩ có tâm từ là nơi tâm Bồ đề mà khởi lòng từ. Sở dĩ có tâm Bi vì cứu chúng sanh mà khởi tâm bi. Sở dĩ có tâm Hỷ vì gìn giữ chánh pháp nên có tâm hỷ. Sở dĩ có tâm xả vì mình nhiếp được trí tuệ nên có tâm xả.

Như vậy ai mà xả được là người có trí tuệ. Còn ai mà hỷ được là do nhiếp được chánh pháp. Ai có tâm bi là vì muốn cứu chúng sanh. Sai khởi tâm từ vì

thấy Bồ đề là giác, quý trọng, cho nên mình muốn đem cái quý trọng an vui cho người, là có tâm từ. Đó là bốn pháp Từ, Bi, Hỷ, Xả rồi. Bây giờ tới gì nữa.

Do nhiếp xan tham cho nên khởi Bồ thí. Do giáo hóa phạm giới cho nên khởi nhẫn nhục. Do lìa tướng thân tâm cho nên khởi Tinh Tấn. Do tướng Bồ đề cho nên khởi Thiên Ba La Mật. Do Nhất Thiết Trí cho nên khởi Bát Nhã Ba La Mật.

Như vậy là Lục Độ. trước là Tứ Vô Lượng Tâm. Đây là Lục Độ. Lục Độ thì mỗi độ đều có căn do. Vì nhiếp kẻ xan tham cho nên mới tu bố thí. Vì bố thí kẻ phạm giới nên mình mới tu trì giới... Như vậy mỗi pháp của lục độ đều trị một bệnh của chúng sanh.

Do giáo hóa chúng sanh mà khởi cái không. Do chẳng xả pháp hữu vi mà khởi vô tướng. Do thị hiện thọ sanh mà khởi vô tác

Đây là không. Vô tác là tam giải thoát môn đó. Sở dĩ có tam giải thoát môn là vì mới khởi ra. Rồi do xả pháp hữu vi cho nên mới vô tướng. Do thị hiện độ sanh nên mới khởi vô tác. Như vậy ba cái: Không, vô tướng, vô tác. Hay không, vô tướng, vô nguyện đều là có lý do mà khởi.

Do hộ trì chánh pháp mà khởi sức phương tiện. Do độ chúng sanh mà khởi Tứ Nhiếp Pháp. Do kính sợ (tức là sự kính thờ) tất cả nên khởi trừ pháp mạn. Đối với thân, mạng, tài ba cái đó mà khởi ba pháp kiên cố. Ở trong lục niệm mà khởi pháp Tứ niệmj. Ở trong lục hòa kính mà khởi tâm chánh trực.

Như vậy đoạn này nói những pháp tu. Đầu tiên là vì trì chánh pháp khởi lục phương tiện. Dùng phương tiện đó là bủa hộ chánh pháp. Rồi vì độ chúng sanh mà khởi Tứ Nhiếp Pháp. Phương tiện là Tứ Nhiếp Pháp. Rồi do kính thờ tất cả nên mới trừ pháp mạn (tức là ngã mạn đó). Mạn này nói chung là ngã mạn, rồi Tăng thượng mạn... Đủ trong đó hết. Cho nên nói chữ mạn là đủ trong mấy thứ mạn.

Đối với thân, mạng, tài. Thân mình nè, mạng sống của mình, tiền của của mình mà khởi ba pháp kiên cố. Quý vị biết ba pháp kiên cố đó là ba pháp gì không? Một là pháp thân. Hai là huệ mạng. Ba là công đức, pháp tài. Gọi là ba pháp kiên

cổ đó. Thay vì mình cũng ba pháp là thân, mạng, tài. Thân này thì vô thương. Mạng này là tạm bợ. Tài sản là vô thường, phải không? Như vậy ba cái là tạm bợ vô thường. Đổi lại ba pháp kiên cố là pháp thân, là bất sanh bất diệt. Trí tuệ là mạng, thì mạng đó không có bị sinh diệt. Rồi tài là công đức pháp tài. Ba cái đó là ba pháp kiên cố đó.

Ở trong lục niệm mà khởi niệm tư pháp, khởi pháp tư niệm. Lục niệm, quý vị biết lục niệm là cái gì không? Một là niệm Phật. Hai là niệm Pháp. Ba là niệm Tăng. Bốn là niệm Thiên. Năm là niệm giới. Sáu là niệm thí, đó là lục niệm, ở trong lục niệm. Như vậy trong lục niệm đó khởi ra pháp tư niệm. Đó là để chỉ cho trong những pháp của Phật mà mình có khởi pháp riêng.

Ở trong lục hòa kinh thì dư biết phải không? Khởi tâm chánh trực. Hiện tại mà mình trừ dẹp hoặc tăng trưởng những pháp tu của mình.

Do chánh hành thiện pháp mà khởi tịnh mạng. Do tâm thanh tịnh hoan hỷ mà khởi gần bậc hiền thánh. Do chẳng có ghét người ác mà khởi tâm điều phục. Do pháp xuất gia mà khởi thâm tâm. Do như nói mà thực hành cho nên khởi đa văn. Do không thấy pháp vô tránh mà khởi ở chỗ vắng vẻ. Do thú hướng Phật huệ mà khởi ở chỗ yên tịnh. Do giải các trói buộc cho chúng sanh, mà khởi chỗ tu hành. Do đầy đủ các tướng hảo và trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh mà khởi nghiệp phước đức.

Như vậy đây là những lý do để nói lên công hạnh tu của mình. trước hết vì các chánh hạnh, thiện pháp. Tức là mình tu hành đúng như pháp lành của Phật dạy cho nên mình tịnh mạng. Tịnh mạng tức là mạng sống thanh tịnh. Thay vì tịnh mạng thì ngược lại là tà mạng. Tà mạng thì trong kinh đã nói rõ rồi.

Vì tịnh tâm hoan hỷ, tức là tâm thanh tịnh vui vẻ, cho nên khởi thân cận hiền thánh. Mình muốn tâm được thanh tịnh, mình muốn được sự hoan hỷ thì gần bậc hiền thánh thì tâm dễ thanh tịnh, tâm dễ hoan hỷ.

Vì không ghét người ác nên khởi tâm điều phục. Khởi cái điều phục tâm. Quý vị thấy người dễ thương mà ít thương. Người ác ghét mà không ghét đó dễ

không? Dễ hay khó? Sao mà khó. Họ đáng ghét mình đừng ghét họ thì thôi, phải không? Như vậy vì chẳng ghét người ác mà khởi cái điều phục tâm. Bởi vì nếu không điều phục, thấy người ác thì sao? Ghét. Cho nên muốn đừng ghét người ác, khéo điều phục tâm mình đừng cho nó có những cái ganh ghét hay bực bội

Do pháp xuất gia mà khởi thâm tâm. Thâm tâm bữa hôm nói đó. Thâm tâm là sao? Trước hết là trực tâm hay là thâm tâm. Trực tâm rồi mới tới thâm tâm. Thâm tâm tức là hành những pháp của Phật. Gọi nó là thâm tâm. Như vậy là do mình muốn xuất gia cho nên phải hành những pháp Phật dạy luôn luôn không quên.

Do như nói mà hành khởi đa văn. Điều này quý vị thấy dễ hiểu không? Chúng ta có cái bệnh học nhiều mà quên tu, phải không? Còn có người ham tu mà không chịu học. Đó đều là hai cái cực đoạn hết. Ở đây vì mình muốn nghe nói. Nói được là làm được. Cho nên mới học nhiều. Mình học nhiều là vì mình học tới đâu mình tu tới đó. Chớ không phải học để mà nói. Cho nên do mình muốn như nói mà hành thì phải đa văn. Có nghe rồi mình mới hiểu. Hiểu rồi mình mới hành. Nói được thì hành được. Cái học đó mới đúng là cái học của đạo. Chonên phải do như nói mà hành mới khởi đa văn. Do pháp vô tránh mà khởi ở chỗ vắng vẻ. Vô tránh là không cãi. Vì mình không muốn cãi với thiên hạ cho nên ở chỗ vắng vẻ.

Vì muốn thú hương về Phật huệ nên khởi ra yên tọa. Ngồi thiền đó. Ngồi thiền là hướng về Phật huệ. Trí huệ của Phật. Không cho những niệm thế gian chen lẫn. Cho nên mình ngồi yên cho trí huệ Phật phát hiện.

Vì cõi những trói buộc của chúng sanh cho nên khởi tu hành. như vậy mình tu hành cốt là để cởi những trói buộc cho chúng sanh. Chớ không phải là tu cho mình.

Do muốn cho đầy đủ các tướng tốt và trang nghiêm cõi Phật cho nên mình mới tu những nghiệp phước đức. Những nghiệp phước đức, những điều lành, điều tốt mình làm cho người thì đó gọi là nghiệp phước đức. Làm những điều lành điều tốt đó có hai ý nghĩa. Ý nghĩa thứ nhất là trang nghiêm 32 tướng tốt cho mình. Y

Ừ nghiãthur hai là trang nghiêm cõi thanh tịnh của Phật. Phật đó là Phật của mình chứ không phải Phật của ai. Mai kia mình thành Phật có 32 tướng tốt rồi có cõi thanh tịnh luôn phải không? Chớ lẽ thành Phật có 32 tướng tốt mà ở trong nhà tranh, chung quanh hôi hám quá, chắc không được phải không? Cho nên tướng tốt, đủ tướng tòi thì phải có cõi thanh tịnh theo đó. Vì vậy làm những công đức đó là để trang nghiêm cho thân thanh tịnh, cõi Phật thanh tịnh. Vậy quý vị có chán làm phước đức không? Nếu chán làm phước đức là chán đời sau mình đẹp. Chán chỗ ở mình trang nghiêm. Vậy quý vị muốn sau thân đẹp và chỗ ở trang nghiêm thì đối với phước đức làm sao? Làm không có biết mỗi một. Như vậy thì khả dĩ. Chớ còn bây giờ cứ thấy chuyện gì, làm chuyện gì tốt thì xô cho người ta làm. Rồi mai một lẽ sinh ra xấu quá đi thì chừng đó tui thân, tui phận. Chừng đó không biết than thở với ai.

Vì biết tất cả tâm niệm chúng sanh như, nên nói những pháp gì thì liền khởi nghiệp trí

Vì mình muốn cho mình biết được tâm niệm chúng sanh. Biết nên nói pháp gì cho họ nghe. Vì vậy mà mình khởi cái nghiệp trí.

Vì biết tất cả pháp không thủ, không xả để vào môn nhất tướng mà không khởi ra nghiệp huệ.

Đây chia ra nghiệp trí, nghiệp huệ.

Vì đoạn tất cả phiền não, tất cả chướng ngại, tất cả pháp bất thiện mà khởi ra tất cả nghiệp thiện. Do được nhất thiết trí huệ, nhất thiết thiện pháp, khởi tất cả các pháp trợ Phật đạo.

Như vậy để thấy rằng tất cả vị Bồ tát mà hành đạo thì chúng ta thấy rõ ràng. Đây là đoạn chốt nói rằng vì muốn biết tất cả tâm chúng sanh để nên nói pháp gì độ họ thì mình nói. Bởi vậy mình mới tu nghiệp trí, để tìm hiểu, để tu hành, để thấu suốt được những gì Phật dạy. Biết được tâm niệm của họ để mình giáo hóa họ. Biết tất cả pháp không thủ, không xả vào môn đệ nhất tướng. Đó là mình khởi ra được gì? Tuệ rồi tới sau chốt là đoạn tất cả phiền não, tất cả chướng ngại, tất cả

pháp bất thiện mà khởi tất cả nghiệp thiện. Nhất thiết trí tuệ nè. Nhất thiết thiện pháp nè. Khởi tất cả pháp trợ đạo được như ý. Như vậy đây là cái hội thí mà ở trên Ngài Thiện Đức hỏi ông Duy Ma Cật.

Như thế này thiện nam tử. Cái hội pháp thí là như thế. Nếu Bồ Tát trụ nơi hội pháp thí nào là đại thí chủ, cũng là phước điền của tất cả thế gian.

Ông tán thán nếu ai trụ được hội pháp thí này đó là đại thí chủ, đó là phước điền của tất cả thế gian.

Bạch Thế Tôn! Ông Duy Ma Cật khi nói pháp này thì trong chúng Bà La Môn 200 người đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Con khi ấy tâm được thanh tịnh, tán thán chưa từng có. Cúi đầu đánh lễ dưới chân ông Duy Ma Cật. Liền cỡi xâu chuỗi anh lạc giá trị trăm ngàn để dâng lên cho Ngài mà Ngài không nhận. Con nói rằng:

-Này cư sĩ, mong Ngài nhận cho. Tùy ý mà Ngài dân, tùy ý mà Ngài cho.

Ông Duy Ma cật mới nhận chuỗi anh lạc. Phân làm hai phần. Một phần thí cho người ăn mày thấp nhất ở trong hội. Còn một phần dâng cho đức Phật Nan Thắng. Tất cả chúng hội đều thấy cõi Phật sáng suốt. Cõi Phật Nan Thắng rất sáng suốt. Lại thấy xâu chuỗi anh lạc ở chỗ Phật kia nó biến thành bốn cây cột trụ của bảo đài (bốn trụ của bảo đài mình cũng không biết làm sao, mà nói có bốn trụ). Bốn phía trang nghiêm không có gì chướng ngại, không có gì che lấp được.

Như vậy khi dâng xâu chuỗi lên Phật Nan Thắng thì toàn chúng trong hội nhìn thấy cõi Phật Nan Thắng rất là sáng suốt. Lại thấy phân nữa xâu chuỗi đó biến thành bốn cây cột trụ của đài báu. Rồi 4 phía đều đẹp đẽ, không gì che ngại hết.

Khi đó ông Duy Ma Cật hiện thân biến rồi lại nói rằng:

-Nếu vị thí chủ mà tâm bình đẳng thí cho người ăn mày thấp nhất cũng như là tướng phước điền của Phật không có phân biệt, bình đẳng đại bi, không cầu quả báu, ấy gọi là đầy đủ pháp thí.

Trong thành người ăn mày thấp nhất thấy được thần lực này rồi, nghe lời ní kia, liền phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông.

Như vậy quý vị mới thấy hai cái lỗi thí. Ở trước ông Duy Ma Cật giảng trách cho ông cư sĩ này biết (hay ông Thiện Đức biết), bố thí tài không bằng bố thí pháp, phải không? Cho nên ông không bằng hội pháp thí. rồi tới cuối cùng ông kết thúc, bố thí bình đẳng mới gọi là hội pháp thí.

Bình đẳng là sao? Là dù cho Phật đầy đủ muôn lượng công đức, kẻ ăn mày thấp nhất trong hội đó. Trên là Phật, dưới là kẻ ăn mày thấp nhất mà mình thấy như nhau. Một xâu chuỗi anh lạc chia hai. Bình đẳng không? Bồ Tát như vậy mà không một niệm cầu phước cho mình. đó mới là hội pháp thí. Gọi là đầy đủ pháp thí. Pháp thí như vậy mới là đầy đủ.

Như vậy chúng ta xét lại mình coi, hội pháp thí mà đầy đủ như trước đó thì mình khó làm phải không? Nhiều quá. Hội pháp thí sau chót này dễ quá! Giả sử bây giờ mình có một nải chuỗi sớ soạn đem cúng Phật. Có người ăn mày đói tới xin, mình cầm nải chuỗi đem đi cúng Phật, mình dám chia họ phân nửa không? Dám không? Bao nhiêu đó thì quý vị kiểm. Mình thấy họ đói thì mặc họ, chớ nhất định cúng Phật thôi phải không? Chứ không bao giờ nói đây anh đói quá, tôi chia anh nửa nải, còn nửa nải tôi cúng Phật. Còn nửa nải kia cũng vẫn cung kính chia cho họ chứ không phải khinh. Như cung kính đem dâng cho Phật vậy. làm bao nhiêu đó quý vị thấy dễ làm hay khó. Sao vậy? Đâu phải có chuỗi anh lạc mới khó. Chỉ cần một nải chuỗi thôi mà mình được cái tâm như vậy đó thì cũng gọi là hội pháp thí vậy.

Nhưng chúng ta có cái khổ là kính thì kính, người nào thường thì khinh, phải không? Kính thì kính quá, khinh cũng khinh quá. Cho nên cái gì mình dành cho người mình cung kính đó, mà gặp kẻ mình khinh tới xin là mình bực bội liền, phải không? Chẳng những không cho mà còn rầy nữa chứ. Đừng có xin cái này tội chết à! Để cho tôi cúng Phật, phải không? Vì mình nghĩ cái đó là tội. Chứ thật ra

mình được cái tâm bình đẳng mà cho như vậy. Ở đây Ngài Duy Ma Cật gọi là cụ túc pháp thí. Đó là đầy đủ pháp thí.

Như vậy đoạn này chúng ta thấy có một là tài thí. tài thí là một cái hội bố thí tài sản 7 ngày. Đó là phước rồi. Nhưng phước đó là phước thế gian thôi, không bằng cái phước pháp thí. Cho nên Ngài mới dẫn bao nhiêu pháp để dạy ở đây. Dem những pháp đó ứng dụng bố thí cho người thì gọi đó là hội pháp thí. nhưng kết thúc lại, với một hình ảnh một xâu chuỗi, phân nữa cúng Phật, phân nữa cúng người hạ tiện. Bàn cùng hạ tiện nhất trong đám đó. Đó mới là đầy đủ pháp thí. cuối cùng cái thí bình đẳng là trên hết. Vậy mình phải hiểu cả ba cả ba trường hợp thí. Đó là nói cho thấy rõ những câu chuyện. Bây giờ tới kết thúc.

Như thế các vị Bồ Tát mỗi mỗi đều hướng về Phật để nói cái duyên xưa kia và khen ngợi ông Duy Ma Cật, lời nói ông Duy Ma Cật. Đều nói rằng chúng con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Các vị Bồ tát cũng rút lui luôn. Trước thì đệ tử Thanh Văn rút lui không dám đi thăm. Bây giờ chỉ có ai cù khôi mới dám đi thăm.

Tới phẩm Văn Thù Văn Cật. Tức là đến phiên Ngài Văn Thù đi hỏi thăm bệnh.

Khi ấy Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi:

-Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng:

-Bạch Thế Tôn! Bạc Thượng Nhân kia khó mà đối đáp được vì đã thâm đạt được thật tướng. Khéo nói pháp yếu. Biện tài không chướng ngại. Trí huệ cũng không ngại. Tất cả các phương thức của Bồ Tát thầy đều biết hết (phương thức tức là phương tiện. Hình thức gì của Bồ Tát Ngài cũng thông hết. Nên gọi là phương thức). Những bí tàng của chư Phật không chỗ nào mà chẳng nhập (vô bất đắc nhập đó, là thầy đều được nhập). Hàng phục các chúng ma và được thần thông du hí. Tối huệ phương tiện phương tiện kia đều đã được độ. Tuy nhiên con xin vâng thánh chỉ của Phật mà đến thăm bệnh ông.

Trước khi nhận lời, tán thán ông Duy Ma Cật. Chúng ta thấy đối với thật tướng của các pháp thì ông đã thâm nhập. Ông lại khéo giảng pháp yếu cho người ta. Ông có đủ biện tài không chướng ngại. Đủ trí tuệ không gì ngăn trở. Tất cả những phương thức của Bồ tát đều thông suốt kho bí mật của Phật ông cũng được vào. hàng phục tất cả ma. Được thần thông du hí. Được trí tuệ phương tiện... Như cây ông đã cưa đẵn đầy đủ tất cả cái đó rồi thì thật là đáng nể đáng kính. Nhưng tuy vậy con xin vâng lời PHẬT con tới thăm. Ngài Văn Thù không thăm nữa thì biết ai thăm. Cho nên tới đây thì Văn Thù phải đi.

Khi đó ở tông chúng hội các vị Bồ Tát và các vị Đại đệ tử Thích Đề Hoàng Nhân tức là trời Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ Thiên Vương đều khởi nghĩ thế này: Nay hai vị đại sĩ là Văn Thù Sư Lợi và Duy Ma Cật cùng luận bàn với nhau, ắt là nói cai diệu pháp.

Liền khi ấy 8.000 vị Bồ Tát, 500 vị Thanh Văn, trăm ngàn vị thiên nhân đều mới đi theo. Khi ấy Ngài Văn Thù Sư Lợi cùng các Bồ Tát, các vị Đại đệ tử và chư Thiên nhân cung kính đi nhiễu để vào đại thành Tỳ Xá Ly.

Giống hệt mình bây giờ phải không? Khi có hai vị nào có uy tín, có tiếng tăm tới đàm luận với nhau, quý vị có muốn đi nghe không? Rủ nhau đi nghe bữa nay luận bàn cái gì. Như vậy kể số người đi, rồi mình nhìn lại cái thất ông Duy Ma Cật. Thất ông cao lắm khoảng này là cùng. Khoảng này mình chưa bao nhiêu người? 200 người là cùng rồi. Thất ông bao nhiêu mà chứa 8.000 vị Bồ Tát. Rồi 500 vị Thanh Văn. Rồi trăm ngàn vị Thiên Nhân nữa, không biết bao nhiêu mà tính. Vậy đó mà đều dung hết. Đó là điều đặc biệt. Đó là cái giai đoạn đầu Ngài Văn Thù mới nhận lời đi thăm. Tới giai đoạn kế ông Duy Ma Cật ngồi trong thất mới suy nghĩ.

Khi ấy ông Trưởng giả Duy Ma Cật tâm khởi nghĩ, nay Văn Thù Sư Lợi cùng với đại chúng đồng đến. Liền dùng thần lực làm rộng không trong thất của ông. Dẹp hết đồ đạc (sở hữu tức là đồ đạc) và các thị giả. Chỉ để giường bệnh mà nằm.

Chỗ này nói có cái lý. Lý rằng cái thất của ông cũng chỉ cho cái tâm của tất cả chúng sanh hay là của chư Bồ Tát. Nghĩa là tâm đó muốn đầy đủ tuệ giác thì phải dẹp tất cả. Dẹp hết thì mới được tuệ giác. Cũng như thất của ông muốn cho trống rỗng để cho dung chứa được bao nhiêu người đó, thì ông phải dẹp tất cả. Đó là cái lý sẽ nói ở đây.

Ngài Văn Thù Sư Lợi đã vào trong cái nhà kia thấy thất trống rỗng không có vật gì, riêng chỉ có một cái giường nằm. Khi ấy ông Duy Ma Cật mới nói:

-Lành thay! Văn Thù Sư Lợi! Cái tướng không đến mà đến. Cái tướng không thấy mà thấy (gặp nhau chào một một câu nghe tẻ lạnh làm sao).

Ngài Văn Thù liền đáp:

-Như thế cư sĩ! Nếu đến đã lại chẳng đến. Nếu đi đã lại chẳng đi. Vì có sao? Để đó không chỗ mà đến. Đi đó không có chỗ mà đi. Còn cái đã thấy lại không có chỗ để thấy.

Như vậy mở màn hai ông nói chuyện nghe thấy trên trời xanh không, phải không? Ông này ông vào không có mừng rỡ gì hết mà chào bằng một câu rằng: Cái tướng chẳng đến mà đến. Cái tướng chẳng thấy mà thấy. Tại sao tướng chẳng thấy mà thấy. Tại sao tướng chẳng đến mà đến? Cái này học trong Trung Quán chắc dễ nhớ rồi. Bởi vì nó không có cái đến thật, không có cái đi thật. Không có đến thật, không có đi thật, nhưng có giả tướng đến giả tướng đi hay không? Như vậy không đến mà đến, đó là cái tướng thật thì không đến nhưng cái giả tướng thì có đến. Tướng thật không thấy giả tướng thì có thấy. Chính vì vậy mà Ngài Văn Thù mới đáp lại rằng, như thế đúng như cư sĩ nói. Nếu cái đến đã thì không lại không đến, đến rồi thì lại không đến. Còn nếu cái đi rồi thì lại không đi. Cái này trong kia đã nói rồi vì có sao? Vì người đến thì không có từ đâu đến. Người đi thì không đi về đâu. Như vậy cái đến và cái đi, đã thì không còn đến đã thì không còn đi. Đến rồi gọi là đã phải không? Vì vậy tìm cái đến cái đi thật không có. Bây giờ đã thấy lại không thấy. Cho nên nói rằng tướng thấy thì không thấy.

Như vậy hai ông gặp nhau nói chuyện mừng rỡ hay nói cái gì. Chào hỏi bằng một cách, mở màn bằng một lời đến mà không thật đến. Đi không thật đi. Thấy không thật thấy. Như mình gặp chào anh mới đến, phải không? Chào anh mới đến là tương đến. Nhưng mà đến thì không có thực đến. Nếu nói thật có đến thì phàm phu rồi. Cho nên Bồ Tát thấy có đến mà không thật đến. Có đi mà không thật đi. Gặp nhau là thấy, mà thấy cũng không thật thấy. Đó là tinh thần của Bồ Tát. Ngang đây hai ông lý sự một chút rồi trở lại thực tế.



PHẦN 13

Ngài Văn Thù nói:

-Hãy gát việc đó lại. Cư sĩ, cái bệnh ông có thể chịu nổi chăng? Ông trị liệu có bớt, không có thể tăng chăng?

Tôi đi thăm bệnh ông mà nói chuyện xa vời quá. Thực tế thì gát chuyện đó lại. Bây giờ là chuyện thực tình là bệnh ông có nặng lắm không? Ông chịu nổi không? Và ông trị liệu nó có giảm bớt hay là nói tăng.

Thế Tôn ân cần thăm hỏi ông vô cùng.

Thế Tôn rất là thương, thăm hỏi ông lắm. Đó là bốn phận sứ giả rồi đó.

Này cư sĩ! Bệnh ấy do nguyên nhân gì mà khởi? Bệnh sanh đã lâu chăng? Làm sao mà hết?

Phải làm sao cho hết? Bệnh đó sanh lâu chưa? Như vậy là ba câu hỏi. Câu hỏi thứ nhất là nhân duyên gì mà sanh bệnh? Câu hỏi thứ hai, bệnh đó đã lâu chưa? Câu hỏi thứ ba làm sao cho hết bệnh đó? Ba câu hỏi để ông Duy Ma Cật trả lời.

Ông Duy Ma Cật nói:

-Từ si mà có ái, ắt là cái bệnh của tôi sanh.

Từ si mà có sai. Như vậy Ngài có si sao? Qua tới câu sau thì thấy rõ ý nghĩa này. Chỗ này khởi cần giải thích để câu sau thấy.

Do tất cả chúng sanh bệnh cho nên tôi bệnh. Nếu tất cả chúng sanh được lành thì bệnh tôi cũng lành.

Như vậy câu mở đầu ông trả lời nghĩa là nguyên nhân bệnh là do si có ái sanh ra bệnh. Đó là nguyên nhân từ đâu sanh ra bệnh. Đó là nguyên nhân từ đâu sanh ra bệnh. Câu thứ hai là bệnh đó bao lâu rồi. Đây nói tất cả chúng sanh có bệnh thì tôi có bệnh, không biết bệnh bao lâu. Rồi câu hỏi không biết bao lâu mà lành. Nói chừng nào lành thì Ngài nói chừng nào chúng sanh hết bệnh thì tôi lành bệnh. Như vậy tóm tắt trả lời ba câu hỏi rồi phải không? Bây giờ mới giải thích.

Vì có sao? Bồ Tát vì chúng sanh nên vào sanh tử. Có sanh tử ắt là có bệnh.

Như vậy mới giải thích tại sao có bệnh. Bồ Tát là vì chúng mà vào trong sanh tử, mà có sanh tử thì có bệnh. Đó là nguyên nhân bệnh. Như vậy có si, có ái tức là có sanh tử. Chúng sanh do si ái cho nên có sanh tử thì Ngài liền có bệnh. Ngài phải vào sanh tử cho nên Ngài có bệnh. Chớ không phải Ngài có si có ái. Bây giờ chúng ta vào đây là chúng ta từ si và ái mà có trong sanh tử này. Bồ Tát thương chúng ta nên đi vào trong sanh tử, mà đi vào trong sanh tử gọi nó là bệnh.

Nếu chúng sanh được lìa bệnh thì Bồ Tát cũng lại hết bệnh, cũng không bệnh.

Nếu chúng sanh hết trong sanh tử thì Bồ Tát còn vào trong sanh tử không? Đâu có còn. Vì vậy mà chúng sanh còn bệnh thì Bồ Tát còn bệnh. Chúng sanh hết bệnh thì Bồ Tát hết bệnh.

Đây thí dụ như ông Trưởng giả chỉ có một đứa con. Đứa con kia mắc bệnh thì cho mẹ cũng bệnh. Nếu đứa con kia bệnh được lành thì cha mẹ cũng lành. Bồ Tát cũng như thế, đối với chúng sanh yêu mến như con. Chúng sanh bệnh thì Bồ Tát bệnh. Chúng sanh bệnh lành thì Bồ Tát cũng lành.

Lại nói bệnh ấy từ nhân duyên khởi.

Nhân duyên nào mà khởi thì Bồ Tát bệnh đó là do lòng đại bi mà khởi. Bởi vì bệnh là sanh tử. Mà tại sao có sanh tử, là vì lòng thương chúng sinh. Chúng sinh đang lăn lộn trong sinh tử gọi là bệnh. Bồ Tát vì lòng từ bi mà đến trong sinh tử độ chúng sanh nên gọi là Bồ Tát bệnh. Bồ Tát bệnh là do đại bi mà bệnh chớ không phải do tứ đại bất hòa mà bệnh. Không phải do phiền não mà bệnh. Như vậy ở đây chúng ta mới thấy ý nghĩa thâm trầm của Bồ Tát. Vậy Bồ Tát có nghĩ gì cho mình không? Bồ Tát đối với chúng sanh thương như thương cái gì? Thương như con. Bây giờ những đứa con nào mà khôn ngoan, đứa con nào ngu ngốc thì phải thương làm sao? Nó khôn ngoan cũng thương mà mừng cho nó. Nó sẽ đỡ mau tỉnh. Đứa nào ngu ngốc cũng thương, thương mà tội nghiệp cho nó phải không? Nó ngu quá không biết chừng nào nó tỉnh. Cũng thương hết chớ không có đứa nào ghét. Thành ra khi nào có tâm ghét là tâm chúng sinh rồi, phải không? Còn nếu ai thực là tâm

Bồ Tát thì người hay mình thương, người đỡ mình cũng thương, không có người nào mình ghét hết.

Ở đây quý vị kiểm lại coi mình tâm Bồ Tát hay tâm chúng sinh? Dễ thấy quá. Miễn ai mình cũng thương, dù người đó có khó khăn mấy với mình, mình cũng thấy dễ thương. Thương họ lắm phải không? Vậy đó tâm của Bồ Tát là như vậy. Thành ra Bồ Tát sợ dĩ bệnh vì chúng sinh bệnh. Chúng sinh còn sanh tử thì Bồ Tát phải vào trong sanh tử. Như vậy có muốn người nào vào trong sanh tử nữa đâu, phải không? Không muốn thì đâu có muốn ai bị những cảnh khổ. Bây giờ

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói:

-Này Cư sĩ, cái thất này vì sao mà trống không, không có thị giả?

Duy Ma Cật nói:

-Cái cõi nước chư Phật cũng lại đều không.

Lại hỏi:

-Vì sao mà không?

Đáp rằng:

-Bởi không, nên không.

-Không sao dùng không? Hay không đâu cần không?

-Do không phân biệt không cho nên không.

-Không có thể phân biệt sao?

-Phân biệt cũng không.

-Không, phải dùng cái gì mà cầu?

-Phải dùng trong 62 kiến chấp mà cầu.

-62 kiến chấp phải dùng cái gì mà cầu.

-Phải ở trong các pháp giải thoát của chư Phật, như Phật mà cầu.

-Pháp giải thoát của chư Phật phải dùng gì mà cầu?

-Phải ở trong tất cả tâm chúng sinh, tâm hạnh chúng sinh mà cầu. Lại nhân giả hỏi rằng không có thị giả đó thì tất cả chúng ma và ngoại đạo đều là thị giả của

tôi. Vì có sao? Chúng ma ưa sanh tử. Bồ Tát đối với sanh tử không có bỏ. Ngoại đạo thì ưa các kiến chấp. Mà Bồ Tát đối với các kiến chấp chẳng động.

Như vậy đoạn lý luận nghe rất là thâm thúy. Đầu tiên là Ngài Văn Thù hỏi tại sao trong thất của ông trống không, không có thị giả. Rồi ông Duy Ma Cật nói chẳng những thất tôi mà thất của chư Phật cũng đều trống không hà. Tại sao cõi nước chư Phật cũng đều trống không? Bởi vì tất cả cõi chư Phật đều không có mọi kiến chấp, không có mọi phân biệt mới thành được Phật, mới thành giác ngộ. Cho nên cõi chư Phật nói là không.

Ông hỏi thế nào là không? Ông đáp rằng bởi không nên không. Không nên không thì nghe khó hiểu quá. Cho nên liền hỏi thêm câu, không thì đâu cần không. Đã không thì đâu cần không mà nói do không nên không. Đáp rằng do không phân biệt không, cho nên không. Cái không này quý vị hiểu cho thật rõ, nói không mà thành không thì cái không ban đầu là cái không của nội tâm, do tâm không có phân biệt. Tâm không phân biệt cho nên nói tâm không. Như nói rằng: “Tâm không cập đệ qui” đó. Tâm không là không có niệm dấy lên phân biệt, gọi là tâm không. Mà tâm không cho nên thấy ngoại cảnh nó không. Vì mình không phân biệt nên đối với ngoại cảnh dù có mà không khởi phân biệt thì cũng như không. Cho nên nói do không mà không. Do không tức là trong tâm không phân biệt, cho nên ngoại cảnh cũng thành không. Vì vậy mà gọi là không không. Ông liền hỏi thêm cái không có thể phân biệt chăng? Ông đáp rằng phân biệt cũng không. Vì cái không thì còn gì phân biệt. Mà vì không phân biệt nên cái không cũng là không. Cái phân biệt không và cái không cũng không. Như vậy cả hai đều không.

Lại hỏi cái không đó từ đâu mà tìm. Tức là tìm lý do để mà thấy không tất cả phân biệt. Ở đây nói phải từ 62 kiến chấp mà tìm. Nghĩa là còn nằm trong một cái kiến chấp nào thì chưa, phải không? Trong 62 kiến chấp mà không động không dính thì đó mới gọi là không. Muốn tìm cái không thì từ 62 kiến chấp mà ra.

Mà tìm 62 kiến chấp từ đâu. Đáp rằng phải từ trong pháp giải thoát của chư Phật mà dứt, chớ không đâu xa hết. Hay ở đâu mà tìm ra?

Lại hỏi pháp giải thoát của chư Phật từ đâu mà tìm. Bây giờ pháp giải thoát của chư Phật từ đâu mà tìm. Chỉ thẳng từ nơi tâm hạnh của tất cả chúng sanh mà tìm. Trong tâm hạnh của tất cả chúng sanh mà tìm ra pháp giải thoát của Phật, quý vị thấy như vậy mình quý trọng pháp giải thoát của Phật. Mà pháp giải thoát bắt nguồn từ đâu? Tâm hạnh của chúng sanh. Như vậy tâm hạnh mình có pháp giải thoát của Phật không? Nó ra làm sao? Nếu con mắt thấy sắc mà không dính với sắc, đó là giải thoát. Như vậy ngay nơi tâm hạnh của mình mà có pháp giải thoát của Phật. Tai nghe tiếng mà không mắc kẹt tiếng. Đó là giải thoát của Phật

Như vậy cho tới cái tâm duyên với pháp mà không dính với pháp thì đó là pháp giải thoát của Phật. Tất cả pháp giải thoát không có ở bên ngoài mà từ nơi tâm hạnh của chúng ta mà ra. Tâm hạnh chúng ta biết tu, biết gỡ mọi cái dính mắc thì được giải thoát, chớ không tìm giải thoát ở đâu xa hết. Như vậy trả lời về cái không đó rồi.

Bây giờ hỏi tại sao không có thị giả đây. Giờ trả lời không thị giả. Nhân giả hỏi rằng tại sao không có thị giả đó, đây đáp rằng tất cả chúng ma và ngoại đạo là thị giả của tôi. Tại sao? Nói lý do nè! Vì chúng ma ưa sanh tử. Còn Bồ Tát đối với sanh tử không bỏ. Vì ưa sanh tử nó dẫn người đi trong sanh tử. Bồ Tát không bỏ sanh tử cho nên chúng ma là thị giả của tôi. Rồi ngoại đạo ưa có kiến chấp, Bồ Tát đối với các kiến chấp không động, cho nên ngoại đạo là thị giả của tôi. Như vậy ma là thị giả của Ngài, ngoại đạo là thị giả của Ngài, vì Ngài không bỏ sanh tử, Ngài không động đối với các kiến chấp. Không động nghĩa là làm sao? Nghĩa là 62 kiến chấp đó mình không có dẹp mà cũng không có kẹt, không có mắc, gọi là không động. Không động cho nên nó gần được với mình. vì vậy mà nói rằng nó là thị giả. Bây giờ Ngài Văn Thù hỏi thêm:

-Cư sĩ bệnh là những tướng gì?

-Các bệnh của tôi không có hình, không có thể thấy.

Cái bệnh của ông là bệnh tướng gì? Thí dụ nói tôi nhức đầu, tôi đau bụng hay cái gì đó thì nó có tướng. Ngài trả lời bệnh tôi không có tướng, không thể thấy được.

Lại hỏi:

-Cái bệnh này nó hợp với thân chăng? Nó hợp với tâm chăng? Bệnh đó là bệnh ngoài thân hay là bệnh trong tâm?

đáp rằng:

-Không hợp với thân mà vì thân tướng nó lia hay là lia thân tướng cũng chẳng hợp với tâm vì tâm như huyễn.

Vì thân thì tôi đã lia thân tướng. Vì tâm thì tôi đã thấy tâm như huyễn. Cho nên nó không hợp ở thân cũng không hợp ở tâm.

Lại hỏi:

-Địa đại, thủy đại, hỏa đại, không đại. Nơi tứ đại thì cái đại nào là bệnh?

-Cái bệnh ấy khoong phải địa đại cũng chẳng lia địa đại. Thủy hỏa phong đại cũng lại như thế. các chúng sanh bệnh là từ tứ đại mà khởi. Do kia có bệnh cho nên tôi bệnh.

Như vậy chúng sanh bệnh là từ tứ đại mà ra, phải không? Bây giờ chúng sanh bệnh thì tôi bệnh, cho nên bệnh tôi không từ tứ đại. Bởi vì sao? Vì tứ đại thì thật ra đất có bệnh không? Đất, nước, gió, lửa nó không bệnh. Nhưng mà vì hợp lại rồi sanh bệnh. Cho nên đối với Ngài, Ngài thấy tứ đại không bệnh. Mà tứ đại không bệnh cho nên Ngài cũng không phải bệnh nhưng vì chúng sanh bệnh, chúng sanh bệnh vì chấp tứ đại là thật cho nên thấy tứ đại khởi bệnh. Tứ đại khởi bệnh cho nên Bồ Tát cũng bệnh là để nói bệnh của Ngài từ nơi chúng sanh mà có.

Khi ấy Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật:

-Bồ Tát nên làm thế nào để an ủi những vị Bồ Tát bệnh?

Bây giờ Bồ Tát bệnh, Bồ Tát khác đến thăm thì phải làm sao để an ủi họ. Những cái này phải học cho thật kỹ để lỡ có ai, huynh đệ mình làm Bồ Tát, rồi

mình cũng được làm Bồ Tát nữa, đi thăm nhau mình hỏi bệnh nhau cho nó hợp. Đây Ngài nói chuyện Bồ Tát an ủi Bồ Tát bệnh.

Ông Duy Ma Cật mới nói:

-Nói thân vô thường mà không nói chán lìa thân.

Cái thứ nhất là tới thăm bệnh. Ồ! Thân này là vô thường. Thường thường theo Thanh Văn thấy vô thường thì chán, phải không? Nhưng Bồ Tát thấy thân vô thường mà không chán lìa thân. Đó là an ủi bệnh thứ nhất. Tại sao vậy? Nếu mình chán lìa thân thì đâu có vào sanh tử độ chúng sanh được. Biết thân là vô thường mà không chán lìa nó. Nói thân có khổ mà không có ưa Niết Bàn. Nói thân này là khổ, mà thường thường những hàng Thanh Văn thấy thân là khổ cho nên cầu Niết Bàn là vui. Bây giờ nói thân này là khổ mà không cầu Niết Bàn. Vì cầu Niết Bàn mình được nhập rồi đâu cứu chúng sanh được, cho nên không cầu Niết Bàn. Đó là an ủi Bồ Tát bệnh.

Nói thân là vô ngã mà nói pháp để giáo hóa chúng sanh.

Vô ngã là không có ta thật mà luôn luôn nói pháp giáo hóa chúng sanh. Đó là an ủi Bồ Tát.

Nói thân này không tịch tức là rỗng lặng mà không nói cứu cánh tịch diệt.

Nói rỗng lặng nhưng không phải hoàn toàn rỗng không.

Nói phải hối những lỗi về trước mà không nói vào quá khứ.

Câu đó dễ hiểu không? Nói rằng tất cả lỗi về trước của mình đó, mình nên hối cải, nên chừa bỏ mà không nói vào quá khứ. Thực có quá khứ bởi vì mà thời không thật mà mới có quá khứ thật là chấp nhận ba thời thật sao. Biết những lỗi về trước mình phải hối cải như mà không có quá khứ thật. Đó là cái đặc biệt của Bồ Tát.

Do mình bệnh nên thương những người kia bệnh.

Tụi con phải học câu này cho thấu đó nha. Do mình bệnh nên thương những người kia bệnh. Mình thấy mình đau nó hành hạ thế nào, nó nhức nhối thế nào, rồi nhớ tới người khác khi đau mình thương xót họ cũng như mình vậy.

chúng ta có cái thật hay quên. Khi mình bệnh rên thôi là rên, khóc suốt suốt. Tới chừng người ta bệnh mình ngó lơ. Cái tật đó thật là đáng trách. Nghĩa là khi mình bệnh, mình nhớ nó đau khổ như thế nào, buồn bã như thế nào. Nghĩ tới người khác mình thương xót họ như là lúc mình đang bệnh. Vậy đó thì thế gian này đỡ khổ biết bao nhiêu. Còn cái này mình bệnh thì hồi đó mình rên mình khóc. Tới phiên người ta bệnh mình ngó lơ thì cái đó thật là vô tình vô nghĩa. Đó là không thấy được, không cảm thông được cái gì giữa mình với người hết.

Phải biết đời trước (tức thế tức là đời trước) có vô số kiếp khổ mà phải nhớ nghĩ lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Phải nhớ rằng chúng ta từ đời trước tới giờ sinh ra tử lại không biết bao nhiêu kiếp, chịu không biết bao nhiêu khổ. Bởi vậy chúng sanh còn đương lăn lộn đây. Chúng ta phải ráng độ họ, ráng giải thoát cho họ để họ hết khổ. Chớ mình nghĩ mình đã được cái giác, mình đã có khả năng thoát ly sanh tử khổ mà mình không thương chúng sanh thì không được. Cho nên mình nghĩ khi mình đã có phương tiện, thoát ly chúng khổ rồi thì phải nhớ rằng vô số kiếp về trước mình cũng khổ như họ vậy. Cho nên bây giờ mình phát tâm độ tất cả chúng sanh để cho họ thoát ly cái khổ đó.

Nhớ việc tu phước trước mà nghĩ tới tịnh mạng (cái mạng sống nó phải thanh tịnh), có sanh ưu não.

Tức là mình nhớ rằng mình đã có công phu trước kia tu hành những phước đức. Mà trước đã có tu rồi cho nên ngày nay mình mới được tu. Ngày nay được tu rồi thì đời này ráng sống cho được đời sống thanh tịnh. Đừng có ô uế, đừng có nhớp nhúa. Như vậy thường thường bảo nhớ lại gốc trước của mình. cũng đừng sanh chuyện buồn rầu. Máy đũa có buồn rầu không? Có. Xấu quá! Bởi vì nếu mình không có duyên lành đời trước thì đời này làm sao gặp Phật pháp sớm như vậy. Vậy thì đời trước gieo trồng căn lành, đời nay mới được gặp Phật pháp sớm, thì mừng rằng mình đã có duyên lành. Tại sao lại buồn, tại sao lại chán, phải không? Buồn chán đó là cái tâm niệm rất là xấu, phải bỏ những công lao trước của

mình. Khi buồn chán là lúc đó quên cái công lao trước của mình rồi. Thành ra nên tự mừng rằng túc duyên mình sâu dày, cho nên đời nay gặp Phật pháp sớm. Những đứa nào 15, 17 mà biết được vào đạo rồi là càng mừng hơn nữa. Cười hoài. Mình có phước hơn mấy cô. Mấy cô tới trễ hơn mình phải không? Chớ có đâu lại buồn. Như vậy đó là chuyện tu hành đạo đức nói mới sâu dày chớ. Bởi vậy nên bảo mình phải nhớ cái tu phước đời trước của mình mà hiện tại đời sống mình ráng cho trong sạch. Đừng buồn phiền mà phải thường tinh tấn. Phải làm hay sẽ làm y vương để trị bệnh cho tất cả chúng sanh. Phải tuyên bố rằng mai kia ta làm ông vua thầy thuốc, để trị bệnh cho tất cả chúng sanh, mới được chớ. Phải có cái niệm, cái tâm hồn mạnh mẽ, như vậy sau này mới xứng đáng là Bồ Tát.

Bồ Tát nên như thế mà an ủi những Bồ Tát bệnh. Khiến cho những vị này được hoan hỉ.

Như vậy thì quý vị thuộc đoạn này há. Để mai chiều huynh đệ có bệnh, mình lại an ủi. Biết đâu mai kia người ta cũng thọ giới Bồ Tát phải không? Thọ giới Bồ Tát thì người ta cũng Bồ Tát rồi. Chớ đừng lại rồi vuốt ve nói huynh có nhớ nhà không? Huynh bệnh vậy mà muốn má thăm không? Đừng có hỏi những điều đó. Mà mình phải nói những điều cao siêu. Như vậy mới gọi là biết an ủi những vị Bồ Tát có bệnh. Cho nên tụi con thấy chúng ta học đạo là học cái gương tốt, gương cao thượng của những vị Bồ Tát, chớ không phải chúng ta học những cái phàm tục. Vì vậy cái gì cao thượng chúng ta ráng.

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói:

-Này cư sĩ, Bồ Tát có bệnh thì làm sao mà hàng phục tâm, điều phục cái tâm kia.

Tức là tâm của của Bồ Tát kia bệnh. Như vậy chỗ này là chỗ tụi con phải học nữa. Hồi nãy học an ủi, bây giờ học điều phục mình. khi bệnh mình phải làm sao điều phục cái bệnh của mình đây.

Ông Duy Ma Cật nói:

-Bồ Tát có bệnh nên khởi nghĩ thế này. Nay ta bệnh đây đều là từ đời trước. Vọng tưởng điên đảo, do các phiền não mà sanh. Không có một pháp thật thì ai mà nhận bệnh. Vì có sao? Ai mà thọ bệnh này?

Đây là câu thứ nhất. Từ vô số đời trước rồi sanh ra các phiền não. Rồi các phiền não đó sanh ra bệnh. Như vậy thì vọng tưởng điên đảo sanh phiền não. Vọng tưởng, phiền não mấy cái đó thật không? Không thì bệnh có thật không? Cho nên không có cái pháp thật, cái bệnh thật. Như vậy lúc đó đau đầu, đau cổ gì đó cũng không có đau thật, phải không? Cái đó là do cái gì/ tức là do vọng tưởng, phiền não, điên đảo từ vô số kiếp rồi mới sanh phiền não, sanh bệnh vậy.

Phiền não, vọng tưởng, điên đảo đều không thật thì cái bệnh đâu có thật. Bệnh không thật mà rên là khóc làm gì. Vậy thì cai cái bệnh làm sao, nó hành làm sao, chơi vậy. Nó làm sao nó làm đừng thềm lệ thuộc vào nó. Khi nào đau tui con lên thuộc nó không? Như vậy mình biết cái trọng tâm phát khởi ra bệnh là do vọng tưởng điên đảo, do phiền não mà sanh thì vọng tưởng điên đảo, phiền não là không thật, bệnh không thật. Bệnh không thật thì ai là người chịu bệnh, là người đang đau đây. Đâu có ai thật mà đau. Như vậy mình thấy nó không thật thì tự nhiên bệnh không thật. Người chịu bệnh cũng không thật thì có gì đâu là bệnh. Đây mới giải thích.

Vì có sao? Vì tứ đại hiệp nên giả danh là thân.

Cái thân này do tứ đại hợp, giả danh tạm nói là thân.

Tứ đại hợp là không chủ thì thân cũng là vô ngã.

Vì tứ đại cái gì là chủ. Nó không có chủ nên thân này vô ngã, thân này không chủ.

Lại cái bệnh này khởi đều do chấp ngã mà ra. Thế nên nơi ngã không nên sanh chấp trước.

Cái ngã mình đừng sanh chấp trước.

Đã biết cái gốc bệnh tức là trừ cái ngã tướng và cái chúng sanh tướng, phải khởi pháp tướng.

Mình biết cái gốc bệnh là do chấp ngã vì vậy phải trừ cái ngã tưởng và chúng sanh tưởng. Trừ cái ngã tưởng là tưởng mình thật. Chúng sanh tưởng, tưởng người thật. Bây giờ phải khởi pháp tướng. Pháp tướng là gì? Pháp tướng đây nên khởi nghĩ thế này.

Chỉ do cái pháp duyên hay là các pháp nếu hợp mà thành thân này. Chúng là các pháp hợp thành thân này. Khởi chỉ là pháp khởi. Diệt chỉ là pháp diệt.



PHẦN 14

Như lâu nay thấy nói đó nghĩa là tứ đại. Là bốn thứ, là pháp chứ gì. Khi tứ đại hợp thì thân này nó sinh. Khi tứ đại rã thì thân này nó hoại. Như vậy cái hợp là vái tan là chuyện của pháp chứ đâu phải chuyện của mình, phải không? Các pháp duyên hợp hay là ngũ âm. Là là pháp hợp. Tan là pháp tan. Chớ mình có chết có sanh gì đâu, phải không? Thấy vậy đó là mình biết có pháp chứ không có cái ta thực. Không có ta thực thì cái gì là đau.

Lại cái pháp này mỗi cái nó không biết nhau. Khi khởi nó không nói rằng tôi khởi. Khi diệt nó cũng không nói rằng tôi diệt.

Tứ đại khi nó hợp lại cũng không có nói ta cùng nhau hợp lại. Khi tan nó cũng không nói chúng ta cùng nhau hè đi. Không nói tự nó đi, tự nó lại, không biết gì hết. Như vậy có gì đâu mà nói rằng bệnh.

Những vị Bồ Tát có bệnh kia vì tưởng pháp diệt nên phải khởi nghĩ thể này. Cái pháp tưởng này cũng là điên đảo.

Khi mình khởi nghĩ tưởng như vậy vậy rồi, khi cái pháp nó diệt mình cũng nên khởi nghĩ thể này. Cái pháp tưởng này cũng là điên đảo. Điên đảo tức là đại họa, ta nên lìa nó.

Dầu bỏ cái tướng chúng sinh, cái tướng ngã mà khởi cái tướng pháp. Sau rồi khởi cái tướng pháp nó hợp nó tan không thật. Rồi cuối cùng cái tướng pháp cũng bỏ luôn. Như vậy mới được.

Thế nào là lìa?

-Lìa là lìa cái ngã, ngã sở.

Thế nào là lìa ngã, ngã sở?

-Nghĩa là lìa hai pháp.

Thế nào là lìa hai pháp?

-Nghĩa là không có nghĩ các pháp ở trong ở ngoài, hành được bình đẳng (tức là hành cái tâm bình đẳng).

Thế nào là bình đẳng?

-Nghĩa là ngã bình đẳng với Niết Bàn, hay là ngã đồng với Niết Bàn. Vì có sao? Vì ngã và Niết Bàn hai cái đó đều là không.

Vì có sao mà không?

-Chỉ là danh tự cho nên không.

Đây như thế hai pháp này tánh nó không quyết định. Bởi vì chúng ta quen nghe nói Niết Bàn là chỗ không sanh tử. Còn ngã là tướng sanh tử. Mà tướng sanh tử là tướng sanh, già, bệnh, chết, khổ. Niết Bàn không sanh tử cho nên Niết Bàn vui.

Như bây giờ đây khởi tâm bình đẳng, không thấy trong, không thấy ngoài. Nó luôn luôn không dính bên này, không kẹt bên kia. Bên ngã không có dính, bên Niết Bàn mình không có kẹt thì ngã pháp mình không còn bên nào dính kẹt nữa. Chỗ cao là Niết Bàn, chỗ thấp là ngã là sanh tử. Cả hai mình cũng thấy như nhau, không còn có cái tâm thiên bệnh này, bỏ bên kia thì đó là bình đẳng. Tại sao nói là bình đẳng? Ở đây giải thích hai cái đó vì sinh tử không thật thì Niết Bàn không thật. Rốt cuộc chỉ là cái tên sanh tử và tên Niết Bàn. Chớ còn khi đến chỗ cứu cánh nó không còn những tên đó nữa. Vì còn có tên lập ra, là cái pháp hư dối không có tánh quyết định.

Khi được bình đẳng thì không có các bệnh khác, chỉ có cái bệnh không. Bệnh không cũng không nữa. Thế nên Bồ Tát có bệnh dùng chỗ không sở thọ (tức là không chỗ thọ) mà thọ các cái thọ. Chưa đủ Phật pháp cũng chẳng diệt cái thọ mà thủ nơi chúng.

Bởi vì Bồ Tát bệnh, bệnh mà mình không nhận tất cả những bệnh đó. Tuy không nhận tất cả bệnh mà vẫn còn có cái nhận. Tại sao? Thấy mình chưa đầy đủ công đức, cứu độ chúng sinh thì mình cũng còn phải thọ trong sanh tử để rồi cứu độ chúng sinh. Chớ không nên vì không thọ mà để rồi nhập Niết Bàn. Cho nên nói rằng không thọ mà thọ tất cả.

Dù thân có khổ mà nghĩ chúng sinh ở ác thú, khởi sanh ra tâm đại bi. Ta đã điều phục cũng sẽ điều phục tất cả chúng sinh. Chỉ trừ bệnh kia mà không trừ cái pháp. Vì đoạn gốc bệnh mà giáo dục họ (hay là dạy dỗ họ).

Đây mới nói thêm tâm niệm của Bồ Tát khi mình bị bệnh khổ. Chính bản thân mình đang đau đớn, nhức nhối, khổ sở mà mình vẫn nhớ những chúng sinh ở địa ngục, ngạ quỷ, họ đang đau khổ gấp mấy nghìn lần mình. mình nghĩ như vậy nên vẫn khởi tâm thương xót họ mà quên bệnh của mình. nghĩa là mình cố gắng điều phục bệnh của mình thì cũng phải cố gắng điều phục làm sao cho chúng sinh ở trong những đường ác họ hết đau khổ.

Như ở đây nói thêm rằng chỉ trừ bệnh kia, mà không trừ cái pháp. Quý vị biết trừ bệnh mà không trừ pháp là sao không? Bởi thân chúng ta có lại là do 5 uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Rồi mình chấp 5 uẩn đó là mình thì gọi đó chấp ngã. Vì chấp ngã cho nên có khổ, có vui thì đó là bệnh. Như vậy đối với thân 5 uẩn này, chúng ta chỉ pháp bệnh chấp ngã chớ không phải phá hết 5 uẩn. Cho nên nói trừ bệnh mà không trừ pháp vì đoạn gốc sanh tử. Đoạn gốc bệnh là gốc sanh tử mà dạy dỗ chúng sinh. Như vậy chúng ta mới thấy rằng Bồ Tát lúc nào cũng nghĩ đến chúng sinh nhiều hơn là bản thân mình. Dù cho mình bệnh khổ mà không nhớ bệnh khổ của mình. chỉ nhớ làm sao dạy bảo cho mọi người họ hết được gốc bệnh. Tức là hết được gốc sanh tử. Đó là mục đích của mình, chớ không phải vì bệnh của mình mà quên khổ của người.

Đây mới hỏi:

Sao gọi là gốc bệnh?

-Nghĩa là có phan duyên. Từ có phan duyên ấy là gốc của bệnh.

Gốc bệnh tức là gốc sanh tử đó. Sở dĩ chúng ta có sanh tử là từ cái gì mà có? Là từ cái tâm phan duyên. Phan duyên tức là nắm bắt hay không buông cái này chụp cái kia. Lúc nào cũng đuổi theo nắm bắt thì gọi đó là phan duyên. Vì tâm chúng ta đuổi theo sắc trần, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Cứ như vậy mà đuổi cái này bắt cái kia mãi mãi. Cái tâm đó gọi là tâm phan duyên. Chính tâm phan duyên

đó nó tạo thành nghiệp mà có thân này, mà thân này là gốc của bệnh. Như vậy mình biết sở dĩ có thân thì gốc từ tâm duyên theo ngoại cảnh, chạy theo sáu trần mà có.

Sao gọi là phan duyên?

-Nghĩa là gọi đó là tam giới.

Quý vị thấy câu đó dễ hiểu không? Phan duyên là phan duyên cái gì? Đuổi theo nắm bắt cái gì? Tức là đuổi theo nắm bắt những cảnh trong dục giới, trong sắc giới, trong vô sắc giới. Thực tình chúng ta ở đây đang đuổi theo cảnh nào? Trong dục giới mà mình còn đuổi bắt quá chừng quá đỗi, phải không? Huống nữa là tới sắc giới, vô sắc giới.

Thí dụ những người mà tâm duyên tưởng theo các định Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên v.v... Những người đó nếu ngang đó mà chết thì sanh vào cõi trời sắc giới. Đó gọi là phan duyên sắc giới. Những người đeo đuổi theo cái định vô biên xứ, sắc vô biên xứ v.v... Khi chết thì sanh vào cõi Thiên vô sắc giới.

Như vậy hai cõi sắc giới và vô sắc giới, hiện giờ tâm mình có phan duyên theo không? Hay là phan duyên theo cái gì? Nội cái dục giới đây mà coi bộ nó chạy tứ tung, mình không kèm không nổi, phải không? Hết cái này tới cái nọ. Như vậy đây cắt nghĩa rõ ràng, sở dĩ mình có thân là vì cái tâm phan duyên. Mà phan duyên cái gì? Phan duyên với cảnh trong tam giới. Làm sao mà đoạn phan duyên? Tức là làm sao mà đoạn cái nắm bắt đó.

Dùng vô sở đắc. Nếu vô sở đắc thì không có phan duyên.

Quý vị thấy đây thật là kỹ càng. Bây giờ làm sao dứt tâm phan duyên đó thì bảo rằng chúng ta muốn dứt tâm phan duyên thì thấy không có cái gì là thật hết. Tất cả cái mình gọi là được, gọi là mất chỉ là ảo thôi, tạm bợ thôi, không có thật. Đã là giả tạm thì có cái gì thật được, thật mất đâu mà đuổi theo phải không?

Thí dụ: chúng ta đuổi theo những cái như là sắc, thanh, hương, vị... Nói gần nhất đi, bây giờ trong chúng mình giả sử như sáng có một huynh đệ nào tử tế, tốt bụng luộc cho 3 củ khoai lang. Một củ phần mình, còn dư hai củ chia cho hai

huynh đệ. Nhưng hai củ đó, một củ thì có sùng, một củ không sùng. Củ có sùng mình một huynh A. Củ không sùng mình cho huynh B. Huynh A được củ có sùng, tuy được cho mà cho củ có sùng. Anh B được cho không sùng. Ăn củ có sùng mình có vui không? Sau khi được ó sùng, ăn một khúc, bỏ một khúc. Rồi đối với việc huynh đó xử với mình đó, chừng mấy năm mình quên. Chừng mấy năm? Mỗi khi gặp là nhớ, ông này cho tôi khoai sùng. Cứ như vậy mà nhớ.

Như vậy thì chúng ta dính bởi những cái được và mất. Nhưng dù cho khoai sùng, khoai không sùng, nhai ngấu nghiến trong 5 phút, nuốt cái ực mất tiêu phải không? Nó có thật ở đâu. Nó không thật mà tâm phan duyên nó cứ dính, nó cứ giữ. Bởi dính, bởi giữ như vậy đó mà chúng ta phải trầm luân sinh tử đời đời. Chúng ta mới thấy điều hết sức là rõ ràng, sợ dĩ mình phải có sinh tử là vì tâm phan duyên những cảnh trong tam giới là vì mình thấy có được, có mất. Thấy có được thật, có mất thật, cho nên mới có cái chấp chặt đó, mới có cái đuổi theo đó. Bây giờ thấy không có cái được thật, không có cái mất thật. Cái gì chẳng qua là tạm bợ một chút rồi mất, không có thật. Biết được như vậy, thấy được như vậy thì tâm phan duyên nói hết. Như vậy cái tu hết sức rõ ràng nhưng chúng ta bây giờ ngồi kiểm điểm lại, thấy tất cả những chuyện buồn vui, có phải từ tâm phan duyên được mất đó mà ra không? Tất cả đều gốc từ cái đó. Bởi thấy có được, bởi thấy có mất, được thì vui, mất thì khổ. Vui cũng nhớ mãi, khổ cũng nhớ đời. Cho nên cứ trầm luân sinh tử.

Sao gọi là vô sở đắc (không chỗ được)?

Đáp rằng:

-Nghĩa là lia hai cái kiên chấp.

Bây giờ làm sao cho thấy được vô sở đắc. Ở đây bảo rằng: Chúng ta phải lia 2 kiên chấp.

Sao gọi là hai kiên chấp?

-Nghĩa là kiên chấp bên trong, kiên chấp bên ngoài. Ấy đều là vô sở đắc.

Kiến chấp bên trong là chấp thân. Kiến chấp bên ngoài là chấp cảnh. Nếu mình không chấp thân thật, mình không chấp cảnh thật thì tất cả đều là vô sở đắc, phải không? Còn sở dĩ mình bây giờ thấy chấp thân mình thật, chấp cảnh ở ngoài thật, cho nên mới có cái được thật và cái mất thật. Như vậy thật là rõ ràng cho người tu.

Tôi ôn lại cho quý vị nhớ. Cái gốc bệnh tức là chỉ cho cái gốc sanh ra trong tam giới. Hay là trong lục đạo đó là từ tâm vọng tưởng chạy theo cảnh. Gọi đó là phan duyên. Tâm vọng tưởng chạy theo cảnh đó không ngoài cảnh tam giới. Nếu mình muốn dứt tâm chạy theo cảnh tam giới đó thì mình phải thấy không có gì là cái được thật, mất thật hết. Làm sao mà không thấy được thật, mất thật? Là do mình không thấy có ở trong là ngã thật, ở ngoài là ngã sở thật. Hay nói cách khác, ở trong là thân thật, ở ngoài là cảnh thật. Được như vậy đó mới là đi tới chỗ vô sở đắc. Như vậy cái gốc tu hành hết sức là rõ ràng.

Văn Thù Sư Lợi, ấy là Bồ Tát có bệnh dùng cái tâm kia để mà điều phục.

Như vậy khi Bồ Tát bệnh phải dùng tâm đó mà điều phục. Vậy khi Bồ Tát có bệnh, khởi tâm đại bi thương xót chúng sinh thì phải biết gốc bệnh của chúng sinh là cái gì, rồi từ đó mình phẳng lần để chỉ dạy, để cho người ta dẹp hết cái gốc bệnh đó. Cuối cùng gốc bệnh là chấp ngã và ngã sở chớ không gì hết, phải không. Cái đó là cái cuối cùng.

Vì đoạn cái khổ, già, bệnh, chết ấy gọi là là Bồ Đề của Bồ Tát.

Như vậy Bồ Tát đoạn được Bồ Đề tức là được giác ngộ đó. Mà giác ngộ cái gì? Là giác ngộ dứt được cái già, cái bệnh, cái chết. Đó là chỗ giác ngộ của Bồ Tát. Nếu không như thế thì chỗ tu trị của mình không có trí huệ bén nhạy. Thí dụ như thắng được kẻ thù mới gọi là dũng sĩ. Như thế gồm trừ được già, bệnh, chết, mới gọi đó là Bồ Tát. Đây mới nói cho chúng ta thấy rõ, nếu Bồ Tát mà không được cái nhìn, cái nghĩ, cái quán sát như trên. Tức là khi mình bệnh, không nghĩ đến cái khổ của chúng sinh trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh để mà thương xót họ, để nghĩ

tới tìm cách cứu thoát họ ra khỏi sinh tử... Như vậy không phải là Bồ Tát có trí huệ bén nhạy. Đó là đoạn nói cho chúng ta rõ mạnh mỗi tu.

Bồ Tát có bệnh kia nên lại khởi nghĩ như thế này (Đây là chỉ cho Bồ Tát có bệnh phải khởi nghĩ như thế này. Nghĩ sao?). Như bệnh của ta đây không phải là chơn, không phải là có. Bệnh của chúng sanh cũng không phải là chơn, cũng không phải là có. Khi khởi quán như thế đối với các chúng sanh khởi ái kiến đại bi tứ nên xả ly (Tức là bỏ lìa nó).

Quý vị thấy khi Bồ Tát bệnh phải khởi nghĩ thế này. Bệnh của mình không phải là thật, cũng không phải là có. Bệnh của chúng sanh cũng không phải là thật, không phải là có. Khi quán như vậy rồi, đối với chúng sanh nếu có khởi ái kiến đại bi thì nên xả bỏ nó đi. Bây giờ trước hết tại sao mình phải thấy bệnh nó không phải thật, không phải có.

Bây giờ tôi hỏi tất cả mấy huynh đệ, cái bệnh của mình là thật, là có. Hay không phải thật, không phải có? Nếu bệnh mình là thật thì đau lúc nào cũng đau hoài, phải không? Vì nó thật, nó còn mãi, uống thuốc đâu có hết, vì nguyên nó là thật. Bởi nó không thật nên gặp thuốc trị nó hết. Như vậy cái gì thật thì nó còn nguyên vẹn mãi mãi. Cái gì khi có khi không thì nó không phải là thật. Mà không phải thật thì nó đâu phải thật có, phải không? Bệnh của mình như vậy, thì bệnh của chúng sanh cũng như vậy. Nhưng khi mình quán như vậy rồi thì chớ có khởi ái kiến đại bi. Nếu lỡ có khởi ái kiến đại bi thì phải bỏ. Đã nó là đại bi, sao còn gọi là ái kiến. Đây mới giải thích.

Vì có sao? Bồ Tát đoạn trừ khách trần phiền não mà khởi đại bi ái kiến. Bi đó tức là đối với chúng sinh có tâm mệt. Đối với sinh tử có tâm mệt mỏi. Nếu hay lìa được cái này không có nhàm chán, sanh ở chỗ nào cũng không có ái kiến che lấp, cũng không bị ái kiến che lấp.

Đó quý vị thấy cái ái kiến đại bi chưa. Ái kiến đại bi là sao? Nghĩa là khi mình từ khách trần phiền não. Cái gì gọi là khách trần phiền não? Nếu nó theo kinh Lăng Nghiêm thì cái gì là khách, cái gì là trần? Trong kinh Lăng Nghiêm nói,

nếu có người tới nhà người khác xin ở trọ một đêm rồi sáng ra đi. Người đó gọi là chủ hay khách? Khách. Người chủ nhà thì không ở trọ. Ở nhà đó mãi, gọi đó là chủ. Gọi đó là chủ là khách rồi. Trần trong kinh Lăng Nghiêm nói, như trong hư không khi mặt trời lên có ánh sáng rọi vào trong nhà, trong mây lỗ hờ nhìn thấy hư không trong nhà có những hạt bụi lửng lơ bay trong đó. Như vậy hạt bụi bay lửng lơ trong hư không thì đó gọi là trần. Hư không có bay lửng lơ không? Bụi bay lửng lơ, lửng lơ đó gọi đó là trần. Chủ không đi. Còn khách có đến và có đi thì gọi đó là khách. Như vậy mình nói khách trần phiền não là cái tâm vọng tưởng chột sanh, chột diệt, chột có, chột không. Trong khi mình dẹp trừ những phiền não hay những loại vọng tưởng điên đảo chột có, chột không đó, mình khởi ra cái tâm đại bi. Đại bi tức là mình thương mọi người. Mình muốn độ họ, mình muốn dẹp cho họ thì gọi đó là đại bi. Như tại sao lại là ái kiến/ tức là mình khởi tâm thương họ, muốn đoạn trừ phiền não cho họ. Nhưng đối sinh tử thì thấy sinh tử hoài mệt mỏi quá! Có tâm chán. Thôi! Đời này thôi, sau mệt rồi không có thêm trở lại độ nữa. Có tâm vừa chán như vậy đó là ái kiến đại bi. Tuy thương chúng sinh mà cảm thấy mình mệt mỏi. Như vậy là ái kiến đó là kiến cái gì?

Hai cái kiến hồi nãy đó. Là kiến ngã phải không? Ai mệt mỏi? Ta mệt mỏi. Bởi thấy ta mệt mỏi, thương chúng sinh nhưng thấy mình mệt mỏi thì gọi đó là ái kiến đại bi.

Mất chú có bệnh đó không? Chắc còn tệ hơn cái đó nhiều nữa. Cho nên Bồ Tát bảo rằng mình phải lìa tâm ái kiến đại bi đó thì mới không có sự mệt mỏi, nhàm chán. Nếu lìa được tâm ái kiến đại bi, không có sự mệt mỏi, nhàm chán thì sanh ra ở chỗ nào, bất cứ lúc nào cũng không bị ái kiến che lấp. Sanh ra liền nhớ bản hạnh của mình để tiếp tục tu. Còn nếu mình có mang ái kiến đại bi trong đó, sanh ra liền bị cái ái nó che, quên cái bản nguyện ban đầu của mình.

Thực ra mấy chỗ này chúng ta thấy quá là cao thượng, quá là siêu thoát. Nhìn lại mình thì sao? Chỉ có một đời này thôi mà khả năng mình có thể làm được việc này việc nọ. Mà sai làm một lần, hai lần thì còn rắng. Tới lần thứ ba, thứ tư

thì sao? Thôi! Con mệt lắm rồi! Không làm nữa đâu. Cái gì mệt? Cái ngã. Vì còn thấy mình thật, rồi có ái kiến. Từ cái ái kiến đó cho nên chấp ngã. Chấp ngã cho nên không muốn làm. Như vậy Bồ Tát sanh nhiều đời để độ chúng sanh, mà có khi một lúc nào đó cảm thấy mệt mỏi, đã là ái kiến đại bi. Còn mình chỉ có một đời này, hoặc làm việc có năm tháng, bảy tháng mà thấy mệt mỏi thì còn gì đại bi. Cái gì đại bi trả lời giùm coi. Ch nên mới thấy cái tầm thường, cái dở của mình, yếu của mình. cho nên giả sử ngang đây mà có chết, trở lại chắc quên hết trơn. Ít ra cũng gần tới đầu bạc mới nhớ, phải vậy không? Bởi vì tâm ái kiến còn nặng quá, nó đâu có mạnh. thấy vậy chúng ta mới biết cái gốc tu thật là sâu. Hiểu cho thật kỹ thì tu khỏi lầm lẫn. Chớ không thì học hạnh Bồ Tát, tu thì muốn thành Phật. Muốn thành Phật thì có qua hạnh Bồ Tát không? Nếu không qua hạnh Bồ Tát thì đâu thành Phật. Như vậy những cái Bồ Tát làm, mình chưa có tí ti gì hết trơn, phải không? Đó là cái xấu hổ của mình đó.

Cái chỗ sanh không bị trói buộc hay vì chúng sinh nói pháp mở trói buộc.

Nghĩa là Bồ Tát mà dứt ái kiến đại bi rồi thì sanh nơi nào cũng không bị ái kiến che lấp. Mình sanh ra không gì trói buộc mình hết. Rồi mình cũng hay vì chúng sinh nói pháp để mở trói buộc cho họ.

Như lời Phật nói, nếu tự có trói buộc mà hay cởi mở cho người kia thì không có lẽ ấy.

Phật dạy rằng nếu ai đó còn đang bị trói buộc mà muốn cởi mở cho người khác thì không có lẽ đó. Tôi nói thí dụ, như có đám ăn cướp vô nhà, mỗi người cột lại trong một cây cột. Nó lấy đồ hết, nó đi. Người nào cũng bị cột, bị trói trong cây cột. Bây giờ mình muốn mở cho huynh đệ mình mở được không? Khi mình đang bị trói? Dù cho mình có thương có muốn mở cho người khác mà chính mình chưa mở được thì cũng khó mở được cho ai. Cho nên Phật dạy chúng ta phải tự mở. Muốn tự mở thì phải phá hai kiến chấp về ngã, kiến chấp về ngã sở. Nếu phá được hai cái đó rồi là chúng ta mở được cái trói buộc. Rồi từ đó mới mở được trói buộc cho người khác. Đó là lẽ thật.

Nếu tự mình không trói buộc mà hay mở cho người kia, đâu là có lẽ ấy.

Lẽ ấy đó là lẽ thật. Mình không bị trói buộc, mình mở cho người khác, đó là lẽ thật không chối cãi được.

Thế nên Bồ Tát không nên khởi cái trói buộc.

Cho nên là Bồ Tát thì không nên khởi cái trói buộc. Khởi trói buộc tức là khởi những ái kiến về ngã và ngã sở. Nói như vậy ở đây các huynh đệ thấy lời dạy này có dính gì với mình không, có gần với mình không? Mấy huynh đệ có phát tâm thọ Bồ Tát giới không?

Như vậy mình là Bồ Tát rồi, phải không? Đang tu Bồ Tát hạnh thì phải học những lời dạy để Bồ Tát thực hành. Như vậy trước hết mình phải học cái gì là trói, rồi cái gì là mở. Biết được cái trói, rồi cái gì là mở. Biết được cái trói, cái mở rồi để mình mở trói cho mình và mình mở trói cho chúng sinh.

Thế nên Bồ Tát không nên khởi trói. Sao gọi là trói? Sao gọi là mở? Tham trước thiên vị, ấy là Bồ Tát bị trói. Do phương tiện sanh ấy là Bồ Tát mở.

Đây là tiến lên một bước cao nữa. Nếu Bồ Tát còn tham trước các thiên vị của mình, đó gọi là bị trói. Thí dụ có những vị tu thiên, nhập được Diệt Tận Định. khi nhập được Diệt Tận Định rồi an ổn, tự tại không khổ, không vui, không có phiền hà nào hết. Yên tron tĩnh lặng đó, rồi say sưa mãi trong đó thì có lợi ích gì cho ai không? Có cứu độ cho kẻ nào được không? nếu mình bám vào đó mình tự mãn, mình hài lòng thì gọi đó là bị trói. Đó là bị trói của Bồ Tát. Vì như vậy là mình không có phương tiện. Bởi không phương tiện nên không làm lợi ích cho ai được. Cho nên nó do phương tiện sanh, ấy là Bồ Tát mở. Trong khi mình vẫn được cái Thiên vị mà mình khởi phương tiện, tức là khởi lọng đại bị, muốn chỉ cho chúng sinh họ thoát khổ như mình. Như vậy đó là mở được cái trói. Còn nếu mình tự hài lòng, tự mãn với cảnh của mình được thì đó là bị trói.

Lại không có phương tiện huệ, gọi là bị trói. Có phương tiện huệ gọi là mở.

Không có huệ phương tiện là trói. Có huệ phương tiện là mở. Bởi vì chúng ta tu mà cứ cố chấp những cái pháp mình được, rồi an trú ở trong đó. Gọi là không

có huệ phương tiện. Nếu không có huệ phương tiện thì đó là bị trói trong sở đắc của mình. còn nếu mình có huệ phương tiện thì mình không chấp cái sở đắc đó. Như vậy mình mới làm lợi ích cho mọi người thì gọi đó là có huệ phương tiện. Người đó là người được cởi mở.

Sao gọi là không có phương tiện huệ bị trói? Nghĩa là Bồ Tát do cái tâm ái kiến, trang nghiêm cõi Phật thành tựu cho chúng sinh đối với không, vô tướng, vô tác. Trong pháp không, vô tướng, vô tác mà tự điều phục ấy gọi là không phương tiện huệ bị trói.

Đây là chỉ thêm chỗ cao vút cho chúng ta thấy. Thường thường nói Bồ Tát tu thì phải khởi tâm trang nghiêm tịnh độ thành tựu chúng sinh, phải không? Trong khi khởi tâm trang nghiêm tịnh độ thành tựu chúng sinh đối với 3 pháp giải thoát môn là không, vô tướng, vô tác. Mình lấy đó mà điều phục. Như vậy gọi là không có phương tiện huệ, là bị trói.

Bây giờ sao gọi là có phương tiện huệ được giải thoát hay là được cởi mở. Nghĩa là không do tâm ái kiến trang nghiêm cõi Phật thành tựu chúng sinh đối trong 3 pháp không, vô tướng, vô tác dùng tự điều phục mà không nhằm chán. Ấy gọi là có phương tiện huệ mở.

Như vậy hai bên khác nhau chỗ nào? Bên kia có tâm ái kiến, trang nghiêm tịnh độ thành tựu chúng sinh, cung tu tam môn giải thoát. Bên nọ cũng trang nghiêm tịnh độ thành tựu chúng sinh, tu 3 môn giải thoát nhưng mà không ái kiến. Bây giờ chúng ta nghĩ thế này, mình ráng vận động cất một ngôi chùa cho thật đẹp để rồi mình về ở đó tu dưỡng già cho khỏe thân. Như vậy cũng cất chùa, cũng lo cho tam bảo nhưng mà nghĩ về đó cho khỏe thân của mình thì có ái kiến không? Còn bây giờ mình cũng muốn vận động cất chùa cho to để nuôi chúng để hướng dẫn họ tu hành, để họ tiến tới chỗ giải thoát mà không nghĩ mình thế nào hết. Cái đó có ái kiến không?

Như vậy cũng một việc làm mà một bên còn ái kiến. Cho nên chúng ta tế nhị đừng hiểu lầm. Nhiều khi cứ nghe nói cất chùa thì tưởng ai cũng tốt hết. Nhiều

khi cất chùa muốn chùa mình cho hơn người khác thì đó có ái kiến không? Rồi cứ vậy hoặc cất chùa để rồi thu hút Phật tử cũng dường nhiều... Những cái đó đều từ bệnh ái kiến mà ra. Ở đây nghĩ tới trang nghiêm cõi Phật thành tựu chúng sinh, tu 3 môn giải thoát mà còn nghĩ về mình nữa thì còn là ái kiến thay. Vốn nữa là những (thiếu một chút đầu mặt B cuộn 6) rõ lời của các vị Bồ Tát chỉ cho mình biết bệnh để mà tránh. Tránh được bệnh thì mới mong giải thoát được, mới mong tiến lên Phật quả được.



PHẦN 15

Sao gọi là không có huệ phương tiện bị trói? Nghĩa là Bồ Tát trụ nơi tham dục, sân nhuế, tà kiến... Các thứ phiền não mà gieo trồng các gốc công đức. Ấy gọi là không có huệ phương tiện bị trói.

Quý vị thấy nghĩa là Bồ Tát cũng làm lợi ích cho chúng sinh mà còn tham dục, con sân nhuế, còn tà kiến... làm mọi việc phước đức, phước đức này, phước đức nọ. Thấy ai khổ mình giúp. Thấy ai bệnh mình giúp. Làm đủ thứ hết nhưng giúp thì giúp mà động tới nổi sân đùng đùng thì đó gọi là gì? Động tới thì cũng là tham. Thành ra làm việc công đức mà còn tham dục, còn sân nhuế, còn tà kiến thì làm việc công đức đó là không có trí tuệ phương tiện là bị trói buộc. Nhớ cho thật rõ mấy điều đó.

Sao gọi là có trí tuệ phương tiện được cởi mở? Nghĩa là lìa các tham dục, sân nhuế, tà kiến... các thứ phiền não mà gieo trồng các gốc công đức rồi hồi hướng về vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ấy gọi là huệ phương tiện giải thoát hay được cởi mở.

Như vậy cũng làm việc công đức, hai bên đều làm công đức, mà một bên làm việc công đức còn mang trong lòng mình tham dục, sân nhuế, tà kiến. Còn một bên làm việc công đức mà dứt lìa những cái đó, rồi lại hướng về Phật đạo thì gọi là có trí tuệ phương tiện. Đó là được giải thoát.

Văn Thù Sư Lợi, những vị Bồ Tát có bệnh kia nên như thế mà quán các pháp (phải quán các pháp như vậy đó). Lại nữa quán thân vô thường, khổ, không, phi ngã, ấy gọi là huệ. Tuy thân có bệnh mà thường ở trong sanh tử làm lợi ích cho tất cả chúng sinh không biết mệt mỏi, không biết chán mỏi. Ấy gọi là phương tiện lại nữa quán thân, thân chẳng lìa bệnh, bệnh chẳng lìa thân. Bệnh ấy, thân ấy phải mới, không phải cũ. Ấy gọi huệ. Dù thân có bệnh mà không hằng diệt. Ấy gọi là phương tiện.

Đoạn này lại chỉ thêm cho chúng ta thấy là Bồ Tát cũng dùng những pháp vô thường, khổ, không, vô ngã của Phật dạy. Minh thấy rõ được lý vô thường, khổ, không, vô ngã, gọi đó là trí huệ. Tuy thấy như vậy mà thường Thanh Văn thấy vô thường, khổ, không, vô ngã thì liền thấy Niết Bàn là tịch tịnh, phải không? Rồi thích an trú nơi Niết Bàn. Còn Bồ Tát thấy vô thường, khổ, không, vô ngã mà thân này biết là thân có bệnh mà ở trong sanh tử để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, không biết mệt mỏi. Đó gọi là Bồ Tát có phương tiện. Chớ không phải các Ngài thấy thân này là thật, là quý. Cho nên sanh ra rồi chết đi, họ muốn sanh lại vì họ quý thân.

Còn một hạng người nữa là thấy thân này vô thường, khổ, không, vô ngã. Rồi biết nó quá tạm bợ, nó không có giá trị gì, rồi muốn bỏ luôn để nhập Niết Bàn. Đó là hai quan niệm của phàm phu và của Nhị thừa. Bồ Tát ngược lại biết rõ thân vô thường, khổ, không, vô ngã mà vẫn mang thân làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, không biết chán mỏi. Đó là tâm niệm của Bồ Tát. Hai cái khác nhau chỗ đó đó.

Rồi lại nữa ở đây mới nói Bồ Tát phải quán thân. Thân không lìa bệnh. Quán thân, chữ thân trước là bảo mình quán thân. Cái thân này không lìa bệnh, rồi bệnh không lìa thân. Bệnh ấy, thân ấy không phải mới, không phải cũ. Ấy gọi là huệ. Tại sao vậy? Bây giờ chúng ta xét thân này và cái bệnh, hai cái đó rời nhau không? Bệnh ở ngoài thân có hay là từ trong thân ra? Như vậy nếu bệnh không ngoài thân thì tức nhiên thân không lìa bệnh mà bệnh cũng không lìa thân. Như vậy bệnh và thân cũng không phải mới cũng không phải cũ. Sao vậy? Mới phát bệnh hồi nãy thì nói mới, phải không? Còn bệnh năm xưa gọi là cũ. Tại sao đây nói không phải mới, không phải cũ?

Bởi nếu có thân là có bệnh. Tại sao vậy? Vì Phật đã dạy thân này là tứ đại hợp. Tứ đại hợp thì tứ đại có hợp nhau hay không? Tứ đại là chống nghịch. Mà chống nghịch là gốc bệnh. Cho nên có thân là có bệnh. Cái bệnh đó có sẵn hay là mới có? Có tứ đại hợp là có bệnh liền. Như vậy nó không phải mới rồi phải không? Nhưng tại sao không phải cũ? Nó không phải mới vì có thân là gốc bệnh, cho nên

bệnh không phải là mới. Nhưng khi chưa đủ duyên thì nó không phát. Khi gặp duyên nó mới phát, cho nên không phải là cũ. Như vậy để thấy rõ rằng cái thân và bệnh cũng không phải mới, không phải cũ, không phải lìa nhau. Thấy được như vậy đó gọi là có trí tuệ.

Dù thân có bệnh mà chẳng hằng diệt. Dù Bồ Tát biết rằng cái thân này là gốc của bệnh. Nhưng không muốn nhập Niết Bàn. Vì sao? Vì muốn còn thân mà giáo hóa chúng sinh. Vì chúng sinh mê muội. Thân giả tưởng là thật, khổ tưởng là vui... Mê muội như vậy. mình bây giờ được biết, mình biết rồi mà mình lại muốn tịch diệt thì ai dạy giùm họ, ai giáo hóa cho họ. Cho nên biết được như vậy rồi lý đáng các Ngài đủ điều kiện nhập Niết Bàn mà không nhập Niết Bàn. Ấy gọi là phương tiện. Phương tiện của Bồ Tát là như vậy.

Văn Thù Sư Lợi, Bồ Tát có bệnh nên như thế mà điều phục tâm kia. Chẳng trụ ở trong ấy cũng lại chẳng trụ, chẳng điều phục tâm.

Như vậy câu này nghe dễ hiểu không? Nói rằng nếu Bồ Tát có bệnh thì nên như thế mà điều phục tâm đó, nhưng mà chẳng trụ trong chỗ điều phục đó. Tại sao vậy?

Vì sao? Nếu trụ chẳng điều phục tâm, ấy là pháp của người ngu. Còn nếu trụ ở điều phục tâm, ấy là pháp của Thanh Văn. Thế nên Bồ Tát không phải trụ ở nơi điều phục mà chẳng điều phục tâm. Lìa hai pháp này, ấy gọi là hạnh Bồ Tát.

Chỗ này quý vị nghe cho kỹ để thấy cái cao thượng của Bồ Tát. Vì nếu Bồ Tát lo điều phục tâm của mình thì điều đó rất tốt, rất phải rồi. Nhưng mà cố chấp cái điều phục đó là cứu cánh, rồi cứ lo điều phục mãi, như vậy đó trở thành Thanh Văn, quên làm lợi ích cho chúng sinh. Còn nếu kẻ chưa bao giờ biết điều phục tâm thì kẻ đó là kẻ nào? Kẻ mà chưa bao giờ biết điều phục tâm thì gọi kẻ đó là kẻ gì? Kẻ ngu. Cái pháp của người ngu. Bởi vì tâm muốn gì thì họ chạy theo cái nấy. Diên đảo đủ thứ thì đó là cái pháp của người ngu. Thành ra Bồ Tát không kẹt ở hai bên đó. Không kẹt ở bên người ngu mà cũng không kẹt ở cố chấp điều phục mà quên làm lợi ích cho chúng sinh.

Ở trong sanh tử không làm những hạnh ô uế. Trụ nơi Niết Bàn mà không hằng diệt độ. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Cái này thật là khó. Ở trong sanh tử, tức là sống trong sanh tử như mọi người. Cũng như chúng sinh mà không bao giờ làm hạnh ô uế. Hạnh ô uế như là tham, sân, si. Hay là phá trai, phạm giới. Gọi đó là hạnh ô uế. Trụ Niết Bàn mà không hằng diệt độ. Trụ Niết Bàn đây không phải là chấp. Trụ ở tâm thanh tịnh không có dấy động. Cái tâm hằng như như. Đó gọi là trụ Niết Bàn mà không hằng diệt độ. Tức là không phải nhập Niết Bàn bằng một cách mãi mãi không sanh trở lại. Đó là hạnh của Bồ Tát. Như vậy Bồ Tát tuy ở trong sanh tử mà tâm hằng được thanh tịnh như như. Tuy tâm hằng thanh tịnh như như mà không có ưng nhập Niết Bàn. Tức là không có đến chỗ vô sanh. Đó là hạnh của Bồ Tát.

Không phải là hạnh phạm phu. Không phải là hạnh hiền thánh. Ấy là hạnh Bồ Tát.

Câu này quý vị thấy dễ hiểu không? Không phải hạnh phạm phu thì mình hiểu rồi, mà không phải hạnh hiền thánh. Như vậy là sao? Bồ Tát có phải là hiền thánh không? Đây tôi thí dụ.

Thí dụ như có kẻ phạm phu họ mê say rượu chè. Rồi có người tu giữ giới thanh tịnh, biết rượu chè là tội lỗi, tránh xa không bao giờ bén mảng đến. Người mê say rượu chè đó là kẻ xấu phải không? Còn người tránh xa rượu chè đó là người tốt. Người tốt tức là người hiền phải không? Như vậy một bên mê say, một bên xa lánh. Còn Bồ Tát không phải vậy. không mê say rượu chè nhưng có khi ngồi quán rượu để dạy cho người ta bỏ rượu. Như vậy đó là hạnh của Bồ Tát. Quý vị thấy nó khác hơn phạm phu ngồi quán rượu vì say rượu, vì mê rượu. Còn hiền thánh vì tránh, biết chỗ đó xấu, không bén mảng tới, thì đó là hạnh người tốt. Nhưng đây vẫn tới chỗ đó, không vì mê say mà vì giáo hóa họ. Cho nên nói hạnh đó là hạnh Bồ Tát. Cái này thật là, đến đó mới dám làm nghe. Chứ đừng tưởng lấy cớ rằng tôi tu hạnh Bồ Tát, rồi sớm la cà quán rượu, chiều la cà thanh lâu. Nói tôi tới đây để giáo hóa họ. Nhưng giáo hóa ai chưa biết mà mình nghiền trước rồi. Cái

đó là đại tội đó. Nên Bồ Tát tới đó mà không phải như tâm phàm phu. Như vậy mới đúng là hạnh Bồ Tát.

Không phải cái hạnh cầu. Không phải cái hạnh tịnh. Ấy là cái hạnh Bồ Tát.

Không phải hạnh cầu (tức là hạnh nơ nhớp). Cũng không phải hạnh tịnh. Ấy là hạnh Bồ Tát. Hạnh cầu là gì? Hạnh tịnh là gì? Hạnh cầu, thí dụ như những kẻ tham lam, nóng giận v.v... Hạnh đó là cầu hay tịnh? Đó là hạnh cầu, hạnh nơ nhớp. Hạnh tịnh là những người không tham lam, không nóng giận, đó là hạnh tịnh. Nhưng Bồ Tát thì không phải cả hai cái đó. Bồ Tát có khi các Ngài la rầy, đánh đập. La rầy, đánh đập là vì cái gì? Vì để răn, để sửa những chúng sanh ngoan cố. Nhưng vì thương họ, la rầy, đánh đập. Cái hạnh la rầy, đánh đập đó cầu hay tịnh? Là cầu rồi phải không? Nhưng mà không ở trong lòng xấu, không phải vì tham vì sân. Vì vậy mà không phải cầu. Mà đã la rầy đánh đập rồi làm sao gọi là tịnh được phải không? Cho nên không phải là tịnh. Đó là hạnh của Bồ Tát. Thực ra hạnh của Bồ Tát là hạnh không thể lường được. Người phàm khó thấy, khó biết. Chúng ta luôn luôn thấy có hai bên. Ai xấu thì chúng ta thấy xấu. Ai tốt thì chúng ta thấy tốt. Thấy người xấu mình chê. Thấy người tốt mình khen. Hai cái đó hết sức rõ và cũng hết sức dễ. Còn hàng Bồ Tát này có khi thấy họ như xấu mà tâm họ không phải xấu. Rồi mình làm sao, mình khen hay mình chê? Đó là những điều mà gọi là hạnh Bồ Tát, là cái hạnh khó, hạnh nghĩ bàn, khó mà thấy tới được.

Tuy qua khỏi hạnh của ma mà hiện hàng phục chúng ma. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Bồ Tát thì đâu còn bị nghiệp chướng sanh trong các loài ma vương hay quỷ thần. Nhưng các Ngài có khi cũng thị hiện làm những việc của quỷ thần, của ma vương để hàng phục chúng nó, chớ không phải tránh nó mãi mãi.

Câu nhất thế trí, không cầu phi thời. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Quý vị thân câu này dễ hiểu hay khó? Câu nhất thế trí không cầu phi thời. Ấy là hạnh của Bồ Tát. Bởi vì nhất thế trí là trí biết tất cả. Hàng Thanh văn thì được nhất thế trí còn Phật thì gọi là gì? Là đạo chủng trí. Bồ Tát, các Ngài cũng

cầu nhất thế trí nhưng mà không phải cầu phi thời. Nghĩa là cầu nhất thế trí để biết tất cả tâm địa và các pháp để giáo hóa chúng sinh. Chớ không phải cầu nhất thế trí để an trụ Niết Bàn, để thoát ly sinh tử cho bản thân mình. vì vậy mà nói không cầu phi thời. Đó là hạnh của Bồ Tát.

Tuy quán các pháp chẳng sanh mà chẳng nhập chánh vị. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Nghĩa là quán thấy các pháp không có thực tính, do duyên hợp tự tánh là không. Mà tự tánh là không thì duyên hợp gọi là sanh. Duyên ly tán gọi là diệt. Cái sanh cái diệt đó không thực cho nên nói rằng thấy nó không sanh. Thấy không sanh mà không nhập chánh vị. Chánh vị đây là chỉ cho Niết Bàn. Niết Bàn là vô sanh. Tuy thấy các pháp không sanh mà mình không. Nhập chỗ không sanh. Đó là hạnh của Bồ Tát.

Tuy quán 12 nhân duyên, 12 duyên khởi mà nhập vào các tà kiến. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Nói rằng Bồ Tát quán 12 duyên khởi mà vào tà kiến. Bởi vì thường chúng ta học đạo thì pháp duyên khởi là pháp chính của người tu, của Thanh Văn, của Bồ Tát, do Phật dạy. Thấy các pháp do duyên sinh là thấy đúng chân lý. Thấy đúng lẽ thật. Còn nếu thấy có, thấy không, thấy phải, thấy quấy là thật thì đó là thấy tà kiến, phải vậy không? Vậy thì Bồ Tát lúc nào cũng thấy rõ các pháp là duyên khởi. Nhưng đối với chúng sinh phải dạy họ bỏ điều ác. Nói đây là điều ác thật phải bỏ đi. Đây là điều thiện thật phải ráng làm. Như vậy có tà kiến không? Điều ác, điều thiện là duyên hợp không thật, phải không? Nhưng mình vẫn nó nó thật, để bảo người ta tránh. Mình nói nó thật để bảo người ta làm. Như vậy có vào tà kiến không? Như vậy để hiểu cho thật rõ, chớ nhiều khi chúng ta chỉ nhìn có một chiều, mình thấy cái gì cũng duyên khởi tánh không, rồi nói cái gì cũng không không hết trơn. Rồi mấy người mới vào đạo, nói các pháp không thật, họ biết làm sao mà tu đây, phải không? Cho nên mình biết rõ các pháp duyên khởi tánh không, nhưng kẻ mới học đạo, thì phải chỉ thẳng rằng, đây là cái tội. Tội này là thật đó, chớ tạo sẽ bị

đọa vào địa ngục. Đây là cái phước thật đó, nếu tu thì sanh thiên đường. Mình nói như khăng đĩnh thì có giống tà kiến không? Giống tà kiến. Mà chính đó là hạnh Bồ Tát vì làm lợi ích cho chúng sinh, chớ không nói theo cái thấy riêng của mình.

Tuy nhiếp phục tất cả chúng sinh mà không có ái trước. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Tuy là mình nhiếp phục mình giáo hóa được tất cả chúng sinh mà mình không có mê chấp ở đó thì đó là hạnh của Bồ Tát.

Tuy ưa xa lìa mà chẳng y nơi thân tâm hết. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Mấy câu này nghe lạ. Tuy là ưa xa lìa mà chẳng y nơi thân tâm hết. Ưa xa lìa tức là vì Bồ Tát thấy thân là không thật. Thấy thân là nhớp nhúa, là tạm bợ. Cho nên Ngài cũng thích xa lìa nó. Nhưng vì lòng đại bi muốn giáo hóa cho mọi người cùng thấy như mình, cùng được như mình, nên không để thân tâm này nó hết, vẫn để cho nó còn tiếp tục tái sanh để giáo hóa họ. Chớ không phải vì thấy thân này vô thường không rồi, muốn xa lìa mãi mãi, nhập Niết bàn không còn tái sanh nữa. Bồ Tát biết điều đó, ưa điều đó, mà vì thương chúng sinh nên vẫn giữ thân tâm còn lại để giáo hóa họ. Đó là hạnh Bồ Tát.

Tuy là đi trong tam giới mà không phá hoại pháp tánh. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Pháp tánh là gì? Tức là tánh thể của các pháp. Tánh thể của các pháp thật có không? Cái nhà có nó có thực tựa cái nhà không? Như vậy cái nhà không có thực thể cái nhà. Cái chuông không có thực thể cái chuông. Cái mõ không có thực thể cái mõ. Cho tới mọi người, mọi cảnh, đều là tướng lừa dối không có thực thể. Tất cả cảnh trong dục giới, không có thực thể, thì sắc giới, vô sắc giới cũng không có thực thể. Như vậy các Ngài làm hạnh Bồ Tát, tuy là qua lại trong tam giới mà không phá hoại pháp tánh. Tức là đi qua lại trong tam giới mà vẫn thấy rõ tam giới là không thực. Tam giới là hư dối, thấy rõ như vậy. Đó là hạnh Bồ Tát. Chớ không phải như mình đi trong tam giới rồi mê, tới đâu tưởng thiệt tới đó.

Như bây giờ mình ở trong dục giới này, mình thấy thiệt không? Như vậy mình có pháp hoại pháp tánh không? Chúng ta vào trong cõi nào thì chúng ta liền thấy cõi đó là thật. Đó là phá hoại pháp tánh. Còn Bồ Tát vào trong tam giới mà vẫn thấy tam giới không thật, không có tự thể, cho nên không phá hoại pháp tánh.

Tuy hành nơi không mà gieo trồng các gốc công đức. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Học những cái này chúng ta phải nghiêm ngẫm cho thật kỹ. Nhiều khi mấy chú mới học đạo, nghe nói các pháp do duyên hợp, tánh nó là không, tội cũng không thật, phước cũng không thật v.v... Mà tội không thật, phước không thật thì làm phước làm gì. Rồi thôi nghề ngao mà chơi. Như vậy đó là cái bệnh. Cho nên đây biết rõ các pháp tự tánh là không, nhưng mọi công đức vẫn không bỏ sót, vẫn không quên làm thì đó là hạnh của Bồ Tát. Nhớ như vậy. Chớ để nhiều khi chúng ta học rồi cái học đó nó làm chướng ngại việc lành. Nên tôi thối thiết nhất là câu mà đức Phật nói rằng, đức Phật còn mót từ cái phước xỏ kim. Còn chúng ta công đức cỡ nào mà nhiều khi thấy việc lành không muốn làm. Huynh đệ có việc gì nặng nhọc, họ làm không muốn nổi, kêu giúp một tay thì ngó lơ đi. Như vậy đó mấy chú nghĩ sao? Mình có phước hơn Phật không? Nghĩa là Phật còn xỏ kim giùm cho Ngài A Na Luật, khi Ngài không thấy đường xỏ kim để vá áo. Ngài than rằng:

-Ai làm phước lại xỏ giùm cây kim cho tôi.

Phật liền đi tới nói:

-A Na Luật, đưa đây ta xỏ kim cho để bòn 1 chút phước.

Mấy chú thấy Phật còn tiếc từng cái phước xỏ kim. Còn mình bây giờ tu hành chưa ra trò ra trống gì, mà những điều phước thiện để cho vui với nhau đó, mình còn không muốn làm thì thiệt là quá dở phải không? Đó là những điều Bồ Tát làm.

Tuy hành vô tướng mà độ chúng sinh. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Hành vô tướng tức là thấy tất cả pháp không có tướng thật. Thí dụ như chúng ta nhìn cái đồng hồ. Phàm phu cho đó là đồng hồ thật, có tướng tròn, tướng vuông, tướng đẹp, tướng xấu. Nhưng với con mắt trí tuệ của hành duyên giác thì thấy đồng hồ chỉ là một mớ bộ phận ráp lại. Mếu mở tháo tung ra thì có còn gì là đồng hồ đâu. Từng bộ phận ráp lại đủ thì tạm gọi là đồng hồ. Mở tung ra thì không có đồng hồ thật. Như vậy các pháp có tướng gì thật đâu.

Như cái nhà này, mình nói nó là cái nhà, hình chữ nhật hay là hình gì đó. Như sự thật là hình chữ nhật, hay là nó có thương thật là hình thể này thể kia không? Chẳng qua là một mớ duyên ráp lại, rồi nó có cái giả tướng. Cái giả tướng đó nó không thật. Cho nên Bồ Tát thấy cái tướng là không thật mà độ chúng sinh không mệt mỏi. Chớ còn nói tất cả pháp không có tướng nào thật hết thì chúng sinh cũng đâu có thật. Chúng sinh không thật thì khổ vui đâu có thật phải không. Khổ vui không thật thì khổ kệ họ, cứu họ làm chi, khổ đâu có thật. Như vậy tâm niệm đó chưa phải là tâm niệm của Bồ Tát. Tuy không có tướng thật mà luôn luôn cứu độ chúng sinh, làm lợi ích cho chúng sinh. Đó là hạnh của Bồ Tát.

Tuy hành vô tác mà hiện thọ thân. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Tuy hành vô tác, (vô tác đây là vô nghiệp). Bồ Tát không còn nghiệp để sanh tử nữa nhưng luôn luôn hiện thân trong tam giới để giáo hóa chúng sinh đó là hạnh của Bồ Tát.

Còn mình bây giờ làm sao? Mong tu hết nghiệp cho rồi, khỏe phải không? Mấy chú có ham điều đó không? Làm sao cho mình hết sanh nghiệp để mình giải thoát cho rồi còn thiên hạ ở đây ai sao kệ họ, miễn mình giải thoát thì thôi. Cho nên nhiều khi toooi nói mình tàn nhẫn, ăn cơm của bá gia bá tánh, mỗi ngày nhận lãnh của người ta mà tu rút cho mình về cực lạc phứt cho rồi, để thiên hạ bà con ở đây làm sao thì làm. Như vậy có tàn nhẫn không. Hay là mình nhận của thiên hạ ăn mỗi ngày, cả ăn cả mặc, mà bây giờ nói tôi tu rút để tôi nhập Niết bàn, hết sanh tử. Vậy ai trở lại đây tiếp độ họ? Có phải là mình muốn quịt nợ không? Cho nên chúng ta phải có tâm niệm cao thượng của Bồ Tát hạnh để thấy rõ cái gì nên làm.

Chớ không nhiều khi cái tu của mình không khéo nó biến thành ích kỷ, của người ta thì nhận mà cứ lo phận mình thôi. Cái đó thật là tàn nhẫn đó. Hiểu cho rõ mới thấy Bồ Tát hết nghiệp nhưng vẫn hiện thọ thân. Chúng ta tu những nghiệp ác của thân, khẩu, ý. Những nghiệp sanh tử của thân, khẩu, ý chúng ta dừng nhưng vẫn nguyện cầu tiếp tục sanh trong ta bà hay trong tam giới để giáo hóa chúng sinh. Như vậy mới là hạnh của Bồ Tát.

Tuy hành vô khởi mà khởi tất cả hạnh lành. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Tuy hành vô khởi mà khởi tất cả các pháp không có thật tướng. Không có thật tướng thì cái gì sinh, cái gì diệt? Sinh tức là khởi. Tuy thấy các pháp không sanh, không diệt mà luôn luôn khởi tất cả hạnh lành để làm lợi ích chúng sinh. Đó là hạnh Bồ Tát.

Tuy hành lục Ba La Mật mà khắp biết tâm vương, tâm sở. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Tuy hành Lục Ba La Mật, tức là 6 pháp Ba La Mật. Sáu pháp Ba La Mật là lục độ để đi đến bờ kia, tức là bờ của Niết Bàn. Tới bờ giải thoát rồi nhưng luôn luôn cốt thấy được tâm niệm, tâm vương, tâm sở của chúng sinh. Tâm thiện, tâm ác, tâm thế này thế kia để dùng phương tiện giáo hóa họ. Đó là hạnh của Bồ Tát. Chớ không phải dùng lục độ đưa mình qua bên kia rồi an trú ở Niết Bàn. Không phải vậy.

Tuy hành lục thông mà không có tận lậu. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Lục thông là gì? Tức là 6 thức thân thông: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, rôi Túc mạng thông, Tha tâm thông, Thần túc thông và Lưu tận thông. Tuy tu đủ lục thông mà chưa cái thông sau chót đó, là Lưu tận thông. Vì Lưu tận là chỉ cho các nghiệp đã sạch hết, không còn để rớt trong tam giới. Gọi đó là lậu tận. Bồ Tát tuy đủ lục thông nhưng về cái rớt trong tam giới thì các Ngài còn để dành lại. Để dành cái đó để đi trong tam giới để độ chúng sinh, chớ các Ngài không chịu rớt trong tam giới. Cho nên không có lậu tận.

Tuy hành Tứ vô lượng tâm mà không tham trước sanh ở cõi trời Phạm Thiên. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Bởi vì trong kinh Phật thường nói người nào tu: Từ, Bi, Hỷ, Xả, bốn hạnh đó viên mãn thì được sanh về cõi trời Phạm Thiên. Bồ Tát cũng tu bốn hạnh: Từ, Bi, Hỷ, Xả nhưng không cốt để sanh về cõi Phạm Thiên. Đó là hạnh Bồ Tát.

Tuy hành Thiên định, giải thoát tam muội mà không rơi trong Thiên sanh. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Nói rằng chúng ta tu như là được định Sơ thiên, được định Nhị thiên, định Tam thiên, định Tứ thiên, rồi cho tới Không vô biên xứ ... Tất cả những tam muội đó Bồ Tát cũng tu hết, nhưng các Ngài không vì sanh ở trong các chỗ đó. Thí dụ nhưng người tu định Sơ thiên thì chết sanh về cõi Sơ thiên thiên phải không? Người được định tứ Thiên, thì chết sanh về Tứ thiên thiên. Ngài tu hết những định đó mà không chịu sanh về những cõi đó mà trở lại Ta bà giáo hóa chúng sinh. Đó là hạnh Bồ tát.

Tuy hành Tứ Niệm Xứ mà không có cứu cánh hằng lìa thân thọ, tâm, pháp. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Thường thường Tứ niệm xứ là quán làm sao? Quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Bốn pháp quán đó thành công rồi thì vĩnh viễn lìa thân, không còn bị sanh trở lại nữa. Nhưng các Ngài tu bốn hạnh đó là không vĩnh viễn lìa thân, cũng không vĩnh viễn lìa thọ, tâm và pháp, để còn thân, còn thọ, còn tâm, pháp mà trở lại giáo hóa chúng sanh. Đó là hạnh của Bồ Tát.

Tuy hành Tứ chánh cần mà không xả thân tâm tinh tấn. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Nói rằng Bồ Tát tu Tứ chánh cần (Tứ chánh cần thì dễ nhớ rồi). Điều ác chưa sanh thì ngăn đừng cho nó sanh. Điều ác đã sanh thì cố gắng tiêu diệt. Điều ác đã sanh thì cố gắng tiêu diệt. Điều thiện chưa sanh thì kích phát cho nó sanh. Điều thiện đã sanh thì tạo điều kiện cho nó tăng trưởng. Đó là Tứ chánh cần. Bồ

Tát. Bồ Tát tu Tứ chánh cần này mà không bỏ thân tâm tinh tấn. (Tức là tu Tứ chánh cần rồi mà thân tâm mãi mãi tinh tấn không dừng). Gọi là hạnh của Bồ Tát.

Tuy hành Tứ như ý túc mà được tự tại thân thông. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Tứ như ý túc là bốn pháp của Đại thừa tu đó. Tứ như ý túc, mấy chú nhớ là gì không?

1- Là Dục Như Ý Túc.

2- Là Tinh Tấn Như Ý Túc.

3- Là Niệm Như Ý Túc.

4- Là Nhất Tâm Như Ý Túc (hay là định Như Ý Túc).

Như vậy Bồ Tát tu 4 cái đó thì theo phàm phu hay Thanh Văn? Tu 4 cái đó thì được đầy đủ 4 Như Ý Túc thôi. Còn các Ngài Bồ Tát tu 4 cái đó là đầy đủ tất cả thân thông. Đó là hạnh của Bồ Tát.

Tuy hành ngũ căn mà phân biệt chúng sinh, các căn lợi độn. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Tức là Ngũ Căn đó. Khi tu Ngũ Căn cốt làm sao để biết căn của chúng sinh, người đó lanh lợi, ngu độn để tìm cách giáo hóa họ. Đó là hạnh của Bồ Tát.

Tuy hành Ngũ Lực mà ưa cầu thập lực của Phật. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Hạnh Thanh Văn thì tu Ngũ Lực, Bồ Tát cũng tu Ngũ Lực nhưng các Ngài chỉ mong làm sao được thập lực của Phật mới thối. Đó là hạnh của Bồ Tát.

Tuy hành Thất giác phần mà phân biệt trí huệ Phật. Ấy là hạnh Bồ Tát.

Thất Bồ Đề phần là 7 phần giác ngộ. Bảy phần giác ngộ đó là của Thanh Văn, ở đây các Ngài cũng tu 7 phần đó nhưng cốt được trí huệ Phật, chớ không cốt được trí tuệ Thanh Văn. Đó là hạnh của Bồ Tát.

Tuy hành Bát chánh đạo mà ưa hành vô lượng Phật đạo. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Thường thường chúng ta tu Bát chánh đạo là dượt trừ tâm bệnh của mình. Ở đây Bồ Tát tu Bát chánh đạo nhưng nguyện hành vô lượng Phật đạo, thì đó là hạnh của Bồ Tát.

Tuy hành chỉ quán để làm pháp trợ đạo, không cứu cánh rơi ở tịch diệt. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Thường thường chúng ta tu chỉ hay là tu quán để làm gì? Để tâm mình yên lặng, phải không? Tâm yên lặng tức là tiến tới chỗ tịch diệt. Bồ Tát cũng tu chỉ tu quán, dùng cái đó để giúp cho đạo pháp, nhưng các Ngài không an trú chỗ tịch diệt. Đó là hạnh của Bồ Tát.

Tuy hành các pháp chẳng sanh, chẳng diệt mà dùng tướng hảo trang nghiêm thân kia. Ấy là hạnh của Bồ Tát.

Bởi Bồ Tát luôn luôn biết các pháp thực thể không sanh không diệt. Tuy thực thể không sanh không diệt mà luôn luôn tu các hạnh tướng hảo, trang nghiêm thân. Tại sao vậy? Lẽ ra thì các pháp không sanh không diệt

